

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	VI
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	19
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	19
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	<i>19</i>
<i>Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....</i>	<i>21</i>
<i>Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	<i>23</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	25
<i>Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	<i>31</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
<i>Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.</i>	<i>34</i>
<i>Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.</i>	<i>36</i>
<i>Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	<i>39</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	43
<i>Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>43</i>
<i>Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.....</i>	<i>45</i>

<i>Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.</i>	48
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	51
<i>Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.</i>	51
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.</i>	54
<i>Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	57
<i>Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.</i>	60
<i>Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.</i>	63
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	66
<i>Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i> ..	67
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	68
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	71
<i>Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.</i>	74
<i>Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>	76
<i>Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	79

<i>Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	81
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	85
<i>Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	85
<i>Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	88
<i>Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.</i>	91
<i>Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	92
<i>Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	94
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	98
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.</i>	99
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.</i>	101
<i>Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.</i>	102
<i>Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.</i>	105
<i>Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.</i>	109
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	113

<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	113
<i>Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	116
<i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	118
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	121
<i>Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	125
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	128
<i>Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.</i>	128
<i>Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i>	130
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.</i>	133
<i>Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</i>	136
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	140
<i>Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.</i>	143
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	147
<i>Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	147
<i>Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	151

<i>Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	155
<i>Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	159
<i>Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	162
PHẦN III. KẾT LUẬN	167
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT.	167
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.	169
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.	171
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.	174
PHẦN IV. PHỤ LỤC	177
1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT.....	177
2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG	203
3. Kế hoạch TĐG	208

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
2	BĐCLGD	BĐCLGD
3	BLQ	Bên liên quan
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CTXH	Công tác xã hội
9	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10	CSGD	Cơ sở giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CVHT	Cổ vấn học tập
15	CTSV	Công tác sinh viên
16	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
18	ĐCCT	Đề cương chi tiết
19	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
20	ĐGN	Đánh giá ngoài
21	ĐHH	Đại học Huế
22	ĐHKH	Đại học Khoa học
23	ĐTĐH&CTSV	Đào tạo đại học và Công tác sinh viên
24	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
25	GS	Giáo sư
26	GV	Giảng viên
27	GVC	Giảng viên chính
28	GVCC	Giảng viên cao cấp
29	HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
30	HTQT	Hợp tác quốc tế
31	HVCH	Học viên cao học
32	KĐCL	Kiểm định chất lượng
33	KHCN	Khoa học công nghệ
34	KHCN&HTQT	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
35	KHTC&CSVC	Kế hoạch tài chính và Cơ sở vật chất
36	KQHT	Kết quả học tập
37	KT&BDCLGD	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục
38	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
39	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
40	MC	Minh chứng
41	NCCB	Nghiên cứu cơ bản
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NCS	Nghiên cứu sinh
44	NH	Người học
45	NHTN	Người học tốt nghiệp
46	NV	Nhân viên
47	NCV	Nghiên cứu viên
48	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
49	PGS	Phó giáo sư
50	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
51	QĐ	Quyết định
52	SDH	Sau đại học
53	SHTT	Sở hữu trí tuệ
54	SV	Sinh viên
55	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
56	TC&HC	Tổ chức và hành chính
57	TĐG	Tự đánh giá
58	ThS	Thạc sỹ
59	TS	Tiến sỹ

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
60	TSKH	Tiến sỹ khoa học
61	TSTT	Tài sản trí tuệ
62	TTPC	Thanh tra pháp chế
63	THPT	Trung học phổ thông
64	TT&TV	Thông tin và Thư viện
65	VLVH	Vừa làm vừa học
66	XHH&CTXH	Xã hội học và Công tác xã hội

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Khoa XHH&CTXH được chính thức thành lập theo Quyết định số 170/QĐ-ĐHKH ngày 09/03/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH trên cơ sở sáp nhập Khoa Xã hội học và Khoa Công tác xã hội. Tuy nhiên, ngành Công tác xã hội được triển khai đào tạo bậc đại học từ năm 2005, tính đến nay đã và đang đào tạo 19 khoá với gần 2000 SV ngành Công tác xã hội. Gần 20 năm xây dựng và phát triển đã cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong thời kỳ mới. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường nói chung và Khoa XHH&CTXH nói riêng luôn quan tâm, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng của CTĐT. Các chính sách, hoạt động của Nhà trường và Khoa đều hướng đến mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội. Song song với công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường tiến hành TĐG các CTĐT trình độ đại học trong đó có CTĐT ngành Công tác xã hội.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã nhận thức được rằng TĐG là một khâu quan trọng trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục; thông qua hoạt động TĐG, dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, đội ngũ cán bộ, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác; chỉ ra những mặt mạnh, mặt tồn tại, từ đó đề xuất kế hoạch, biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. TĐG còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT ngành Công tác xã hội gồm 4 phần:

- Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn, giải thích cách mã hóa MC trong báo cáo TĐG. Ở phần này cũng trình bày mục đích, quy trình, phạm vi, phương pháp và công cụ TĐG. Giới thiệu tổng thể về Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH; mô tả sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu cũng

như các chính sách chất lượng và hoạt động bảo đảm chất lượng của Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Trình bày lần lượt 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn một cách chi tiết. Nội dung mỗi tiêu chí được trình bày theo thứ tự: mô tả, phân tích một cách đầy đủ, trung thực, khách quan các hoạt động khi triển khai thực hiện CTĐT theo thứ tự nội hàm của từng tiêu chí, mỗi nhận định, đánh giá trong phần này đều có minh chứng kèm theo; so sánh với yêu cầu của tiêu chí để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại nổi bật; đề xuất kế hoạch hành động nhằm tiếp tục duy trì điểm mạnh và các giải pháp cụ thể, khả thi để khắc phục những điểm tồn tại và cuối cùng là TĐG tiêu chí Đạt hay Chưa đạt kèm theo mức TĐG từ 1 đến 7. Đối với mỗi tiêu chuẩn có phần mở đầu ngắn gọn và phần kết luận nêu tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm yếu cơ bản và đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt giải pháp, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Phần IV: Phụ lục

Cung cấp các thông tin tổng quát về Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH. Các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, kế hoạch TĐG. Danh mục MC đã sử dụng trong báo cáo TĐG và các tài liệu liên quan.

Nội dung chính của 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn trong báo cáo TĐG được trình bày khái quát như sau:

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Khoa và Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các đối tượng liên quan.

- Bản mô tả chương trình đào tạo: Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, có đầy đủ thông tin

và cập nhật. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và định kỳ được bổ sung, cập nhật theo kế hoạch chung của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

- Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học: CTDH được thiết kế dựa trên CDR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành; nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CDR của CTĐT.

- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các BLQ. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, phù hợp với đặc thù của ngành Công tác xã hội. Các hoạt động dạy và học chú trọng khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng học tập suốt đời của SV, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm.

- Đánh giá kết quả học tập của người học: Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được xây dựng cụ thể, rõ ràng, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời và được thông báo công khai đến các đối tượng liên quan. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và đánh giá chính xác năng lực của NH. Kết quả đánh giá được công bố kịp thời để NH cải thiện kết quả học tập. NH dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo KQHT, được giải quyết kịp thời và đúng quy định.

- Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Đội ngũ GV, NCV được quy hoạch, tuyển dụng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Quy trình tuyển dụng, đề bạt, phân công nhiệm vụ được thực hiện công khai, đúng quy định dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, thành tích và uy tín cá nhân. Đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong giảng dạy, NCKH, tận tâm với SV. Việc quản lý dựa trên kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, NCV, được đánh giá theo những tiêu chí cụ thể, được thực hiện đúng quy định, tạo được động lực cho GV, NCV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

- Đội ngũ nhân viên: Đội ngũ NV làm việc tại Khoa XHH&CTXH, các phòng ban chức năng, Trung tâm TT&TV, Tổ Y tế, Tổ Bảo vệ và các dịch vụ hỗ trợ khác cho SV được quy hoạch, tuyển dụng và phân công nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá thông qua hiệu quả công việc.

- Người học và hoạt động hỗ trợ người học: Chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và các chính sách tuyển sinh được xác định cụ thể, rõ ràng, công bố công khai thể hiện trong đề án tuyển sinh hàng năm. Có hệ thống, công cụ giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, rèn luyện kỹ năng và khả năng tìm kiếm việc làm của NH sau tốt nghiệp. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan môi trường tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện cho NH.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Nhà trường và Khoa XHH&CTXH có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng với các trang thiết bị khá hiện đại, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng hoạt động dạy học, NCKH của GV và SV. Trung tâm TT&TV có đầy đủ các nguồn học liệu, được bổ sung, cập nhật hàng năm, không gian học tập thoáng mát, phục vụ tốt nhu cầu học tập của SV. Hệ thống CNTT được đầu tư, nâng cấp, hỗ trợ các hoạt động dạy và học theo phương thức trực tiếp và trực tuyến.

- Nâng cao chất lượng: Bảo đảm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội là vấn đề được Nhà trường và Khoa XHH&CTXH quan tâm hàng đầu. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh, cập nhật CTĐT, phát triển CTDH và các hoạt động khác được thực hiện định kỳ, có hệ thống, được rà soát, đánh giá và cải tiến. KQHT của SV được đánh giá bằng nhiều phương thức phù hợp, bao gồm đánh giá thường xuyên và định kỳ, được rà soát để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Trung tâm TT&TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

- Kết quả đầu ra: Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình,

tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp và kết quả NCKH của SV được xác lập, giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng. Ngoài ra, việc khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp được tiến hành định kỳ để cải tiến chất lượng.

Cách mã hóa minh chứng

Trong báo cáo TĐG, các MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

n: số thứ tự của hộp MC, được đánh số từ 1 đến hết

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (từ 01 đến 11)

cd: số thứ tự của tiêu chí (từ 01 đến hết số tiêu chí trong tiêu chuẩn)

ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (từ 01 đến hết)

Ví dụ: H1.01.02.03: là MC thứ 3 thuộc tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

Các MC được tập hợp và sắp xếp theo thứ tự từng tiêu chí, tiêu chuẩn và được lưu giữ tại Khoa. Một số MC có nhiều trang thì chỉ thể hiện trang bìa và trang cuối, toàn bộ văn bản được lưu tại đơn vị chuyên trách và sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.

Để thuận tiện trong việc tìm kiếm, sử dụng và lưu trữ MC, phục vụ tốt công tác TĐG CSGD và CTĐT, từ năm 2022, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm TĐG. Các nhóm công tác chuyên trách, các đơn vị và cá nhân liên quan, đặc biệt là Đoàn đánh giá ngoài có thể tiếp cận danh mục MC một cách dễ dàng và thuận tiện bằng cách truy cập vào địa chỉ <https://dbcl.husc.edu.vn/TongHopMinhChung>

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành là cơ hội để Khoa XHH&CTXH và Nhà trường rà soát, xem xét, đánh giá một cách toàn diện về hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH, các nguồn lực và các vấn đề liên quan khác khi triển khai thực hiện CTĐT. Xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động trên cơ sở phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định.

Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Mỗi nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách không quá 3 tiêu chuẩn có liên quan với nhau. Ngoài ra, Phòng KT&BDCLGD là đơn vị đầu mối có nhiệm vụ điều phối, đảm bảo triển khai hoạt động TĐG đúng kế hoạch và đạt chất lượng.

Bước 2: Xây dựng và triển khai kế hoạch TĐG. Phổ biến chủ trương của Nhà trường đến toàn thể viên chức, người lao động và người học.

Bước 3: Tập huấn triển khai hoạt động TĐG. Thành phần tham gia bao gồm các thành viên của Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách và nhân viên Phòng KT&BDCLGD.

Bước 4: Xác định, thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, MC. Viết phiếu đánh giá 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn. Các nhóm công tác chuyên trách rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung các tiêu chí, tiêu chuẩn và danh mục MC.

Bước 5: Viết dự thảo báo cáo TĐG. Trên cơ sở tổng hợp phiếu đánh giá 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn và các phụ lục kèm theo, Ban Thư ký sẽ viết dự thảo báo cáo TĐG.

Bước 6: Góp ý dự thảo báo cáo TĐG. Hội đồng TĐG và các chuyên gia trong lĩnh vực BDCLGD xem xét và góp ý; Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 7: Công bố báo cáo TĐG và xin ý kiến đóng góp của viên chức, người lao động và NH toàn trường. Ban Thư ký tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 8: Đăng ký đánh giá ngoài nội bộ với Đại học Huế. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 9: Đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa XHH&CTXH trong thời gian 5 năm, từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022- 2023.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Sử dụng phương pháp phân tích SWOT để mô tả đầy đủ, trung thực và khách quan thực trạng hoạt động khi thực hiện CTĐT, xác định điểm mạnh, điểm tồn tại và từ đó lập kế hoạch hành động một cách cụ thể, khả thi để tiếp tục duy trì điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại.

Trong quá trình TĐG CTĐT, chúng tôi căn cứ vào Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về quy trình

và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT; Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng.

Sự tham gia của các bên liên quan vào hoạt động tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT ngành Công tác xã hội được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ-ĐHKH ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH. Thành phần Hội đồng TĐG có 15 thành viên, gồm: Ban Giám hiệu, cán bộ GV Khoa XHH&CTXH, đại diện các phòng, trung tâm và SV. Hội đồng TĐG có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai TĐG CTĐT và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT. Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban Thư ký có 09 thành viên và 05 nhóm công tác chuyên trách có 26 thành viên. Mỗi nhóm công tác chuyên trách phụ trách từ 2 đến 3 tiêu chuẩn, do một thành viên của Hội đồng TĐG làm trưởng nhóm. Trong mỗi nhóm công tác chuyên trách, ngoài các thành viên là GV của Khoa XHH&CTXH còn có các chuyên viên của các phòng ban, trung tâm sẽ hỗ trợ trong việc cung cấp MC.

Ngoài ra, kết quả phản hồi từ SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng về hoạt động giảng dạy, chất lượng CTĐT, chất lượng toàn khóa học, chất lượng SV tốt nghiệp, các chế độ, chính sách, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng của Nhà trường là những thông tin quan trọng và hữu ích được sử dụng trong quá trình TĐG.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Trường ĐHKH, ĐHH tiền thân là Ban Văn khoa và Ban Toán học đại cương thuộc Viện ĐHH được thành lập ngày 01/03/1957. Sau khi thống nhất đất nước, ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 426/TTg sáp nhập Đại học Văn khoa và Đại học Khoa học thuộc Viện Đại học Huế thành Trường Đại học Tổng hợp Huế trực thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ GD&ĐT). Đến năm 1994, theo yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, Chính phủ ký ban hành Nghị định 30/CP ngày 04/04/1994, về việc tổ chức sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, Đại học Huế được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các trường đại học và cao đẳng trong khu

vực, Trường Đại học Tổng hợp Huế được đổi tên thành Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và là một trong 8 trường thành viên của ĐHH cho đến ngày nay.

Trường ĐHKH, ĐHH đã có hơn 65 năm xây dựng và phát triển, là một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ và kiến trúc. Trong khoảng thời gian đó, đặc biệt từ năm 1976 đến nay, Trường ĐHKH, ĐHH đã cung cấp cho xã hội một đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu và hoạt động rộng khắp trên nhiều lĩnh vực như NCKH, ứng dụng thành quả khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất và đời sống xã hội. Đặc biệt, ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên, khu vực có nhiều thế hệ SV của Trường đã và đang đóng góp sức mình cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhiều cựu SV đã trở thành lãnh đạo chủ chốt tại các địa phương, các trường đại học và viện nghiên cứu trong cả nước. Chức năng của Nhà trường là đào tạo đội ngũ trí thức với các trình độ CN, ThS, TS. Song song với công tác đào tạo, Nhà trường chú trọng công tác NCKH, chuyển giao công nghệ để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Sứ mạng: Trường ĐHKH, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chuyển giao công nghệ về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, là trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất ở miền Trung, Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Giá trị cốt lõi: “Sáng tạo - Nhân văn - Thích ứng”

Sáng tạo: Sáng tạo để khơi nguồn tri thức và tạo nên những giá trị mới là nền tảng của sự đổi mới và khai phóng trong các hoạt động.

Nhân văn: Lấy người học làm trung tâm trong mọi hoạt động, xây dựng nền tảng văn hoá giáo dục vì sự tiến bộ toàn diện của con người.

Thích ứng: Quá trình đào tạo phải bắt kịp với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới, trình độ và tiêu chuẩn mới của xã hội Việt Nam đương đại, hướng đến nhu cầu hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

Triết lý giáo dục: "Sáng tạo tri thức - Gắn kết thực tiễn - Kiến tạo tương lai"

Trường ĐHKH, ĐHH là địa chỉ đáng tin cậy trong việc truyền thụ và tiếp thu những tri thức khoa học và giá trị nhân văn. Tôn chỉ của quá trình giáo dục của Nhà

trường là tiếp thu tinh hoa tri thức của tiền nhân nhằm sáng tạo nên những giá trị mới, tri thức mới. Sáng tạo tri thức là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội. Quá trình đào tạo hướng đến tính thực hành, thực tiễn, giúp người học có thể thích nghi nhanh với yêu cầu của vị trí việc làm trong xã hội. Quá trình học tập tại Nhà trường là thời gian trưởng thành toàn diện trên phương diện nhân cách và tri thức, nhằm chuẩn bị cho một tương lai bay cao và bay xa, nơi chấp cánh cho những giấc mơ của người học.

Mục tiêu: Xây dựng Trường ĐHKH, ĐHH trở thành trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về khoa học cơ bản và ứng dụng có uy tín và năng lực hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

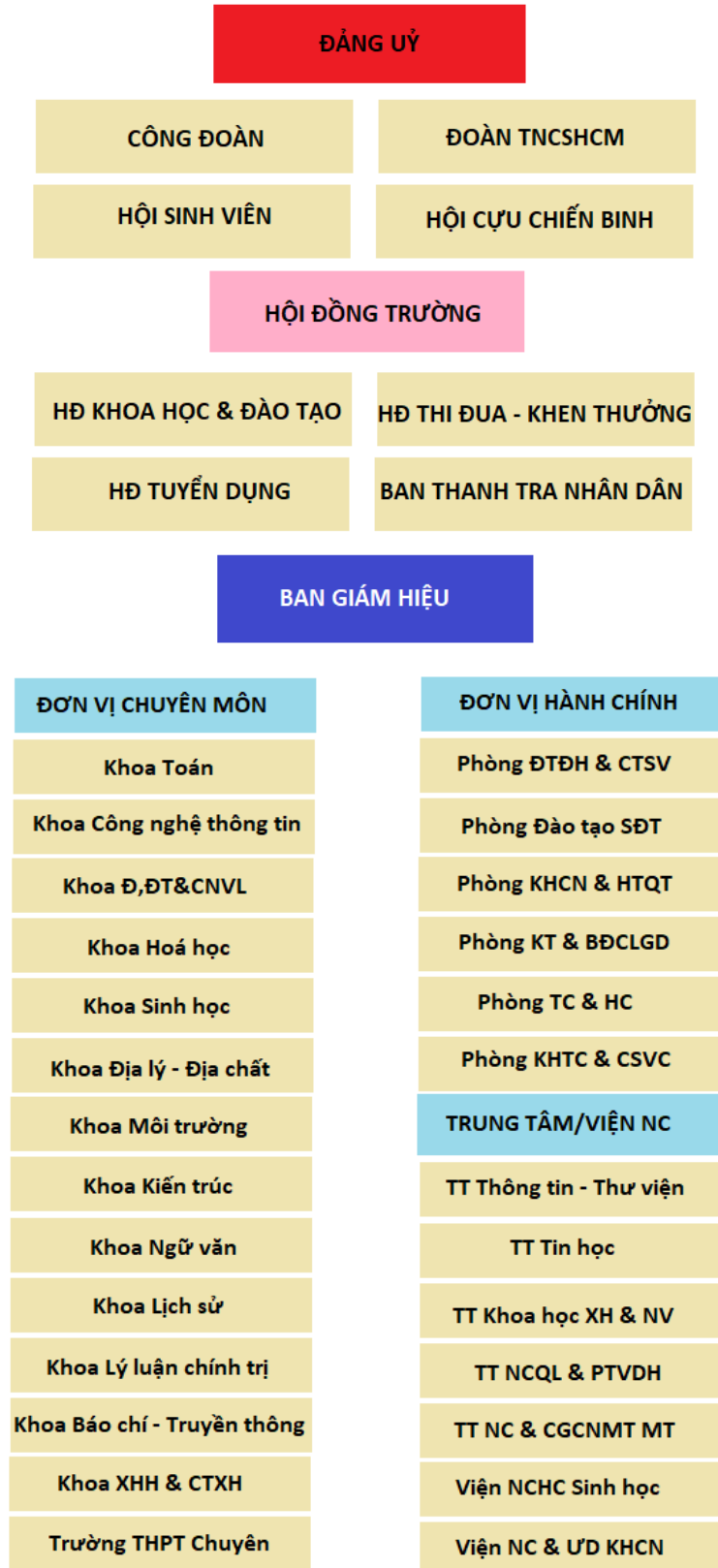
Về tổ chức bộ máy, Trường ĐHKH, ĐHH có Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể, các hội đồng chuyên môn. Ban Giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, Trường có 06 phòng chức năng, 01 Trung tâm TT&TV, có 13 khoa chuyên môn, 01 Trường THPT Chuyên, 05 Trung tâm và 02 Viện nghiên cứu.

Công tác tổ chức và quản lý của Trường ĐHKH, ĐHH thực hiện đúng quy định của Điều lệ trường đại học, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ chức chính trị, xã hội và cán bộ trong Trường được quy định cụ thể bằng các văn bản về tổ chức quản lý. Vì vậy, trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân được phân định rõ ràng, qua đó tạo điều kiện nâng cao tính chủ động trong công việc, tránh chồng chéo, phát huy được tính sáng tạo và có sự phối kết hợp tốt giữa các đơn vị, đem lại hiệu quả tốt nhất trong công việc. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược, gắn với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ chức Đảng và các đoàn thể đều có kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng giai đoạn và tập trung cho mục đích thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường. Các hoạt động của Nhà trường đều tuân thủ nguyên tắc dân chủ, công khai nhằm phát huy sức mạnh của các tập thể và cá nhân.

Hiện tại, tổng số CBVC, người lao động làm việc tại Trường ĐHKH, ĐHH là 385 người. Đội ngũ GV gồm 274 người, trong đó có 04 GS, 38 PGS, 100 TS, 125 ThS và 07 cử nhân. Tỷ lệ GV có trình độ TS trở lên chiếm 51,82%. Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBVC, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, đảm bảo sự cân đối giữa các ngành đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến lược phát triển của Nhà trường. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản

lý được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính công khai, dân chủ, đảm bảo yêu cầu về phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý. Quy trình tuyển dụng, thi nâng ngạch, nâng bậc viên chức được thực hiện công khai, minh bạch.

- Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường:



Nhà trường có kế hoạch trung và dài hạn trong xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ. Nhiều cán bộ được cử đi học tập, trao đổi khoa học ở nước ngoài. Đội ngũ kỹ thuật viên, nghiên cứu viên đủ về số lượng và chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo hỗ trợ tốt SV trong quá trình thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm. Nhân viên thư viện được trẻ hoá và thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ tốt cho cán bộ và SV trong học tập và NCKH.

Về đào tạo, Trường ĐHKH, ĐHH là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và đa cấp độ. Hiện tại Nhà trường đang triển khai đào tạo 23 ngành đại học, 26 ngành thạc sỹ, 17 ngành tiến sỹ và 06 ngành Chuyên THPT (CNTT, Toán, Văn, Lý, Hóa, Sinh). Nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng, nhất là trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp 4.0. Cụ thể, Nhà trường định kỳ cập nhật CDR, đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy chú trọng đến sự phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Đặc biệt, Nhà trường triển khai có hiệu quả công tác liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng. Đây là một giải pháp có tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn lý thuyết với thực tiễn và tăng khả năng tìm kiếm việc làm của SV sau tốt nghiệp.

Trường ĐHKH, ĐHH tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với tất cả các ngành học, NH được xác định là trung tâm của quá trình đào tạo. Các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nhà trường đều hướng đến mục tiêu phục vụ người học một cách tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học trên cơ sở phù hợp các quy định của Bộ GD&ĐT. Đầu năm học, trong “Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên”, toàn thể SV được các phòng chức năng giới thiệu đầy đủ về CTĐT, quy chế đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá KQHT, các quyền lợi và nghĩa vụ khác liên quan đến người học. Nhà trường chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất, lối sống, hoài bão cho SV; tạo điều kiện thuận lợi để SV được tham gia các hoạt động NCKH, thể thao, văn nghệ và các hoạt động ngoại khóa khác. Công tác chăm sóc sức khỏe cho SV cũng được quan tâm đầy đủ, đúng quy định trong khám chữa bệnh. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thực hiện tốt chức năng của mình, góp phần đắc lực trong việc tập hợp SV tham gia các hoạt động nhằm rèn luyện nhân cách, kỹ năng sống và năng lực toàn diện cho SV.

Về hoạt động NCKH, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh NCKH cơ bản, vốn là thế mạnh của Trường, Nhà trường còn chú trọng đến nghiên cứu ứng dụng, tiến đến thực hiện chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nhằm gia tăng nguồn thu từ hoạt động này. Nhà trường đã xây dựng định hướng hoạt động KHCN của các đơn vị, chú trọng đầu tư phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nghiên cứu liên ngành theo hướng mũi nhọn về khoa học tự nhiên, công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Ký kết hợp tác giữa Nhà trường với UBND, Sở KHCN, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên trong NCKH và chuyển giao công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương.

Cán bộ, GV và SV của Nhà trường đã triển khai thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, gồm đề tài cấp Nhà nước, đề tài Nafosted, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, đề tài cấp Đại học Huế, đề tài cấp Trường và đề tài NCKH của SV. Các đề tài NCKH được nghiệm thu đúng hạn, đúng quy định. Nhiều bài báo là sản phẩm của các đề tài NCKH đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước. Nhiều đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn đời sống và sản xuất, góp phần giải quyết các vấn đề bức thiết của địa phương các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Thông qua hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng cập nhật thông tin của cán bộ, GV và SV.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn quan tâm, chú trọng và mở rộng lĩnh vực hợp tác quốc tế, thông qua hoạt động này nhằm quảng bá hình ảnh của Trường, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đồng thời tăng cường nguồn lực CSVC, trang thiết bị phòng thí nghiệm, thông tin khoa học phục vụ hoạt động giảng dạy và NCKH cho cán bộ và SV. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT trong hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, GV và SV tham gia học tập, nghiên cứu, trao đổi học thuật ở trong và ngoài nước. Quản lý tốt cán bộ đi công tác, hợp tác tại các nước và các đoàn GV, SV nước ngoài đến công tác tại Trường. Bên cạnh việc duy trì các quan hệ sẵn có, Nhà trường luôn tìm kiếm, mở rộng các quan hệ hợp tác mới với các cơ sở giáo dục nước ngoài nhằm phát triển hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường đã tổ chức thành công các hội thảo khoa học quốc tế, nhiều cán bộ, GV của Nhà trường đã có các công trình khoa học đăng tải ở các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, qua đó góp phần quảng bá và nâng cao vị thế của Nhà trường.

Về cơ sở vật chất, Trường ĐHKH, ĐHH tọa lạc tại trung tâm thành phố Huế trên diện tích 3,5 ha, có 10 toà nhà, đảm bảo bố trí đầy đủ phòng làm việc cho cán bộ, viên chức. Có 93 giảng đường, phòng học đạt chuẩn, được trang bị khá đầy đủ hệ thống nghe, nhìn về cơ bản đáp ứng tốt hoạt động dạy và học của cán bộ, GV và SV. Với 47 phòng thí nghiệm cơ bản, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng tư liệu và phòng bảo tàng, 08 phòng thực hành máy tính được trang bị hiện đại và nâng cấp thường xuyên, 01 Trung tâm TT&TV với nguồn học liệu, tài liệu tham khảo phong phú đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH của cán bộ, SV và học viên. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành hoạt động đánh giá tài sản, hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời thực hiện tốt công tác bảo trì, sửa chữa, thay thế kịp thời theo yêu cầu của các đơn vị.

Về tài chính và quản lý tài chính, Trường ĐHKH, ĐHH là đơn vị sự nghiệp có nguồn thu để đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Ngoài ngân sách Nhà nước cấp, Nhà trường có các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước và Đại học Huế từ học phí, lệ phí của các bậc học; từ các hợp đồng NCKH và các dịch vụ. Nguồn thu được quản lý tập trung và sử dụng đúng nguyên tắc tài chính.

Công tác kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách khoa học, có cơ sở, bám sát tình hình thực tiễn của Nhà trường và tuân thủ các quy định của Nhà nước. Căn cứ vào dự toán ngân sách được Nhà nước cấp hàng năm, kế hoạch thu ngân sách từ các nguồn học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác, đồng thời căn cứ vào kế hoạch chi tiêu trong năm học của các mảng hoạt động như đào tạo, NCKH, mua sắm trang thiết bị, hóa chất và các hoạt động khác của Nhà trường, Phòng KHTC&CSVC lập dự toán tài chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Kế hoạch tài chính của Nhà trường được công khai, minh bạch, hợp lý và đúng mục đích. Trong phân bổ kinh phí, có tính đến ưu tiên cho các ngành trọng điểm, đảm bảo tính hợp lý giữa hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Hoạt động tài chính được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và các quy định khác của Nhà nước về quản lý tài chính. Báo cáo thu - chi tài chính hàng năm được công khai tại các hội nghị giao ban, hội nghị VC, NLĐ của Nhà trường và được Đại học Huế thẩm định, phê duyệt. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã sử dụng nguồn tài chính một cách có hiệu quả, ngoài việc đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cải thiện đời sống của CBVC, còn có tích lũy nguồn kinh phí dự trữ để tái đầu tư phát triển về con người và CSVC.

Về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, đây là vấn đề luôn được xã hội quan tâm vì tầm quan trọng hàng đầu của nó đối với sự nghiệp phát triển đất nước nói chung, sự nghiệp phát triển giáo dục nói riêng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐHKH, ĐHH luôn quan tâm đến việc duy trì, đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Bằng chứng là Nhà trường đã 2 lần đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Lần thứ nhất, năm 2016, triển khai TĐG theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo 2 mức đạt hoặc chưa đạt). Đánh giá ngoài năm 2017 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. Được cấp Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82% và có giá trị đến ngày 06/9/2022. Năm 2020, Nhà trường đã có báo cáo TĐG giữa chu kỳ kiểm định, đánh giá những việc đã cải tiến sau tự đánh giá, những việc chưa làm được, đồng thời nêu rõ nguyên nhân và giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch hành động, những khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, bổ sung vào kế hoạch cải tiến chất lượng những năm tiếp theo. Lần thứ hai, năm 2022, triển khai TĐG theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 7 mức). Đánh giá ngoài năm 2023 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. Được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên là 86,49% và có giá trị đến ngày 08/11/2028.

Ngoài ra, năm 2021, Nhà trường đã triển khai TĐG 03 CTĐT bậc đại học: Báo chí, Công nghệ thông tin và Kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học được quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 7 mức. Đánh giá ngoài đầu năm 2023 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. Được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu (từ 4 điểm trở lên) tương ứng với các CTĐT ngành Báo chí, Công nghệ thông tin, Kiến trúc là 84%, 84%, 86% và có giá trị đến ngày 28/04/2028.

Công tác BĐCLGD của Nhà trường do Phòng KT&BĐCLGD làm đầu mối, triển khai các hoạt động chuyên môn. Nhà trường đã thành lập Hội đồng BĐCLGD Trường ĐHKH, ĐHH và mạng lưới BĐCLGD bên trong nhiệm kỳ 2019-2024. Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng BĐCLGD và mạng lưới BĐCLGD bên trong. Đây là sở sở pháp lý, đồng thời là nguồn nhân lực tổ chức thực hiện, giám sát hoạt động BĐCLGD bên trong của Nhà trường.

Đầu mỗi năm học, trên cơ sở kế hoạch hành động của báo cáo TĐG và những khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Phòng KT&BĐCLGD tham mưu cho Nhà trường ban hành và thực hiện kế hoạch BĐCLGD, kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, triển khai đến tất cả các đơn vị và CBVC trong toàn Trường. Trong quá trình thực hiện luôn được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và sự giám sát của Hội đồng BĐCLGD Nhà trường.

Công tác BĐCLGD của Nhà trường còn thể hiện qua các hoạt động thường niên gồm: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV tham gia công tác giảng dạy trong năm học. Hoạt động này được diễn ra định kỳ 2 lần/năm học, vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát, trước hết được GV tiếp thu để cải tiến hoạt động dạy học, mặt khác được tổng hợp, phân tích tham mưu cho Nhà trường làm cơ sở để điều chỉnh, thay đổi, bổ sung các chính sách của Nhà trường, nhằm nâng cao hoạt động dạy học nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng SV tốt nghiệp và chất lượng CTĐT; khảo sát SV năm cuối về chất lượng toàn khóa học; khảo sát cựu SV về chất lượng CTĐT; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Đây là cơ sở dữ liệu khách quan, chính xác để Nhà trường có căn cứ điều chỉnh CTĐT và các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhằm củng cố và tăng cường năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực BĐCLGD, Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp tập huấn, hội thảo hội nghị do Đại học Huế và Bộ GD&ĐT tổ chức. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục do Đại học Huế tổ chức.

2.2. Giới thiệu khái quát về Khoa xã hội học và Công tác xã hội

Thực hiện Quyết định số 424/QĐ-ĐHH ngày 04/03/2020 của Giám đốc ĐHH phê duyệt Đề án tái cấu trúc Trường ĐHKH, ĐHH, Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-ĐHKH ngày 09/03/2020 về việc thành lập Khoa

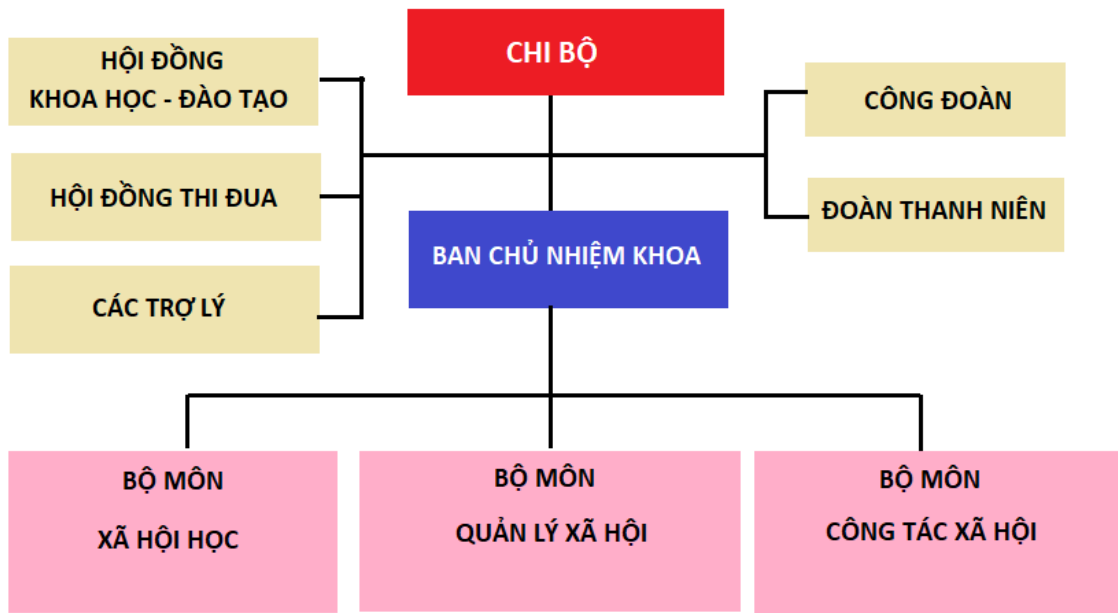
XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH trên cơ sở sáp nhập Khoa Xã hội học và Khoa Công tác xã hội.

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu, phương pháp lý luận vững chắc; sáng tạo, truyền bá tri thức và kỹ năng về XHH và CTXH, góp phần phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. SV tốt nghiệp ngành XHH và CTXH có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc thuộc nhiều lĩnh vực. Cụ thể, có thể làm Chuyên viên, nghiên cứu viên ở các viện, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, các tổ chức dân sự; Chuyên viên nghiên cứu và phân tích thị trường, chuyên điều tra, khảo sát, phân tích số liệu, đánh giá, hoạch định chiến lược; Chuyên viên tư vấn, cung ứng dịch vụ xã hội, chuyên chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, các nạn nhân của bạo lực gia đình/thiên tai hiểm họa; Công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan sự nghiệp công lập; Chuyên viên tại các cơ quan Nhà nước, trung tâm và tổ chức tư nhân trong lĩnh vực lao động, việc làm, tiền lương, tổ chức nhân sự, thương binh - xã hội, bà mẹ - trẻ em, hoạt động xã hội - phong trào, tổ chức sự kiện xã hội; Chuyên viên các chương trình dự án, tổ chức phi chính phủ (NGO) quốc tế và địa phương, tham gia nghiên cứu và phát triển chính sách hỗ trợ xã hội ở các cấp; Cán bộ hoạch định chính sách, nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, chuyên gia tâm lý hay nhà nghiên cứu; Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

Khoa XHH&CTXH đang triển khai đào tạo 02 ngành bậc đại học hệ chính quy gồm ngành XHH và ngành CTXH; 01 ngành đào tạo cao học CTXH. Khoa hướng tới đào tạo học viên, SV toàn diện, đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

Về tổ chức bộ máy Khoa XHH&CTXH có Chi bộ, Ban Chủ nhiệm Khoa, các tổ chức đoàn thể và 03 bộ môn: Xã hội học, Quản lý xã hội và Công tác xã hội. Hiện tại, Khoa XHH&CTXH có 21 GV, trong đó gồm 01 PGS, 04 TS và 16 ThS.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Xã hội học và Công tác xã hội:



Về hoạt động đào tạo: Trong 5 năm gần đây (2019 - 2023), trung bình mỗi năm Khoa XHH&CTXH đào tạo trên dưới 100 cử nhân ngành XHH và ngành CTXH; cũng như phối hợp với một số cơ quan tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn bổ sung kiến thức về XHH và CTXH. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đang triển khai đào tạo bậc đại học hệ VLVH với các cơ sở liên kết tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam và Bình Định.

Về nghiên cứu khoa học: 100% đội ngũ cán bộ của Khoa có kinh nghiệm chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp và các dự án hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước. Tính đến nay, cán bộ của Khoa đã công bố 10 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus (03 bài SCOPUS, 01 bài ESCI, 01 bài ACI, 01 bài SSCI và 04 bài SCIE) và nhiều bài báo trên các hội thảo khoa học quốc tế, các tạp chí có uy tín trong nước.

Về hợp tác quốc tế: Khoa XHH&CTXH đã có nhiều nỗ lực trong việc kết nối và mở rộng hoạt động hợp tác với các trường đại học và các cơ sở/trung tâm xã hội, các địa phương trong nước và các trường đại học và tổ chức nước ngoài. Cụ thể:

Năm 2012 tham gia Chương trình thăng tiến giáo dục Công tác xã hội (gọi tắt là SWEEP) là một Dự án do trường ĐH Bang San José (San José State University - SJSU) điều hành với sự tài trợ của cơ quan Hỗ trợ Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và công ty phần mềm Cisco. Dự án được thực hiện trong thời gian 3 năm (10/2012 đến 9/2015) và được triển khai ở 8 trường đại học Việt Nam đang đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội, trong đó có Trường ĐHKH, ĐHH.

Năm 2015 tham gia Chương trình Erasmus+KA107 International Mobility Programme do Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Diak, Phần Lan (Diaconia University of Applied Sciences) tài trợ với kinh phí của EU-granted Erasmus+ International Credit Mobility Programme. Mục đích của dự án này là nhằm nâng cao năng lực cho GV và SV thông qua việc tham gia các hội thảo quốc tế và các chương trình trao đổi học tập ngắn hạn tại Phần Lan.

Năm 2019, trao đổi và liên kết hợp tác với các tập đoàn Phúc lợi xã hội (Yutaka Social Welfare Corporation) tại Nagoya, Nhật Bản nhằm tạo điều kiện cho SV ngành Công tác xã hội tham gia các lớp kỹ năng hỗ trợ các đối tượng người khuyết tật, người cao tuổi; hợp tác đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo gắn với các đối tượng cụ thể. Đồng thời, thông qua chương trình hợp tác này, sinh viên ngành Công tác xã hội sẽ có thêm cơ hội mới để được tuyển dụng và làm việc tại các tập đoàn Phúc lợi xã hội tại Nhật Bản trong thời gian tới.

Năm 2019 Bộ môn Công tác xã hội là thành viên trong mạng lưới dự án “Đổi mới toàn diện chương trình đào tạo dựa trên năng lực nhằm nâng cao giá trị cuộc sống ở Việt Nam và Nepal”. Mục tiêu của dự án là xây dựng phòng thực hành và thư viện nhằm tạo điều kiện cho SV có cơ hội được thực tập và trải nghiệm học tập trong không gian hiện đại, đổi mới; Tổ chức các hội thảo trao đổi, đánh giá hoạt động của dự án và triển khai các khóa học chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho GV và SV; Tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận giữa các đối tác trong khuôn khổ dự án nhằm xây dựng CTĐT tiên tiến và hướng tới việc hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực.

Sự hợp tác đó đã tạo cơ hội quý giá cho SV thâm nhập, nắm bắt thực tế; giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu. Hàng năm, nhiều SV và cán bộ của Khoa được cử đi học tập, tập huấn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các đối tác trong và ngoài nước. Những hoạt động đối nội, đối ngoại thành công đó góp phần quan trọng giúp Khoa XHH&CTXH dù mới được thành lập những đã khẳng định được vị thế, thương hiệu của mình trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai bằng nhiều hình thức.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng.

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định rõ ràng, đầy đủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của trình độ đại học [H01.01.01.01], [H04.04.01.02].

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH là: "Đào tạo cử nhân CTXH có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để có thể làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn". NH tốt nghiệp ngành CTXH có kiến thức về hệ thống chính sách, pháp luật và an sinh xã hội, am hiểu các kiến thức về tâm lý, hành vi con người; có khả năng làm việc hiệu quả với các đối tượng xã hội khác nhau trong các cơ sở xã hội, trung tâm xã hội, cơ sở giáo dục, cơ sở chăm sóc y tế; nghiên cứu, giảng dạy về CTXH, làm việc tại các các sở, ban, ngành và các tổ chức khác.

1.2. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD.

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH được xác định phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH: "Trường ĐHKH, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên,

khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”, phù hợp với tầm nhìn và định hướng chiến lược phát triển của Trường [H04.04.01.01].

1.3. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học [H01.01.01.02] đó là “Hướng đến mục tiêu đào tạo NH có phẩm chất, giá trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khoẻ; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Đối chiếu với Luật Giáo dục đại học như trên cho thấy mục tiêu đào tạo của ngành CTXH đã xác định là phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng theo các quy định của Trường về xây dựng, rà soát CTĐT [H01.01.01.03] cụ thể hoá theo quy định về CDR, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của NH cần đạt sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. CTĐT được điều chỉnh, cải tiến để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động [H01.01.01.04]. Việc xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT được tiến hành thông qua các cuộc họp cấp Khoa, cấp Trường.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi về mục tiêu CTĐT của cựu SV, nhà tuyển dụng chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV và nhà tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT để điều chỉnh phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành CTXH phù hợp với Luật Giáo dục đại học, với yêu cầu của xã hội và sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH. Triển khai hoạt động đào tạo đạt được mục tiêu đã đề ra.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 1.2: CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng.

CDR của CTĐT ngành CTXH được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về CDR của CTĐT trình độ giáo dục đại học [H01.01.02.01], [H02.02.01.03], [H01.01.02.02].

CDR của CTĐT ngành CTXH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bao gồm: chuẩn về kiến thức chuyên môn, chuẩn về kỹ năng nghề nghiệp và chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm; NH phải đạt yêu cầu về ngoại ngữ, CNTT, kỹ năng mềm, giáo dục thể chất, giáo dục an ninh - quốc phòng. Ngoài ra, còn phải có hiểu biết cơ bản về pháp luật đại cương, môi trường đại cương, kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kỹ thuật [H03.03.01.03], [H01.01.02.03].

2.2. CDR của CTĐT phải nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT ngành CTXH đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho NH và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR của CTĐT ngành CTXH bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H01.01.02.03], [H02.02.01.01].

CĐR của CTĐT ngành CTXH được đo lường và đánh giá về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của NH thông qua năng lực của SV khi giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp, niên luận, báo cáo, tiểu luận và viết khoá luận tốt nghiệp... trong suốt quá trình đào tạo. Mức độ yêu cầu cần đạt được của NH về từng mặt được chi tiết thông qua ma trận của các học phần trong CTĐT nhằm đáp ứng CĐR [H03.03.01.08].

Kết quả khảo sát SV, cựu SV Khoa XHH&CTXH và GV trực tiếp tham gia giảng dạy về CĐR của CTĐT ngành CTXH có mức độ hài lòng cao [H01.01.03.07], [H01.01.02.04], [H01.01.02.05], [H01.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho NH chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp NH có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH sau tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành, nhà tuyển dụng lao động về CĐR gặp một số khó khăn và chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT để điều chỉnh nội dung CĐR cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đào tạo đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cho NH theo CĐR đã xây dựng.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CĐR của CTĐT ngành CTXH phản ánh được yêu cầu của các BLQ. Từ năm 2018 đến nay, CĐR của CTĐT ngành CTXH đã được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các BLQ và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H01.01.03.01], [H01.01.03.02]. CĐR được xây dựng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, khả năng tự học và công tác sau khi tốt nghiệp, được rà soát, cập nhật trên cơ sở góp ý của các BLQ, sau mỗi lần điều chỉnh các phiên bản CĐR được đầy đủ hơn, đáp ứng nhu cầu của các BLQ [H01.01.03.01], [H01.01.03.03], [H01.01.03.04], [H01.01.03.05].

3.2. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường.

CĐR của CTĐT ngành CTXH được định kỳ rà soát điều chỉnh theo kế hoạch chung của Nhà trường. Thực hiện công văn hướng dẫn về việc rà soát CĐR của Trường ĐHKH, ĐHH và của Đại học Huế, Khoa XHH&CTXH đã thực hiện việc thành lập Hội đồng để rà soát, điều chỉnh, cập nhật và ban hành CĐR năm 2021 [H01.01.03.01], [H03.03.01.06], [H01.01.03.04], [H01.01.03.03], [H01.01.03.06], [H01.01.03.02].

Nội dung CĐR của CTĐT ngành CTXH sau mỗi lần rà soát, cập nhật, được bổ sung, hoàn thiện chi tiết và đầy đủ hơn, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động [H01.01.03.07], [H01.01.03.07], [H01.01.03.03], [H01.01.03.05], [H03.03.02.01].

3.3. CDR của CTĐT được công bố công khai.

CDR của CTĐT ngành CTXH được công bố công khai bằng nhiều hình thức để các BLQ dễ dàng tiếp cận như đăng tải trên trang web của Trường, của Khoa [H02.02.02.09], [H01.01.03.08].

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, Khoa XHH&CTXH luôn có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho NH [H01.01.03.09], [H01.01.03.10], [H01.01.03.11], [H01.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CDR của ngành CTXH được bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo một số ý kiến góp ý từ các nhà tuyển dụng lao động. CDR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến của NH và nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên và số lượng phiếu khảo sát thu được chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về CDR của CTĐT. Tập trung các nguồn lực và đa dạng hoá phương thức khảo sát để đạt được tỷ lệ phản hồi cao.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện CDR của CTĐT trên cơ sở góp ý của các BLQ và đa dạng phương thức truyền thông đến các BLQ.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CTĐT ngành CTXH có mục tiêu và CDR rõ ràng và phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH. CDR được xác định một cách rõ ràng, đáp ứng được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của NH, đồng thời đáp ứng các yêu cầu của nhà

tuyển dụng. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát điều chỉnh, có tham khảo ý kiến góp ý của các BLQ, được công bố công khai bằng nhiều thức như trên website của Trường, của Khoa; trên trang thông tin đào tạo đại học của Trường, vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ tiếp cận và tìm hiểu. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CTXH chưa được tiến hành thường xuyên, đối tượng khảo sát chưa được mở rộng và tỷ lệ phản hồi chưa cao.

- Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của các BLQ.

- Điểm tồn tại cơ bản: Các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ đến mục tiêu và CĐR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 1.1				x				4.67	3	100.00
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH được xây dựng theo kế hoạch và hướng dẫn cụ thể của Nhà trường, đảm bảo đầy đủ các nội dung và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo CTĐT trình độ đại học. CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình Khung của Bộ GD&ĐT, đã được cập nhật và điều chỉnh qua các năm theo quy định và hướng dẫn của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH được xây dựng một cách rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng và được công bố công khai để cho NH, nhà tuyển dụng và cộng đồng xã hội dễ tiếp cận, nắm bắt đầy đủ và kịp thời mọi thông tin quan trọng, đặc biệt là về các khối kiến thức và kỹ năng mà CTĐT cung cấp.

Bản mô tả CTĐT đóng vai trò là cơ sở cho các nhà khoa học và GV nghiên cứu về chương trình, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đạt được những CĐR đó. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là nguồn thông tin quan trọng

để các chuyên gia thẩm định và rà soát chương trình, cũng như cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung.

Dựa trên các quy định liên quan đến việc ban hành khung CTĐT, Khoa XHH&CTXH đã lập kế hoạch, thiết kế, và xây dựng bản mô tả CTĐT cho ngành CTXH, đảm bảo có đầy đủ nội dung và thông tin. Bản mô tả CTĐT được cập nhật và điều chỉnh theo quy chế đào tạo đại học, theo đó đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu của ngành, nhằm đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả của CTĐT [H02.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH thể hiện đầy đủ thông tin, bao gồm: tên cơ sở đào tạo, tên CTĐT, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, cơ sở pháp lý và thực tiễn của CTĐT, mục tiêu và CĐR, đối tượng tuyển sinh, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, cấu trúc CTĐT, phương pháp giảng dạy và học tập, tiến trình đào tạo, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, nội dung chương trình, số lượng tín chỉ từng học phần và toàn bộ CTĐT, ĐCCT của từng học phần và ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H02.02.01.01], [H03.03.02.03].

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH năm 2021 được tổ chức thành 10 mục từ A đến J, trong đó: Mục A chứa thông tin tổng quát về tên trường, tên CTĐT, trình độ đào tạo, mã ngành đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, loại hình đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa và văn bằng tốt nghiệp. Mục B và mục C tập trung vào mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của từng học phần, trong khi mục D, E, F chi tiết hóa CĐR, ma trận CĐR và thang điểm để làm cho NH dễ tiếp cận thông tin. Mục I cung cấp tóm tắt ngắn gọn cho từng học phần, trong khi mục J là phần mô tả ĐCCT với thông tin về nội dung, số tiết, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu bắt buộc, và tài liệu tham khảo [H02.02.03.01].

Dựa trên cơ sở này, Khoa XHH&CTXH đã tập trung vào việc biên soạn tài liệu này với đầy đủ thông tin, bao gồm thông tin chung, mục tiêu và CĐR của chương trình, cũng như thông tin về nội dung chương trình. Cụ thể như sau:

Phần A - Thông tin chung bao gồm tên của CTĐT là Công tác xã hội, được mô tả bằng tiếng Việt và tiếng Anh; trình độ đào tạo; mã ngành đào tạo; tên ngành đào tạo;

Khoa quản lý chương trình; đối tượng tuyển sinh; thời gian đào tạo; loại hình đào tạo; số tín chỉ yêu cầu tích lũy; thang điểm; điều kiện tốt nghiệp; văn bằng tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; khả năng nâng cao trình độ; chương trình chuẩn tham khảo.

Phần B - Thông tin về mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT rõ ràng về cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Ngoài ra, CDR được mô tả chi tiết về kiến thức (bao gồm kiến thức chung của toàn ĐHH, kiến thức lĩnh vực, kiến thức chung khối ngành và kiến thức nghề nghiệp), kỹ năng (gồm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm), và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp.

Đối với phần thông tin về nội dung chương trình, bao gồm cấu trúc khóa học trong bản mô tả, ma trận CDR, kế hoạch giảng dạy, tóm tắt nội dung học phần, các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV.

Do đó, bản mô tả CTĐT ngành CTXH đã cung cấp đầy đủ thông tin liên quan giúp SV có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Quá trình xây dựng và điều chỉnh bản mô tả này đã đảm bảo đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV sau khi tốt nghiệp, phù hợp với Luật Giáo dục đại học, quy trình mở ngành đào tạo, và các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được khi tốt nghiệp, theo các Thông tư của Bộ GD&ĐT [H02.02.03.01], [H02.02.01.02], [H02.02.01.03].

1.2. Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

Khoa XHH&CTXH đã thực hiện khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng lao động trong quá trình phát triển CTĐT. Tuy nhiên, đối tượng và phạm vi của nhà tuyển dụng lao động được khảo sát chưa rộng rãi, chủ yếu tập trung vào các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh miền Trung. Kết quả từ việc khảo sát các BLQ đã giúp cập nhật CTĐT ngành CTXH một cách phù hợp hơn. Điều này được xem xét là một kênh quan trọng để đảm bảo rằng CTĐT đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường lao động [H02.02.01.04], [H02.02.01.05], [H02.02.01.06].

Khoa XHH&CTXH đã tham khảo CTĐT của một số cơ sở đào tạo đại học có uy tín trong nước, nhằm có thêm cơ sở để điều chỉnh và cập nhật CTĐT ngày càng phù hợp và hoàn thiện hơn [H02.02.01.05].

Toàn bộ bản mô tả CTĐT đã được công bố trên trang web của Trường và Khoa, được lưu tại Phòng ĐTĐH&CTSV và Khoa, cũng như được giới thiệu trong các sự kiện tư vấn tuyển sinh hàng năm [H02.02.01.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH đã được điều chỉnh và cập nhật theo quy định, đảm bảo thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Ma trận hiển thị kết quả CDR được minh họa rõ trong bản mô tả CTĐT và được chi tiết hóa trong các ĐCCT học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến về CTĐT chưa đa dạng và rộng rãi đối với đối tượng và phạm vi nhà tuyển dụng lao động. Đa số nhà tuyển dụng được khảo sát chủ yếu thuộc các cơ quan và đơn vị hành chính sự nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế và một số tỉnh miền Trung.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng trên toàn quốc, nhằm thu thập ý kiến một cách toàn diện hơn.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành CTXH đúng quy định, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT phải đầy đủ thông tin.

ĐCCT học phần đóng vai trò như một bản hợp đồng ghi nhớ giữa GV và SV, thể hiện toàn bộ kế hoạch giảng dạy và quá trình học tập của học phần. Thông qua ĐCCT, quá trình dạy và học được thực hiện theo đúng lộ trình đã được đề ra, nhằm khuyến

khích SV phát triển khả năng tự học và tự nghiên cứu, nhằm đạt kết quả tốt nhất có thể [H03.03.02.03], [H02.02.02.01].

Dựa trên bản mô tả CTĐT được Nhà trường phê duyệt, Khoa XHH&CTXH đã tổ chức xây dựng ĐCCT cho các học phần theo các mẫu chuẩn do Phòng ĐTĐH&CTSVC ban hành. ĐCCT của các học phần là một tài liệu quan trọng trong CTĐT và trong bản mô tả CTĐT của ngành CTXH, tất cả ĐCCT học phần đều cung cấp đầy đủ thông tin, bao gồm: Tên Khoa chuyên môn; Tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh; Mã học phần; Số tín chỉ; Số giờ kế hoạch; Phân bổ thời gian giảng dạy; Điều kiện tiên quyết; Mục tiêu của học phần; Mô tả vắn tắt nội dung; Hình thức tổ chức giảng dạy và học tập; Phương pháp và hình thức kiểm tra; Học liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo; Nội dung chi tiết học phần, bao gồm: Nội dung và thời gian mỗi buổi học, mức độ giảng dạy, hoạt động giảng dạy, học liệu, hình thức đánh giá; CDR của học phần; Quy định chung khi tham gia học tập; Thông tin của giảng viên phụ trách; Chữ ký của Hiệu trưởng; Chữ ký của Trưởng Khoa và chữ ký của đại diện nhóm GV biên soạn [H03.03.02.03], [H02.02.02.01], [H02.02.02.02], [H02.02.02.03], [H02.02.02.04], [H02.02.02.05], [H02.02.02.06].

2.2. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành CTXH được xây dựng một cách rất công phu và nghiêm túc, tuân thủ đúng quy định và định kỳ được rà soát, chỉnh sửa, và hoàn thiện dựa trên ý kiến đóng góp của các BLQ. So với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ban hành năm 2018, bản mô tả CTĐT ngành CTXH và ĐCCT các học phần năm 2021 thể hiện sự đầy đủ và chi tiết hơn, đặt ra nhiều yêu cầu rõ ràng đối với NH. NH cũng có thể nắm bắt thông tin cụ thể hơn về từng học phần [H02.02.02.07], [H02.02.03.01].

Kể từ khi mở mã ngành CTXH, Khoa XHH&CTXH đã thực hiện định kỳ quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh, và cập nhật toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT của ngành CTXH theo lịch trình được quy định bởi Nhà trường. Trong năm 2021, Trường ĐHKH, ĐHH đã tiến hành một cách chi tiết quá trình xây dựng và cập nhật ĐCCT của các học phần, và đồng thời thống nhất việc sử dụng phần mềm theo mô hình được Nhà trường quy định [H02.02.02.08], [H02.02.02.05], [H02.02.02.09], [H02.02.02.06], [H02.02.02.10].

Quá trình xây dựng ĐCCT được tiến hành theo 7 bước cụ thể như sau:

- 1) Nhà trường ban hành quy định chung về mẫu ĐCCT học phần;
- 2) Nhóm GV phụ trách giảng dạy học phần biên soạn ĐCCT theo mẫu quy định;
- 3) Bộ môn chuyên môn thực hiện góp ý trực tiếp cho các ĐCCT thông qua các cuộc họp Bộ môn;
- 4) Nhóm GV phụ trách học phần chỉnh sửa ĐCCT theo góp ý của Bộ môn;
- 5) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa họp để góp ý cho các ĐCCT;
- 6) Nhóm GV phụ trách học phần chỉnh sửa ĐCCT theo góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa;
- 7) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thông qua ĐCCT học phần.

Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần.

2. Điểm mạnh

ĐCCT các học phần của CTĐT được xây dựng và tiến hành chuẩn hóa, cập nhật, và điều chỉnh theo quy định của Nhà trường. ĐCCT cung cấp đầy đủ thông tin và đáp ứng các yêu cầu của NH và các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần trong CTĐT ngành CTXH hiện vẫn chỉ sử dụng bài giảng của GV mà chưa có giáo trình. Tài liệu tham khảo hiện tại chưa đủ phong phú và đa dạng, còn thiếu nguồn tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài, đặc biệt là khi không có bản gốc cho các tài liệu tham khảo từ nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch và triển khai công việc biên soạn giáo trình, đồng thời thực hiện định kỳ hàng năm hợp tác với Trung tâm TT&TV để bổ sung học liệu và tài liệu tham khảo, nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV.	Trung tâm TT&TV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc định kỳ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ĐCCT các học phần của CTĐT, đáp ứng ngày càng hiệu quả hơn nhu cầu của các BLQ trong quá trình đào tạo.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bản mô tả CTĐT và toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành CTXH được công bố công khai thông qua nhiều phương tiện như quyết định chính thức của Nhà trường, công bố trên website của Nhà trường và Khoa theo đúng quy định. Bên cạnh đó, đầu khóa học và đầu mỗi năm học, thông qua đội ngũ CVHT, Khoa giới thiệu tổng quan về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần để hỗ trợ NH nắm bắt và hiểu rõ về quy trình và thủ tục đăng ký học phần, lên lịch học theo kế hoạch và nắm bắt thông tin về CDR, kiến thức và kỹ năng cần có sau khi tốt nghiệp [H02.02.03.01], [H02.02.03.02].

Toàn bộ bản cứng ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành CTXH được lưu trữ tại Văn phòng Khoa XHH&CTXH và Phòng ĐTDH&CTSV. Điều này giúp cán bộ, GV, SV và những người quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu về CTĐT và ĐCCT các học phần trong giờ hành chính [H02.02.02.06].

3.2. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hiện nay, Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm biên soạn ĐCCT học phần một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể truy cập và xem nội dung của ĐCCT của tất cả các học phần đã được duyệt [H02.02.03.03], [H02.02.02.05]. Qua đó, người sử dụng có thể so sánh các phiên bản cập nhật chi tiết học phần sau những điều chỉnh, cũng như kiểm tra thông tin cụ thể, thậm chí là của các ngành học khác của

Nhà trường [H02.02.02.06]. Điều này nhằm giúp SV có kế hoạch học tập phù hợp dựa trên cấu trúc môn học, các hoạt động dạy và học, hình thức kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo của từng học phần. Trong buổi học đầu tiên, GV dành thời lượng nhất định để giới thiệu ĐCCT của học phần cho SV.

Tại buổi gặp mặt tân SV đầu khóa học, Khoa XHH&CTXH đã phân công trợ lý CVHT hỗ trợ SV tiếp cận các kênh thông tin để tìm hiểu về CTĐT và ĐCCT của các học phần trong CTĐT ngành CTXH. Toàn bộ bản cứng ĐCCT của 100% học phần trong CTĐT ngành CTXH được lưu trữ tại Văn phòng Khoa XHH&CTXH và Phòng ĐTDH&CTSV. Do đó, trong giờ hành chính, mọi GV, SV, cựu SV và những người quan tâm có thể liên hệ để tiếp cận toàn bộ ĐCCT của các học phần trong CTĐT ngành CTXH một cách thuận lợi [H02.02.03.04], [H02.02.03.01].

3.3. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Với việc công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành CTXH thông qua nhiều phương thức đa dạng và phong phú (bao gồm các quyết định ban hành CTĐT của cấp có thẩm quyền, trang web của Trường, của Khoa, các sự kiện sinh hoạt đầu khóa, đầu năm học...), điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV cựu SV có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng và đầy đủ [H02.02.02.10], [H02.02.02.06], [H02.02.03.04], [H02.02.03.02].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trong CTĐT ngành CTXH được công bố một cách minh bạch và rộng rãi thông qua nhiều hình thức và kênh thông tin khác nhau. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động, cũng như các bậc phụ huynh để dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận và khai thác thông tin cụ thể của bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành CTXH chưa được các BLQ khai thác có hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần bố trí bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên trang web của Trường và Khoa ở vị trí thích hợp, dễ nhìn, dễ truy cập để tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ khai thác có hiệu quả.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục mở rộng việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần đến các BLQ thông qua nhiều phương tiện và kênh truyền thông khác nhau.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trong CTĐT ngành CTXH đã được xây dựng một cách công phu và nghiêm túc, tuân thủ đúng quy trình và các quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHH và Trường ĐHKH, ĐHH. Quá trình này có sự tham gia đóng góp ý kiến và phản hồi từ các BLQ, đồng thời đã tham khảo bản mô tả CTĐT của một số cơ sở đào tạo ngành CTXH uy tín trong nước, nhằm đảm bảo phản ánh chính xác và đầy đủ nhu cầu xã hội hiện nay.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành CTXH cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, giúp SV chủ động lập kế hoạch học tập linh hoạt theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học. Các thông tin này được công bố công khai thông qua nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng và đầy đủ khi cần thiết.

- Điểm mạnh nổi bật: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần đầy đủ thông tin, được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật; được công bố công khai bằng nhiều hình thức.

- Điểm tồn tại cơ bản: Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ để điều chỉnh, cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần chưa được tiến hành thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 2.1					x			5.00	3	100.00
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTĐT ngành CTXH được cấu trúc hợp lý và logic, tuân thủ đúng quy định của Nhà trường về xây dựng CTĐT, được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV trong mỗi học phần phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trong quá trình dạy học, CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy định của Nhà trường, trên cơ sở ý kiến phản hồi và đóng góp của các BLQ và có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt, tích hợp và phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Các học phần trong CTĐT có mục tiêu, CĐR của học phần phù hợp với CĐR chung; đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành tạo nên tính thống nhất của CTĐT.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Từ năm học 2018-2019, CTĐT ngành CTXH được áp dụng sau khi rà soát và điều chỉnh theo các văn bản về xây dựng CĐR và cập nhật CTĐT đại học vào tháng 01 năm 2018. Chương trình áp dụng chính thức từ năm học 2018-2019, từ khóa K42 dựa trên CĐR ngành CTXH [H04.04.01.04]. CTĐT năm 2018 được thiết kế gồm 122 tín chỉ với các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp đảm bảo các CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm [H03.03.01.01].

Năm 2020, căn cứ theo các quy định về xây dựng CTĐT đại học theo CĐR của ĐHH và của Trường ĐHKH, ĐHH [H03.03.01.02], [H03.03.01.03], căn cứ theo các công văn của Nhà trường về việc xây dựng CĐR và CTĐT năm 2020, Quyết định

16/QĐ-ĐHKH về CĐR cấp ĐHH và cấp Trường. Khoa XHH&CTXH đã thực hiện quy trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành CTXH dựa trên CĐR cấp ĐHH, cấp Trường, CĐR của nhóm ngành và ngành [H03.03.01.04], [H03.03.01.05], [H03.03.01.06].

CĐR của CTĐT ngành CTXH được cập nhật năm 2021 bao gồm 15 CĐR về kiến thức (5 CĐR cấp toàn ĐHH, 5 CĐR cấp Trường, 5 CĐR về lĩnh vực, nhóm ngành và ngành CTXH), 8 CĐR về kỹ năng (5 CĐR về kỹ năng chuyên môn và 3 CĐR về kỹ năng mềm), 6 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (2 CĐR về phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân; 2 CĐR về phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với đồng nghiệp, 2 CĐR về phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội) [H03.03.01.07].

Trên cơ sở CĐR được ban hành, CTĐT ngành CTXH được xây dựng bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, CĐR phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H03.03.01.07], [H02.02.03.01]. CTDH bao gồm 63 học phần được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó mỗi học phần có đóng góp cụ thể ở từng CĐR và góp phần đạt được CĐR chung của CTĐT [H03.03.01.08]. Là một ngành học mang tính thực hành cao, CTĐT ngành CTXH được thiết kế hướng tới tăng cường năng lực thực hành chuyên môn cho NH thông qua các nội dung thực hành, thực tế và các học phần thực hành, thực tập bám vào các yêu cầu của CĐR.

1.2. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT các học phần của NH trong CTĐT phù hợp, hiện đại và góp phần đạt được CĐR [H03.03.01.09], [H03.03.01.10]. Nhóm các phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm thuyết trình, thực hành, bài tập, tham quan, thực hành, làm tiểu luận [H03.03.01.11]. Các phương pháp này góp phần giúp NH đạt được các mức trình độ của CĐR về kiến thức, về kỹ năng và về năng lực tự chủ và trách nhiệm được xác định trong CĐR của CTDH [H03.03.01.12]. Cụ thể, các phương pháp dạy học gồm thuyết trình, trình chiếu video,.. có thể giúp trang bị cho NH kiến thức thực tế sinh động. Các phương pháp dạy học như thảo luận nhóm, làm bài tập dự án,.. giúp SV rèn luyện các kỹ năng

giao tiếp, tương tác, phản hồi, phân tích, phản biện, thuyết phục, tranh luận, góp phần đạt được các CDR về kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành cho SV [H03.03.01.09].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành CTXH được thiết kế phù hợp, có tính chuyên ngành cao đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá của từng học phần đều phù hợp, hiện đại để đạt được CDR của từng học phần và của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CTDH ngành CTXH chưa mang tính tích hợp cao, tính đáp ứng yêu cầu của CDR ở từng học phần vẫn chưa đồng đều; chưa thật sự đáp ứng hết các yêu cầu và nhu cầu của xã hội về chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các hội thảo, sinh hoạt chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng quá trình dạy và học. Tổ chức các buổi trao đổi với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tìm hiểu rõ hơn các yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực CTXH.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu và tham khảo các CTDH, các phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp với ngành học để điều chỉnh, cập nhật CTDH ngày càng phù hợp hơn.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. 100% các môn học/học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR.

Mỗi học phần trong CTĐT ngành CTXH đều được xây dựng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm và có sự tương thích về nội dung, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR của CTĐT. Điều này thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTĐT, các ĐCCT học phần và ma trận học phần đối với CDR của CTĐT [H03.03.01.12], [H03.03.01.08]. Trong bản ma trận học phần đối với CDR của CTĐT đã chỉ rõ học phần nào có đóng góp vào việc đạt được CDR cụ thể nào và ở mức độ nào, trong đó các học phần chuyên ngành tập trung vào việc đạt được các CDR về chuẩn kiến thức chuyên ngành, chuẩn kỹ năng và chuẩn thái độ thường ở mức 3 hoặc 4 [H03.03.01.08].

2.2. 100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành CTXH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR [H03.03.01.12]. Đối với các học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để đạt được các CDR ở cấp ĐHH, CDR chung của Trường ĐHKH, ĐHH và CDR của lĩnh vực và nhóm ngành. Các học phần khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được xây dựng để đạt được các CDR liên quan tới ngành và chuyên ngành cụ thể mà NH lựa chọn [H03.03.01.08]. Trong quá trình thực hiện CTDH, định kỳ vào cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCLGD đều thực hiện khảo sát ý kiến của NH về hoạt động dạy học của GV. Các nội dung khảo sát gồm: nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, tài liệu và phương tiện dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, trách nhiệm và sự nhiệt tình của GV, khả năng của GV trong tổ chức, tư vấn và hướng dẫn SV tự học. Kết quả khảo sát được GV tiếp thu và điều chỉnh hoạt động dạy học, Bộ môn và Khoa có thêm thông tin để có giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học của đơn vị [H03.03.02.01], [H09.09.03.04], [H01.01.02.04].

Tính phù hợp của các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá của các học phần được thể hiện qua việc đánh giá của NH hàng năm. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV Khoa XHH&CTXH giai đoạn 2018-2023 cho thấy điểm trung bình của phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá là 3.39, đạt mức Khá; mức độ hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá là 95,48%, hoạt động giảng dạy là 95,14% [H03.03.02.01].

2.3. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Nội dung các học phần trong CTDH ngành CTXH thể hiện việc đạt được CDR và được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ [H03.03.02.02]. Các học phần trong CTĐT ngành CTXH được cấu trúc gồm các nội dung: thông tin chung của học phần, mô tả tóm tắt nội dung của học phần, học liệu, mục tiêu của học phần, CDR của học phần, kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết học phần và hình thức tổ chức dạy học, quy định của học phần và thông tin về GV [H03.03.02.03]. Với cấu trúc đầy đủ thông tin, việc thể hiện CDR của từng học phần và việc đóng góp của từng học phần đối với CDR được nêu rõ [H01.01.03.07].

2. Điểm mạnh

Mỗi học phần trong CTĐT của ngành CTXH được thiết kế rõ ràng. Các nội dung trong từng học phần được xây dựng cụ thể, phù hợp đáp ứng các yêu cầu về CDR của từng học phần và của cả CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp và phản hồi về nội dung và tính phù hợp của các học phần đối với CDR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên và đa dạng về đối tượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt đơn vị sử dụng lao động về nội dung và sự đóng góp của các học phần đối với việc đạt được CDR của CTĐT.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung của các học phần trong CTĐT nhằm tăng cường tối đa sự đóng góp của mỗi học phần đối với CDR.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTĐT ngành CTXH được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Chương trình có cấu trúc và trình tự logic. Các học phần trong CTĐT ngành CTXH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần của khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H02.02.01.01].

CTĐT ngành CTXH gồm 123 tín chỉ với 63 học phần, bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn ở 2 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 20 học phần với tổng số tín chỉ NH cần tích lũy là 30 tín chỉ (24 tín chỉ bắt buộc) [H03.03.03.01]. Các học phần ở khối kiến thức đại cương giúp trang bị cho SV những kiến thức chung và kiến thức cơ sở. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành với tổng cộng 34 học phần [H03.03.01.12]. Chương trình bao gồm các học phần thực hành 1, thực hành 2, thực tập chuyên môn và thực tập tốt nghiệp. Ở học kỳ 8, SV sẽ tham gia thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp [H02.02.02.01], [H02.02.02.02], [H02.02.02.03], [H03.03.03.02].

Kiến thức	Số lượng học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc
Kiến thức giáo dục đại cương	20	36	30
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	39	132	72
Thực tập, thực tế	04	11	11
Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	03	10	10

3.2. 100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý

Tất cả các học phần trong CTĐT được bố trí hợp lý. Đối với các học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương sẽ được bố trí để dạy ở các học kỳ đầu nhằm trang bị cho SV kiến thức chung và kiến thức cơ bản, kiến thức nền trước khi tham gia học các học

phần ở khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Sau khi kết thúc 6 học kỳ các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và ngành, SV sẽ lựa chọn chuyên ngành và các học phần theo chuyên ngành ở học kỳ 7 và tham gia thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp ở học kỳ 8. Việc học các học phần chuyên ngành có thể giúp SV có nền tảng kiến thức và kỹ năng trong một lĩnh vực cụ thể trước khi tham gia thực tập ở các cơ sở trong thực tiễn [H03.03.03.01].

3.3. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc rà soát, bổ sung và cập nhật CTĐT và kế hoạch đào tạo theo từng năm học [H03.03.03.03], [H03.03.03.04], [H03.03.03.05]. Đối với từng chương trình, sẽ thực hiện việc rà soát, bổ sung và cập nhật theo định kỳ. Trong giai đoạn 2018-2019, CTĐT ngành CTXH đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật theo quy định của Nhà trường [H03.03.03.06], [H02.02.03.04]. Năm 2018, chương trình được rà soát và bổ sung điều chỉnh theo quy định của Nhà trường về CDR và khung CTĐT [H03.03.03.07], [H03.03.03.08]. Năm 2020, Khoa tiếp tục thực hiện việc rà soát, cập nhật CTĐT ngành CTXH theo quy định và hướng dẫn của Nhà trường [H03.03.01.03], [H03.03.03.09]. Quá trình rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo từng bước gồm: tổ chức họp tổ xây dựng chương trình [H01.01.03.02], [H03.03.01.06], [H01.01.03.03], [H01.01.03.03]; tổ chức hội thảo cấp Khoa và cấp Khoa mở rộng nhằm lấy ý kiến của các BLQ [H03.03.03.10], [H01.01.03.07], [H03.03.02.02], [H03.03.03.11]; biên soạn và phản biện các ĐCCT học phần [H03.03.03.12]. Trên cơ sở đó, Khoa làm Tờ trình điều chỉnh CTĐT với những nội dung điều chỉnh cụ thể làm cơ sở cho việc ban hành CTĐT ngành CTXH của Nhà trường [H03.03.03.13], [H02.02.03.04]. Nội dung được cập nhật bao gồm điều chỉnh số tín chỉ của một số học phần phù hợp hơn với thực tiễn (từ 2 tín chỉ lên 3 hoặc 4 tín chỉ/học phần), bổ sung các học phần mới đáp ứng các nhu cầu xã hội và thực tiễn.

3.4. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT của ngành CTXH theo định kỳ, Khoa XHH&CTXH luôn tham khảo các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học trong nước như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội [H03.03.03.14]; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [H03.03.03.15] và quốc tế như Đại học Công nghệ Queensland, Úc

[H03.03.03.16], và trên cơ sở lấy ý kiến của các BLQ như NH, nhà sử dụng lao động [H01.01.02.04], [H01.01.03.07]. Nội dung so sánh, đối chiếu được thể hiện rõ trong các văn bản trình các Phòng chức năng để làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT một cách linh hoạt và phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế [H03.03.03.17]. Trong những năm qua, Khoa XHH&CTXH có triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, cụ thể như "Dự án Nâng cao năng lực xây dựng chương trình đào tạo dựa vào năng lực để thúc đẩy nhân phẩm con người ở Việt Nam và Nepal - DVINE" (2019-2022) [H03.03.03.18]. Việc tham gia chương trình hợp tác đã giúp cho đơn vị tham khảo và xây dựng một số học phần mới như học phần Đồng kiến tạo dịch vụ xã hội [H03.03.03.19] phù hợp với xu hướng hiện nay của ngành đào tạo [H03.03.03.20].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành CTXH được xây dựng có cấu trúc hợp lý, logic, cân đối giữa nội dung đào tạo, giữa các khối kiến thức và giữa các học kỳ, giúp NH trang bị được kiến thức cơ sở đến chuyên ngành. CTĐT được xây dựng và cập nhật trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế, đặc biệt từ các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là NH và nhà sử dụng lao động về các nội dung trong CTĐT vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của NH và nhà sử dụng lao động về CTĐT và nội dung các học phần có hiệu quả cao.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá và cập nhật nội dung của các học phần kế thừa từ kết quả của các hoạt động hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng các	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

		nội dung đào tạo phù hợp với xu hướng thế giới.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung của CTĐT ngành CTXH rõ ràng và phù hợp. CTĐT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm đã được Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH ban hành qua các đợt rà soát, bổ sung và cập nhật định kỳ. Việc xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH ở các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR đã ban hành. Mỗi học phần đều có những đóng góp cụ thể và rõ ràng để đạt được CĐR của từng học phần và đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Quá trình xây dựng ĐCCT học phần có lấy ý kiến của các BLQ và có phản biện. Các học phần có tính gắn kết và liên mạch giữa khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở và ngành, và khối kiến thức chuyên ngành tạo nên tính thống nhất của toàn bộ CTĐT. CTĐT ngành CTXH cũng thường xuyên được rà soát, cập nhật theo quy định của Nhà trường trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, đặc biệt các hoạt động hợp tác quốc tế của đơn vị.

Điểm mạnh nổi bật: CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR đã được ban hành và được cấu trúc hợp lý trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của các BLQ và tham khảo, kế thừa từ các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về cấu trúc của CTĐT, nội dung các học phần vẫn chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 3.1					x			4.67	3	100.00
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3					x					

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Khoa XHH&CTXH thực hiện lấy NH làm trung tâm, GV sử dụng nhiều phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của NH. Mục tiêu, sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH và của Khoa XHH&CTXH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học và khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. CSGD có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục.

Trường ĐHKH, ĐHH có sứ mạng "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật – công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước" [H04.04.01.01]. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH là "Hướng đến xây dựng trở thành trường đại học nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực về khoa học cơ bản và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ, có uy tín và khả năng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới" [H04.04.01.02]. Với tầm nhìn đến năm 2030, Trường ĐHKH, ĐHH sẽ trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất ở miền Trung - Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo đại học có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á [H04.04.01.02].

Với triết lý giáo dục "Sáng tạo tri thức - Gắn kết thực tiễn - Kiến tạo tương lai", Trường ĐHKH, ĐHH là địa chỉ đáng tin cậy trong việc truyền thụ và tiếp thu những tri thức khoa học và giá trị nhân văn. Tôn chỉ của quá trình giáo dục của Nhà trường là tiếp thu tinh hoa tri thức của tiền nhân nhằm sáng tạo nên những giá trị mới, tri thức mới. Sáng tạo tri thức là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội. Quá trình đào tạo hướng đến tính thực hành, thực tiễn, giúp người học có thể thích nghi nhanh với yêu cầu của vị trí việc làm trong xã hội. Quá trình học tập tại Nhà trường là thời gian trưởng

thành toàn diện trên phương diện nhân cách và tri thức, nhằm chuẩn bị cho một tương lai bay cao và bay xa, nơi chấp cánh cho những giấc mơ của người học [H04.04.01.03].

1.2. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của CSGD hiểu rõ và thực hiện.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH đã được Khoa XHH&CTXH sử dụng để làm căn cứ cho việc xây dựng mục tiêu giáo dục của ngành CTXH. Theo đó, mục tiêu giáo dục của ngành CTXH là "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên ngành CTXH đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, cơ sở xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và hội nhập quốc tế; Đào tạo NH có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để có thể làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn" [H04.04.01.04], [H02.02.01.01]. Trên tinh thần đó, CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành CTXH đã nêu rõ những chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cũng như các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá hướng tới phát huy năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của NH, tăng tính tương tác giữa NH và người dạy, tăng tính chủ động của NH thông qua việc tăng thời lượng thảo luận, tự học, thực hành để đạt được CDR, bám sát mục tiêu đã đề ra [H02.02.01.01], [H03.03.01.08].

1.3. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH được phổ biến tới các BLQ: người dạy, NH, nhà tuyển dụng lao động bằng nhiều hình thức như: Tổ chức các buổi tọa đàm, Hội thảo của Trường, Khoa có phổ biến, trao đổi, thảo luận về mục tiêu giáo dục [H04.04.01.05], [H03.03.02.02], [H01.01.02.04]; đưa vào nội dung giảng dạy trong tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên [H04.04.01.06]; trong sổ tay SV [H04.04.01.07], [H04.04.01.08], [H04.04.01.09]; công bố trên Website của Trường [H02.02.02.09], [H04.04.01.10]. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH được lồng ghép, thể hiện trong báo cáo hội nghị CBVC hàng năm của Nhà trường và của Khoa XHH&CTXH, trong quy chế đào tạo, thông qua đó tất cả cán bộ, GV và NH hiểu rõ và thực hiện [H04.04.01.11], [H11.11.02.01].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH, của Khoa XHH&CTXH được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các BLQ bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Một số doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động chưa tiếp cận một cách hiệu quả mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của Khoa XHH&CTXH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa phương thức truyền thông đến các BLQ, đặc biệt là các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động về mục tiêu giáo dục của Nhà trường và Khoa XHH&CTXH qua các kênh truyền thông, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, hội thảo khoa học, tọa đàm.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung trong mục tiêu giáo dục đã tuyên bố với NH và các BLQ.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Các khoa/bộ môn, GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR.

Các hoạt động và phương pháp dạy học được GV thiết kế phù hợp và thực hiện, giúp NH đạt được CDR của học phần và của CTĐT. Các Bộ môn và GV chủ động thực hiện theo ĐCCT học phần đã xây dựng, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với nội dung học phần, không gian lớp học và NH [H04.04.02.01]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng được công bố trong các ĐCCT học phần và phổ biến cho SV trong buổi học đầu tiên. Thời gian tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu của từng học phần cho thấy việc thiết

kế hoạt động dạy và học đều nhằm đạt được CDR của CTĐT [H03.03.01.01], [H01.01.02.05]. Vấn đề đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học được chú trọng, đặc biệt là nâng cao các kỹ năng và ứng dụng CNTT, phù hợp trong thời đại phát triển cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Khoa XHH&CTXH đã tổ chức các buổi tọa đàm, tập huấn, trao đổi phương pháp giảng dạy để NH được học sát với thực tế [H10.10.03.13].

2.2. Các khoa/bộ môn, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy NH chủ động hơn. Trường đã thiết lập và đưa vào sử dụng trang thông tin đào tạo đại học để NH dễ dàng theo dõi, nắm bắt những thông tin học tập từ phía Nhà trường và Khoa để chủ động trong kế hoạch học tập [H05.05.02.01], [H04.04.02.02]. Trong hoạt động dạy học, bên cạnh việc truyền đạt kiến thức lý thuyết, Khoa XHH&CTXH rất quan tâm đến đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV. SV được thực hành kỹ năng nghề nghiệp tại Phòng thực hành và các trung tâm/cơ sở thực hành, thực tập [H09.09.03.03], [H04.04.02.03]. Đây là khoảng thời gian giúp SV nắm bắt được kiến thức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tiếp cận với nơi công tác sau khi tốt nghiệp, trên cơ sở đó áp dụng kiến thức đã học được để giải quyết các công việc mà phía nhà tuyển dụng lao động đưa ra. Hoạt động thực tập nghề nghiệp được thực hiện dưới sự hướng dẫn của các GV có kinh nghiệm hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập. Đồng thời, SV thực tập tại các cơ sở được giám sát hàng tuần bởi GV hướng dẫn và cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thông qua các công cụ đánh giá được xây dựng rõ ràng [H04.04.02.04], [H04.04.02.05], [H04.04.02.06].

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, SV không thể đến trường để học tập, Nhà trường đã kịp thời triển khai phương thức dạy học trực tuyến; GV đã đổi mới biên soạn bài giảng điện tử, sử dụng phương pháp giảng dạy trực tuyến qua một số phần mềm như Zoom, Google Classroom, Google Meet. Nhờ vậy, việc học tập không bị gián đoạn, hoàn thành kế hoạch đào tạo năm học [H04.04.02.07], [H04.04.02.08], [H04.04.02.09], [H04.04.02.10], [H04.04.02.11]. Bên cạnh việc học tập, SV ngành CTXH được tạo điều kiện tham gia các hoạt động NCKH [H04.04.02.12]. Khoa XHH&CTXH đã cử những GV có kinh nghiệm hướng dẫn SV tham gia hoạt động NCKH. Nhiều SV đã tham gia và thực hiện đề tài có ý nghĩa cho sự phát triển cộng đồng và xã hội [H04.04.02.13], [H04.04.02.14].

Nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng cũng như những góp ý, đề xuất của SV trong quá trình học tập, hàng năm Nhà trường và Khoa XHH&CTXH tổ chức các hội nghị học tốt, rèn luyện tốt, hội nghị đối thoại với SV, sinh hoạt của trợ lý CVHT. Thông qua các diễn đàn này, những tấm gương SV vượt khó, vươn lên trong học tập được phổ biến nhân rộng; các góp ý, đề xuất của SV được tiếp thu, giải đáp và thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung của Khoa và Nhà trường [H04.04.02.15], [H04.04.02.16], [H04.04.02.17], [H10.10.01.05].

2.3. GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị thực tập hài lòng về chất lượng của sinh viên về kiến thức và kỹ năng trong quá trình thực tập, thực tế [H04.04.02.04]. Cuối mỗi học kỳ, sau khi kết thúc giảng dạy học phần, Phòng KT&BDCLGD tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Trong 5 nội dung khảo sát có nội dung về phương pháp giảng dạy. Kết quả khảo sát cho thấy NH hài lòng với phương pháp giảng dạy của GV đã sử dụng, điểm trung bình chung là 3,39, đạt mức Khá; mức độ hài lòng đạt 95,14%. Như vậy, có thể khẳng định rằng NH của ngành CTXH rất hài lòng với các phương pháp dạy và học khi triển khai thực hiện CTĐT [H03.03.02.01], [H01.01.02.06], [H09.09.03.04].

2. Điểm mạnh

GV thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn, thiết kế và triển khai hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp với nội dung từng học phần, đảm bảo đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa thật sự chủ động và tự giác khi tham gia hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại các cơ sở thực hành, cơ quan, doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đội ngũ GV, cán bộ cần hướng dẫn cần hỗ trợ tốt hơn nữa cho SV trong quá trình thực hành, thực tế, thực tập nhằm tăng tính chủ động, áp dụng lý thuyết và thực tiễn, đồng	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

		thời rèn luyện thêm các kỹ năng cần thiết khác, đáp ứng tốt công việc sau khi tốt nghiệp.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đổi mới, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại phù hợp với nội dung của học phần, đảm bảo NH đạt được các CDR của CTĐT. Tạo môi trường chia sẻ, trao đổi kiến thức và nâng cao kỹ năng về phương pháp dạy học giữa các GV trong Khoa, trong Trường và các dự án hợp tác quốc tế.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Trong ĐCCT các học phần của CTĐT ngành CTXH đã mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. ĐCCT nêu rõ các phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của GV, NH, những mục tiêu, kỹ năng cần đạt được trong các học phần [H02.02.02.06], [H04.04.03.01]. Các hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các GV [H11.11.04.01], [H04.04.03.02]. Những hoạt động NCKH, thực tập thực tế tại cơ sở giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Hiện nay, SV ngành CTXH tham gia tích cực hoạt động của các CLB do Khoa và Trường tổ chức như: CLB Báo chí, CLB Kỹ năng lửa xanh; CLB Công tác xã hội, CLB Hỗ trợ sinh viên. Đây là môi trường tốt để SV tiếp tục rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn [H04.04.03.03].

3.2. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

CTĐT và ĐCCT học phần thể hiện rõ nội dung hướng đến đào tạo cho SV ngành CTXH các kỹ năng để có thể tự học như: Kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm [H02.02.02.05], [H02.02.02.06].

3.3. GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Kỹ năng là sự vận dụng tri thức và kinh nghiệm để thực hiện có hiệu quả một công việc nào đó. Mà kiến thức là vô biên và muốn có kinh nghiệm thì phải rèn luyện hàng ngày, trong khi đó thời gian học tập tại lớp, tại trường của NH là có hạn. Do đó, để giúp SV phát triển tốt trong tương lai, trong quá trình dạy học, GV đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm hướng dẫn cho SV rèn luyện các kỹ năng và phương pháp tự học, tự nghiên cứu để nâng cao khả năng học tập suốt đời. Cụ thể, trong các ĐCCT các học phần, mục hoạt động dạy - học đã nêu rõ các phương pháp dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Ngoài phương pháp thuyết giảng, GV còn sử dụng các phương pháp dạy học khác như trao đổi thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, seminar, giao bài tập và đề tài làm niên luận. Đồng thời, NH cũng tham gia tích cực vào những hoạt động này. Qua đó, đã rèn luyện cho SV những kỹ năng cần thiết và đặc biệt là kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời [H03.03.02.03], [H03.03.03.20].

Bên cạnh việc giảng dạy trên lớp, Nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã tổ chức nhiều sân chơi, nhiều hoạt động, thông qua các buổi tập huấn, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi nhằm giúp SV trưởng thành về mọi mặt. Những hoạt động này không những giúp SV tăng thêm sự hiểu biết, kiến thức về xã hội, cộng đồng mà còn hướng đến việc SV tự tìm tòi, giải quyết vấn đề, rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời [H04.04.03.04], [H04.04.03.05], [H04.04.03.06].

2. Điểm mạnh

GV Khoa XHH&CTXH đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, phong phú và phù hợp với mục tiêu và CĐR của học phần, tạo được môi trường học tập, sinh

hoạt năng động và các hoạt động hỗ trợ khác giúp NH rèn luyện được nhiều kỹ năng và nâng cao khả năng tự học, khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa quan tâm đúng mức khâu kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường các bài tập mở rộng, chủ đề seminar đòi hỏi SV phải tự tìm hiểu, tự nghiên cứu, đồng thời chú trọng khâu kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả tự học, tự nghiên cứu của SV.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo môi trường học tập, sinh hoạt tích cực, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đến với NH ngày càng tốt hơn. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV và SV.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

CTĐT ngành CTXH có mục tiêu giáo dục rõ ràng, được tuyên bố và phổ biến tới các BLQ bằng nhiều hình thức. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng, giúp NH đạt được CĐR của học phần và của CTĐT. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

- Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu giáo dục tuyên bố rõ ràng, hoạt động dạy học phù hợp để đạt CĐR.

- Điểm tồn tại cơ bản: Để nâng cao tính chủ động của NH, GV của Khoa cần làm tốt hơn công tác hỗ trợ, hướng dẫn SV.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.1				x				4.67	3	100.00
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3					x					

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá có ảnh hưởng lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của NH, đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ NH. Việc đánh giá KQHT của NH ngành CTXH được thiết kế để đo lường mức độ đạt được CDR của CTĐT, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

Các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thông báo công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức đến NH như đăng tải trên trang web của Trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên, thông qua Sổ tay SV phát cho NH vào đầu năm học, khoá học. Trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức, mục tiêu và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả kiểm tra đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Trong trường hợp chưa thoả mãn về kết quả kiểm tra đánh giá, NH được tạo điều kiện tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT một cách thuận lợi và được Nhà trường giải quyết kịp thời, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của NH.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Việc đánh giá KQHT của SV ngành CTXH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT và được thể hiện rõ ràng trong quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKH, ĐHH và trong ĐCCT của từng học phần trong CTĐT [H05.05.01.01], [H01.01.03.03], [H05.05.01.02], [H03.03.01.12]. Quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được rà soát, điều chỉnh bổ sung để phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHH qua các năm 2017, 2021 [H01.01.03.02], [H01.01.03.01], [H05.05.01.01]. Bên cạnh đó, quy định tổ chức thi và chấm thi, quy định điều kiện tốt nghiệp được biên soạn rõ ràng và công bố cho GV và NH được biết [H05.05.01.03], [H05.05.01.04]. Thêm vào đó, ngành CTXH đã chủ động thực hiện các khảo sát từ các BLQ đối với CĐR của ngành CTXH [H01.01.03.07], [H03.03.01.08], [H05.05.01.05], [H05.05.01.06], [H05.05.01.07] và điều chỉnh, thay đổi các học phần để phù hợp với nhu cầu thực tiễn [H03.03.03.17]. Bên cạnh đó, ngành CTXH còn có CTĐT hợp tác quốc tế và thực hành kỹ năng để tăng tính ứng dụng nghề nghiệp cho SV chuyên ngành [H03.03.03.20], [H03.03.03.16].

1.2. Các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR.

Để đạt được CĐR chung của ngành đào tạo, trong các ĐCCT học phần, có quy định rõ các CĐR tương ứng với từng nội dung của học phần [H02.02.02.01], [H02.02.02.02], [H02.02.02.03], [H03.03.03.02]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT được GV xây dựng trong ĐCCT học phần và được triển khai thực hiện trong quá trình dạy học cho đến khi thi kết thúc học phần. Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, phù hợp để đạt CĐR của học phần, bao gồm: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thuyết trình, tiểu luận. Bên cạnh đó, để đạt CĐR của CTĐT, SV phải đảm bảo thực hiện các học phần thực hành nghề nghiệp gồm: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực tập chuyên môn, thực tập nghề nghiệp nhằm đạt được CĐR của học phần và được thông báo công khai đến SV trước mỗi kỳ thực hành, thực tập [H02.02.02.01], [H02.02.02.02], [H02.02.02.03], [H03.03.03.02].

Bên cạnh đó, ngành CTXH còn có các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế, tạo cơ hội cho SV rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, góp phần cung ứng nguồn nhân lực CTXH chuyên nghiệp với trình độ cao cho xã hội và cho các dịch vụ khoa học,

làm cơ sở cho việc hoạch định và biện hộ các chính sách xã hội, an sinh xã hội, thúc đẩy sự phát triển xã hội [H03.03.03.20].

1.3. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR.

Việc đánh giá KQHT của học phần do GV giảng dạy đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Cụ thể, đối với các học phần chỉ có lý thuyết thì điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá thành phần bao gồm: Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Kết quả đạt được của SV về kỹ năng được đánh giá thông qua việc thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi, viết báo cáo. Việc đánh giá thái độ được thực hiện thông qua việc đi học chuyên cần, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập của học phần, thái độ khi thi cử, thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi thực tập. [H05.05.01.03], [H03.03.01.07], [H10.10.03.07].

Việc thi kết thúc học phần được Trường ĐHKH, ĐHH tổ chức một lần vào cuối mỗi học kỳ. Điểm thi học phần có trọng số không dưới 50%. Riêng đối với các học phần thực hành, SV chỉ được dự thi khi tham dự đầy đủ tất cả các bài thực hành có trong học phần. Đề thi kết thúc học phần do Phòng KT&BDCLGD quản lý, bảo mật và khai thác sử dụng, được lưu trữ tại phòng với số lượng câu hỏi được thiết kế tương ứng với số tín chỉ của học phần, đảm bảo sự công bằng, khách quan trong đánh giá. Ngân hàng đề thi được GV phụ trách học phần xây dựng theo nguyên tắc bám sát nội dung của học phần và đảm bảo yêu cầu về việc đạt CDR của học phần [H05.05.01.03] [H05.05.01.04], [H05.05.01.08].

Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần do Phòng KT&BDCLGD soạn thảo, tham mưu cho Nhà trường ban hành và được phổ biến, công bố công khai, rộng rãi đến NH và các BLQ bằng nhiều hình thức. Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần nêu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân liên quan, cũng như quy trình, biểu mẫu, thời hạn hoàn thành các bước trong quy trình tổ chức thi và chấm thi. Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế [H05.05.01.09], [H05.05.01.10], [H05.05.01.03], [H05.05.01.04], [H05.05.02.05].

Theo định kỳ, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT và CDR. Do đó, phải thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp, tuy nhiên tài liệu hướng dẫn cụ thể

về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa được rà soát và cập nhật thường xuyên [H03.03.02.01], [H01.01.02.06].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của NH ngành CTXH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR thông qua đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ, làm khóa luận tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa rà soát và cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ rà soát, cập nhật và hướng dẫn cho GV về cách thức thiết kế, sử dụng phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR của CTĐT.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bám sát CĐR của CTĐT để xây dựng, bổ sung và triển khai áp dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH một cách phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Các tài liệu/hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH.

Nhà trường có các quy định về đánh giá KQHT của NH bao gồm các thông tin về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan

một cách rõ ràng. Các quy định này thể hiện trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.03.10], [H08.08.03.11], [H08.08.01.06] và Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học hệ chính quy của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.01.03], [H05.05.01.10], [H05.05.01.03]. Đánh giá KQHT của NH là một quá trình liên tục, bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ nhằm đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. ĐCCT các học phần ngành CTXH có quy định rõ ràng cách đánh giá học phần, bao gồm: điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình (trọng số 30% hoặc 40% tùy vào từng học phần) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60% hoặc 70%) [H02.02.02.02], [H02.02.02.01]. Thêm vào đó, đối với các học phần thực hành kỹ năng nghề nghiệp như thực tập chuyên môn, thực tập tốt nghiệp, trọng số điểm quá trình là 0% vì thời gian của khoá học yêu cầu SV phải dành thời gian thực hành, thực tập trực tiếp tại các cơ sở có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp để thể hiện kết quả đánh giá cuối cùng có trọng số là 100% thông qua phần báo cáo cuối kỳ về toàn bộ quá trình thực tập [H03.03.03.02], [H02.02.02.03].

Phương pháp, hình thức, tiêu chí kiểm tra, đánh giá điểm quá trình cũng như phương pháp, hình thức thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong ĐCCT của các học phần [H03.03.02.03]. Các học phần thực hành gồm: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực tập chuyên môn, thực tập tốt nghiệp, Khoá luận tốt nghiệp. Khoa quy định rõ trọng số điểm quá trình, điểm bài báo cáo với các tiêu chí đánh giá chi tiết và thang điểm rõ ràng. Các quy định này đều được Khoa thông tin đến SV trước mỗi kỳ thực hành, thực tập [H05.05.03.08].

2.2. Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được quy định rõ ràng, được thông báo công khai tới NH bằng nhiều hình thức đa dạng, NH dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện. Cụ thể, các quy định về đánh giá KQHT được đăng tải trên trang thông tin đào tạo đại học của Trường, trong Sổ tay SV được phát vào đầu năm học, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân - học sinh, SV, trước khi giảng dạy mỗi học phần, GV đều giới thiệu cho SV ĐCCT của học phần, trong đó có các quy định về kiểm tra

đánh giá KQHT ngay trong buổi học đầu tiên [H05.05.02.01], [H08.08.03.16], [H05.05.02.02]. [H04.04.01.07], [H04.04.01.08], [H04.04.01.09], [H05.05.02.03], [H05.05.02.04].

2.3. NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

Những quy định về kiểm tra đánh giá KQHT được phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức, nhiều đợt trong quá trình học tập, điều này giúp NH luôn nắm bắt được kịp thời và chính xác những quy định liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT để thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho bản thân NH. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên cho toàn bộ SV. Trong nhiều nội dung hữu ích được phổ biến có nội dung về kiểm tra đánh giá KQHT gồm: đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ, điều kiện dự thi kết thúc học phần, quy định về khiếu nại điểm quá trình, điểm bài thi kết thúc học phần, học cải thiện, điều kiện tốt nghiệp, cảnh báo học tập, buộc thôi học,.... Trước khi giảng dạy mỗi học phần, GV đều giới thiệu cho SV rõ ĐCCT của học phần, trong đó có các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT ngay trong buổi học đầu tiên. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động sinh hoạt lớp, trợ lý CVHT thường xuyên nhắc nhở SV những vấn đề liên quan đến quy định về đánh giá KQHT. Trước mỗi kỳ thực hành, thực tập, Khoa thông báo kế hoạch chi tiết của đợt thực hành, thực tập, đồng thời phổ biến những quy định cụ thể về đánh giá học phần thực hành, thực tập [H05.05.02.01], [H08.08.03.16], [H05.05.02.02]. [H04.04.01.07], [H04.04.01.08], [H04.04.01.09], [H05.05.02.03], [H05.05.02.04], [H05.05.01.03], [H05.05.01.04], [H05.05.02.05].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH có các văn bản chính thức thể hiện rõ ràng và cụ thể các quy định về đánh giá KQHT của NH. ĐCCT các học phần trong CTĐT nêu rõ các phương pháp và trọng số đánh giá. Các quy định về đánh giá được thông báo công khai bằng nhiều hình thức, NH và các BLQ dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên cập nhật những điều chỉnh, bổ sung các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT cho SV, nhắc nhở SV chú ý các điều chỉnh, cập nhật để thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho bản thân.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến quy trình, tiêu chí đánh giá KQHT của NH theo hướng đa dạng, phong phú và phù hợp nội dung từng học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT và thông báo rộng rãi bằng nhiều hình thức đến các BLQ.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. CSGD/khoa/bộ môn, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

Việc đánh giá KQHT hiện nay được áp dụng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường. Theo đó việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện theo ba cấp độ: học phần, học kỳ và toàn khóa học. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH ngành CTXH được GV áp dụng khá đa dạng, phong phú đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV tùy thuộc vào nội dung và CĐR của từng học phần. Đối với học phần thực hành, không tổ chức thi tự luận, được đánh giá bằng những bài tập, bài thực hành nhóm và cá nhân, bài kiểm tra, thái độ, chuyên cần trong quá trình học. Đối với những học phần lý thuyết, ngoài việc GV đánh giá quá trình bằng các hình thức: bài kiểm tra viết, trắc nghiệm tại lớp, thảo luận tình huống tại lớp, bài tập nhóm, bài tập cá nhân... đảm bảo đạt CĐR theo từng học phần. Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tổ chức kỳ thi kết thúc học phần bằng một trong các hình thức:

thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, làm tiểu luận. Các hình thức kiểm tra đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ được nêu rõ trong ĐCCT học phần [H03.03.02.03], [H10.10.03.02], [H05.05.03.01], [H10.10.03.01], [H05.05.03.02].

3.2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và yêu cầu của CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đối với những học phần thực hành, không tổ chức thi, kết quả đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí và nhiều cột điểm (thường có 5 cột điểm) gồm: chuyên cần, bài tập nhóm và cá nhân ở nhà; thực hành nhóm cá nhân tại lớp học; những cột điểm này được quy định rõ trong ĐCCT học phần.

Theo quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần, đối với các học phần giảng dạy đã xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi, việc tổ chức thi và đề thi sẽ được Phòng KT&BDCLGD chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi do Phòng KT&BDCLGD quản lý. Với những học phần chuyên ngành yêu cầu nội dung giảng dạy phải luôn cập nhật, do đó sẽ sử dụng đề thi của GV cho từng học kỳ. Mỗi học phần, GV ra 02 đề thi và 02 đáp án, Bộ môn và Khoa duyệt, Phòng KT&BDCLGD bốc ngẫu nhiên 1 trong 2 đề thi để tổ chức thi. Đối với học phần thi theo hình thức tiểu luận, GV nộp đề tài tiểu luận cho Phòng KT&BDCLGD đảm bảo nguyên tắc, mỗi SV thực hiện 01 đề tài khác nhau. Phòng KT&BDCLGD sử dụng phần mềm chuyên dụng giao ngẫu nhiên đề tài tiểu luận cho SV qua Trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. SV thực hiện bài tiểu luận đúng nội dung, hình thức và nộp tiểu luận đúng thời gian quy định trên phần mềm của Nhà trường; GV chấm tiểu luận trực tiếp trên phần mềm [H10.10.03.02], [H05.05.03.03], [H05.05.02.05], [H05.05.01.04], [H05.05.03.01].

Việc chấm bài thi kết thúc học phần được Phòng KT&BDCLGD tổ chức đánh phách, rọc phách. Bài thi được đưa về Khoa chuyên môn chấm, mỗi bài thi do hai cán bộ chấm thi độc lập. Đối với những học phần thực hành tại cơ quan, Khoa quy định rõ từ thời gian, tiêu chí sản phẩm đối với từng học phần thực hành. Việc đánh giá báo cáo tốt nghiệp gồm cả đánh giá của cơ quan thực tập và của GV hướng dẫn. Khóa

luận tốt nghiệp được quy định rõ ràng về thời gian thực hiện, nội dung, hình thức trình bày. SV bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trực tiếp trước Hội đồng gồm ba thành viên: Chủ tịch hội đồng, GV phản biện và ủy viên [H05.05.03.04], [H05.05.03.05], [H05.05.03.06].

Như vậy, việc đánh giá KQHT của SV được tiến hành đúng quy định, quy trình thực hiện, đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác. Hiện tại, 18 học phần ngành CTXH có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi, được quản lý sử dụng để tổ chức thi kết thúc học phần. Số lượng học phần ngành CTXH có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi chưa nhiều, cần có kế hoạch xây dựng, nhất là đối với các học phần nặng lý thuyết [H05.05.03.07].

Kết quả khảo sát NH qua các năm đều cho thấy SV đánh giá rất cao về sự khách quan, công bằng, trong kiểm tra đánh giá KQHT và đảm bảo sát với CĐR của từng học phần và của CTĐT. Từ dữ liệu phúc khảo bài thi ngành CTXH từ năm 2018 đến năm 2022 cho thấy, trong tổng số 8.402 bài thi chỉ có 19 bài thi được SV yêu cầu chấm phúc khảo, chiếm tỉ lệ 0.23%. Trong tổng số 19 bài thi được phúc khảo có 07 bài thi có thay đổi điểm, chiếm 36.84%. Lý do thay đổi điểm: chấm sót ý, sót câu và cộng sai điểm [H05.05.03.08].

Bên cạnh đó, định kỳ, Nhà trường đã tiến hành tổ chức đánh giá, đo lường chất lượng các đề thi kết thúc học phần ngành CTXH [H05.05.03.09], [H05.05.03.10]. Theo đó, Nhà trường đã áp dụng Lý thuyết ứng đáp câu hỏi (IRT) thông qua phần mềm Conquest để phân tích: Mức độ phù hợp của đề thi, câu hỏi thi với mô hình RASH; Mức độ phù hợp của năng lực của thí sinh với độ khó của câu hỏi thi; Đánh giá độ tin cậy của đề thi và các chỉ số đặc trưng cho từng câu hỏi như độ khó, độ phân biệt, hệ số tương quan giữa câu hỏi thi với toàn bài thi. Dữ liệu được sử dụng là kết quả thi kết thúc học phần của 10 học phần (hình thức thi tự luận và trắc nghiệm) có mức độ đóng góp cao nhất để đạt được CĐR của CTĐT ngành CTXH giai đoạn 2018-2023. Kết quả thu được giúp GV có kênh thông tin tin cậy trong công tác xây dựng đề thi/đáp án và cách chấm thi cho phù hợp nhằm mục đích đánh giá đúng năng lực của người học với CĐR của từng học phần.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của SV ngành CTXH được thực hiện theo đúng quy trình, quy định. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo

nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu và CDR của từng học phần và của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành thường xuyên việc rà soát, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa trong kiểm tra đánh giá KQHT và thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác kiểm tra đánh giá KQHT của SV.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH.

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Đối với những học phần thực hành, không tổ chức thi, kết quả đánh giá những bài tập cá nhân, nhóm; thực hành cá nhân, nhóm được đánh giá trực tiếp và công bố ngay sau khi SV vừa thực hiện xong. SV thắc mắc có thể phản hồi trực tiếp và có thể cải thiện theo thời gian quy định cụ thể.

Đối với các học phần lý thuyết, điểm đánh giá học phần gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Đối với điểm quá trình (gồm điểm chuyên cần, thái độ; điểm kiểm tra giữa kỳ) GV công bố cho SV trong buổi học cuối cùng. Sau một tuần, kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần, GV sẽ cập nhật điểm đánh giá quá trình lên hệ thống Trang thông tin đào tạo đại học và in bản giấy nộp cho trợ lý đào tạo Khoa, trợ

lý đào tạo Khoa tập hợp và nộp cho Phòng ĐTĐH&CTSV. Nếu SV có thắc mắc thì GV giảng dạy sẽ trực tiếp giải quyết. Việc công bố điểm quá trình kịp thời giúp SV có kế hoạch ôn tập, đạt kết quả tốt của bài thi kết thúc học phần, qua đó cải thiện KQHT của học phần [H10.10.03.02], [H10.10.03.01], [H05.05.01.10].

Đối với điểm thi kết thúc học phần, nếu thi bằng hình thức vấn đáp, GV sẽ công bố cho SV ngay sau khi kết thúc buổi thi, nếu SV có thắc mắc thì GV sẽ trả lời trực tiếp tại buổi thi, điểm thi vấn đáp không được phúc khảo. Nếu thi bằng hình thức tự luận, tiểu luận, điểm thi sẽ được công bố trên Trang thông tin đào tạo đại học chậm nhất là 03 tuần kể từ ngày thi.

Về chấm thi kết thúc học phần, Phòng KT&BDCLGD giao bài thi đã đánh phách, cất phách cho Khoa chậm nhất là 02 ngày sau ngày thi của học phần. Thời gian 02 cán bộ chấm thi là 07 ngày. Điểm thi sau đó sẽ được công bố trên Trang thông tin đào tạo đại học chậm nhất là 03 tuần kể từ ngày thi. Toàn bộ hồ sơ, kết quả kiểm tra đánh giá của NH được lưu trữ đầy đủ tại Phòng KT&BDCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV. Tuy nhiên, việc chấm thi học phần của một số học phần đôi lúc còn chậm so với quy định, lý do là một số GV có tham gia giảng dạy hệ đào tạo VLVH ngoại tỉnh nên có những thời điểm đi dạy nhiều ảnh hưởng việc chấm thi theo thời gian quy định [H10.10.03.02], [H10.10.03.01], [H05.05.04.01].

Trong thời gian 15 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc học phần được công bố, SV có thể làm đơn phúc khảo điểm thi gửi đến Phòng KT&BDCLGD nếu chưa thỏa mãn về kết quả chấm thi; chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Phòng KT&BDCLGD sẽ công bố kết quả chấm phúc khảo và gửi công văn đến Phòng ĐTĐH&CTSV điều chỉnh điểm bài thi nếu có thay đổi trên trang web của phòng KT&BDCLGD [H05.05.04.02], [H05.05.04.03], [H05.05.04.04].

4.2. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá NH được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường sẽ tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên, phổ biến và hướng dẫn cho SV những nội dung quan trọng, trong đó có các vấn đề về học tập, kiểm tra đánh giá, hướng dẫn NH các quy định về kiểm tra đánh giá, điều kiện dự thi kết thúc học phần, điều kiện xét tốt nghiệp, cũng như quy định về phản hồi KQHT cho NH [H05.05.04.05], [H04.04.01.06],

[H05.05.04.06], [H05.05.04.05]. Mỗi SV còn được Nhà trường cung cấp 01 Sổ tay học vụ, trong đó có đầy đủ thông tin, biểu mẫu và hướng dẫn liên quan đến quá trình học tập của SV [H04.04.01.07], [H04.04.01.08], [H04.04.01.09], [H05.05.02.03], [H05.05.02.04].

Nhằm giúp cho SV nắm bắt kịp thời KQHT, Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành và công bố các văn bản liên quan đến những quy định về việc phản hồi kịp thời KQHT của SV. Những quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố trên trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. Mỗi SV được cấp quyền truy cập vào địa chỉ của mình trên trang thông tin đào tạo đại học để xem KQHT của bản thân. SV không những biết được kết quả đánh giá từng học phần mà còn biết được những thông tin quan trọng khác như số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy cũng như tỷ lệ số tín chỉ đã tích lũy ứng với mỗi khối kiến thức trong CTĐT, qua đó có thể điều chỉnh kế hoạch học tập nhằm đảm bảo điều kiện đủ về tích lũy tín chỉ và điểm số để đăng ký xét tốt nghiệp [H05.05.04.07], [H05.05.04.01], [H08.08.03.16].

4.3. NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời.

Kết quả đánh giá được thông báo đến SV qua tài khoản cá nhân trên trang thông tin đào tạo đại học theo đúng thời gian quy định [H05.05.04.01]. Mỗi học kỳ, Nhà trường có triển khai khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung về kiểm tra đánh giá, phản hồi KQHT cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy SV hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá và phản hồi kịp thời cho SV. Nội dung kiểm tra đánh giá có điểm trung bình khảo sát đạt mức Khá (3,39) và mức độ hài lòng đạt 95,48% [H03.03.02.01].

4.4. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo học tập theo từng kỳ học nhằm giúp SV, đặc biệt là SV có KQHT kém biết được và có phương án học tập thích hợp để không bị cảnh báo học tập 3 lần liên tiếp và bị cho thôi học. Thông tin về cảnh báo học tập được thông báo đến từng cá nhân SV trên trang thông tin đào tạo đại học và trợ lý CVHT sẽ nhắc nhở SV trong giờ sinh hoạt lớp [H05.05.04.01], [H08.08.03.16].

Việc phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp SV chủ động được việc đăng ký lịch học lại, học cải thiện hoặc học vượt vào học kỳ thứ 3 (học kỳ hè) hoặc vào học kỳ

kế tiếp cũng như thực hiện khiếu nại về KQHT nếu cảm thấy chưa thỏa đáng [H08.08.03.10], [H08.08.03.12], [H10.10.03.01], [H05.05.01.10], [H10.10.03.02].

Trên cơ sở tổng hợp kết quả của các học phần, Nhà trường thông báo điểm trung bình chung theo từng học kỳ, theo từng năm và điểm tích lũy đến thời điểm đánh giá cho SV biết qua tài khoản của SV trên Trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. Các hoạt động phản hồi kịp thời KQHT của SV đã giúp cho SV ngành CTXH nhanh chóng nắm bắt được chính xác thông tin về KQHT của mình. Trên cơ sở đó, SV có những điều chỉnh phù hợp trong kế hoạch học tập hoặc tiến hành học lại, học cải thiện để nâng cao KQHT theo mong đợi [H05.05.04.01], [H05.05.02.01].

2. Điểm mạnh

KQHT của NH được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn; giúp NH có kế hoạch học tập phù hợp để cải thiện, nâng cao kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc chấm bài thi kết thúc học phần của một số học phần đôi lúc còn chậm so với thời gian quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Công bố kết quả điểm thi kết thúc học phần đúng thời gian quy định. Cần có chế tài đối với GV và đơn vị chậm công bố KQHT của NH.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo thời gian quy định của Nhà trường.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Nhà trường có quy định rõ về việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần trong Quy định về tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần [H10.10.03.02]. Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần cụ thể như sau: 1) SV nộp đơn đề nghị phúc khảo bài thi (theo mẫu) tại Phòng KT&BDCLGD trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố điểm thi trên trang thông tin đào tạo đại học nếu không thỏa mãn về kết quả chấm thi của GV; 2) Phòng KT&BDCLGD nhận đơn, kiểm tra điểm thi, gửi công văn đề nghị phúc khảo bài thi về Khoa quản lý chuyên môn trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo; 3) Khoa chuyên môn thành lập Tổ chấm phúc khảo, phân công 02 cán bộ chấm phúc khảo (có cùng chuyên môn và khác với 02 cán bộ chấm thi lần đầu). Lập biên bản chấm phúc khảo. 4) Nếu điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm lần đầu từ 2,0 đến 2,9 điểm thì lập biên bản đối thoại giữa 02 cán bộ chấm phúc khảo với 02 cán bộ chấm lần đầu. Nếu điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm lần đầu từ 3,0 điểm thì lập biên bản đối chất, ngoài 02 cán bộ chấm thi lần đầu, 02 cán bộ chấm phúc khảo còn có Tổ trưởng chuyên môn, Trưởng khoa và Trưởng Phòng KT&BDCLGD; 5) Phòng KT&BDCLGD tổng hợp, báo cáo kết quả chấm phúc khảo từng học kỳ; lập công văn đề nghị điều chỉnh điểm thi (nếu kết quả chấm phúc khảo lệch so với chấm lần đầu), công bố kết quả phúc khảo lên trang web của Trường và lưu toàn bộ hồ sơ [H10.10.03.02], [H05.05.04.02], [H05.05.05.01], [H05.05.05.02], [H05.05.05.03], [H05.05.04.03], [H05.05.04.04].

5.2. Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

SV được tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc đề nghị chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần và được giải quyết hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho SV. Quy định về phúc khảo bài thi được công bố công khai trên trang web của Nhà trường, trong “Sổ tay sinh viên”, phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên và được GV phổ biến cho SV trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần [H10.10.03.02].

Các khiếu nại về KQHT của SV luôn được xử lý kịp thời, thỏa đáng theo quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ đều có tổng kết công tác phúc khảo bài thi của SV và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan tại Phòng KT&BDCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV. Thống kê tình hình phúc khảo bài thi kết thúc học phần trong 5 năm, từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023 trong tổng số 8.402 bài thi kết thúc học phần của SV có 19 bài đề nghị chấm phúc khảo,

chiếm tỷ lệ 0,23%; trong 19 bài chấm phúc khảo có 07 bài thay đổi điểm, chiếm tỷ lệ 36,84%. Nguyên nhân thay đổi điểm do chấm sót và cộng nhầm điểm thành phần [H05.05.03.08]. Như vậy, việc khiếu nại về KQHT của SV được giải quyết thoả đáng, kịp thời theo đúng quy định của Nhà trường, đảm bảo quyền lợi của SV.

Tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa công bố đáp án của các đề thi kết thúc học phần hàng năm. Đề thi và đáp án được cung cấp cho GV chấm thi và được lưu giữ, bảo quản cùng bài thi trong thời gian 02 năm, kể từ ngày tổ chức thi theo quy định.

2. Điểm mạnh

SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT. Nhà trường, Khoa và Bộ môn giải quyết đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho SV. Quy trình chấm phúc khảo chặt chẽ, kết quả phúc khảo đáng tin cậy, được công bố công khai, kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, Nhà trường chưa công bố công khai đáp án đề thi kết thúc học phần cho SV tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Công khai đáp án đề thi kết thúc học phần để SV tự đối chiếu với bài làm và kết quả chấm thi.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về KQHT theo hướng thực hiện qua mạng (online) hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký trực tiếp như hiện nay.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT của NH đối với CTĐT ngành CTXH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, tuân thủ đúng các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới NH bằng nhiều hình thức.

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với nội dung và CDR của từng học phần; đảm bảo tính công bằng, tin cậy và công khai. Việc công bố KQHT công khai, kịp thời và cơ chế phản hồi, khiếu nại rõ ràng để NH biết và thực hiện. Cùng với đó, Trường có cơ chế cảnh báo học tập đối với những SV có kết quả học tập yếu, kém trong từng học kỳ để SV biết và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

- Điểm mạnh nổi bật: Có quy trình kiểm tra đánh giá KQHT của NH rõ ràng. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo sự tin cậy và công bằng.

- Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng học phần có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều; việc rà soát, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi chưa thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.1					x			4.80	5	100.00
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV của Khoa XHH&CTXH là thành phần cốt yếu để thực hiện công tác giảng dạy CTĐT ngành CTXH của Khoa. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ GV là nhiệm vụ thiết yếu để chất lượng đào tạo của CTĐT ngày càng tốt hơn, đáp ứng được tầm nhìn, chiến lược phát triển và hoàn thành sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH đã đề ra, đó là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”.

GV Khoa XHH&CTXH có năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTĐT; có khả năng sử dụng nhiều phương pháp dạy học phù hợp; thực hiện kiểm tra, đánh giá đa dạng đáp ứng CDR của các học phần và CTĐT; đủ năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT

trong dạy học, xây dựng giáo án điện tử. Hầu hết GV trong Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ năm học trên cả 03 mảng hoạt động là giảng dạy, NCKH và PVCD.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ GV có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo và NCKH. Trên cơ sở chiến lược phát triển Trường ĐHKH, ĐHH, Nhà trường đã xây dựng đề án quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2024 và 2025 - 2030 [H04.04.01.02], [H06.06.01.01], [H06.06.01.02].

Mặc dù vậy, quá trình phát triển đội ngũ GV của Khoa XHH&CTXH nói chung và của ngành CTXH cũng có nét đặc thù riêng do được sáp nhập trên cơ sở của hai Khoa Xã hội học và Khoa Công tác xã hội vào ngày 09/03/2020 trên cơ sở Quyết định phê duyệt Đề án tái cấu trúc Trường ĐHKH, ĐHH của Giám đốc ĐHH nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo, sử dụng hiệu quả hệ thống CSVC, trang thiết bị hiện có và tinh giản cơ cấu tổ chức phù hợp với chủ trương chung của ĐHH và tình hình thực tế của Nhà trường [H06.06.03.15], [H06.06.01.03].

Tính đến tháng 11 năm 2023, đội ngũ CB của Khoa XHH&CTXH hiện có 21 CB, trong đó 01 Phó giáo sư, 04 tiến sĩ, 09 thạc sĩ, 03 NCS trong nước; 03 NCS nước ngoài; 01 văn thư [H06.06.01.04].

1.2. Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa XHH&CTXH được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Trường. Theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKH, ĐHH giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 và thống kê báo cáo số liệu về đội ngũ cán bộ [H06.06.01.05], [H06.06.05.03], Trường đã ban hành những tiêu chuẩn chức danh cán bộ để thực hiện công tác quy hoạch cán bộ chuyên môn [H06.06.01.06]. Dựa trên yêu cầu công việc, các quyết định về quy

hoạch cán bộ GV, triển khai thu hút, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV được ban hành [H07.07.01.01], [H06.06.05.10]. Căn cứ theo nhu cầu và tình hình nhân sự hiện tại, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, đồng thời triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hàng năm [H07.07.01.12]. GV sau khi tuyển dụng được bồi dưỡng, đào tạo đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Theo đó, số lượng cán bộ được tuyển dụng trong thời gian vừa qua đều đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV có kinh nghiệm giảng dạy, có chuyên môn tốt. Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện nghiêm túc, được thực hiện đúng quy trình, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ GV có học hàm PGS, GS chưa có lớp kế cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có kế hoạch phát triển đội ngũ GV có học vị, học hàm cao; Động viên các TS trong Khoa chuẩn bị các thủ tục để làm PGS.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ GV.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Hiện nay, Khoa XHH&CTXH có 21 GV, trong đó có 01 PGS.TS, 04 TS, 16 ThS. Tỷ lệ SV chính quy trên GV hiện nay (đã quy đổi) của Khoa là 2,5 (74/29,6). Tỷ lệ này thấp hơn quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT) về tiêu chí “Số SV chính quy/01 GV là 20” [H08.08.01.01], [H06.06.02.01].

Các GV được phân công giảng dạy theo năng lực chuyên môn và chuyên ngành nghiên cứu của mình. Đối với những GV chưa có học vị, Khoa và Nhà trường đã tiến hành cử GV đi học để nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện để cán bộ, GV tham gia các hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế để trao đổi về học thuật, hướng nghiên cứu mới từ các chuyên gia khoa học khác để từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy, truyền đạt kinh nghiệm thực tiễn cho NH, đồng thời nâng cao hoạt động NCKH của bản thân. Các GV của Khoa đã có những công trình NCKH là những bài báo chất lượng được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, chủ trì các công trình NCKH các cấp, biên soạn giáo trình giảng dạy cho các hệ đào tạo đại học, sau đại học.

2.2. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.

Việc quy đổi khối lượng công việc của GV, NCV được quy định cụ thể tại Quy định chế độ làm việc của GV thuộc Trường ĐHKH, ĐHH [H06.06.02.02] và được hướng dẫn triển khai thực hiện hằng năm. Việc quy đổi khối lượng công việc của GV, NCV bao gồm: Quy đổi các hoạt động giảng dạy đối với tất cả các bậc (THPT, đại học, sau đại học) ra giờ chuẩn giảng dạy; quy đổi các loại hình sản phẩm KH&CN, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ra giờ NCKH; quy đổi các hoạt động khác ra giờ PVCD.

2.3. Có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV.

Khối lượng công việc của GV, NCV được quy đổi cụ thể tại Quy định chế độ làm việc của GV thuộc Trường ĐHKH, ĐHH [H06.06.02.02]. Theo đó, khối lượng công việc của GV, NCV được cụ thể hóa cho từng hạng chức danh. Dựa trên khối lượng công việc đã được quy chuẩn, Nhà trường có những quy định để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV, NCV. Trên cơ sở những số liệu về giờ giảng, giờ NCKH và giờ PVCD được thống kê cuối năm, GV tự đánh giá về công tác chuyên môn của mình sau đó Khoa tiến hành kiểm tra, tổ chức họp đánh giá và trình Nhà trường xem xét, ra quyết

định cuối cùng [H06.06.06.06], [H06.06.02.03], [H06.06.06.07], [H06.06.06.09], [H06.06.02.04], [H06.06.02.02], [H06.06.02.05], [H06.06.02.06], [H06.06.02.07].

Định mức thời gian làm việc của GV thuộc Trường ĐHKH, ĐHH được thể hiện qua bảng sau:

TT	Nội dung	Định mức thời gian làm việc (giờ)			
		Trợ giảng	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
1	Giảng dạy	90	810	810	810
2	NCKH	200	600	720	840
3	PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác	1470	350	230	110
Tổng cộng		1.760	1.760	1.760	1.760

2.4. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khối lượng công việc của GV, NCV được Khoa và Nhà trường giám sát hàng năm để thực hiện công tác đánh giá, xếp loại, khen thưởng hàng năm được chính xác, công bằng, đồng thời để GV, NCV có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng công tác của bản thân. Cụ thể, vào cuối mỗi năm học, mỗi cán bộ, GV đều phải kê khai khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm hoạt động giảng dạy (nhiệm vụ 1), NCKH (nhiệm vụ 2) và hoạt động PVCĐ (nhiệm vụ 3) kèm minh chứng chính xác, các phòng ban chức năng liên quan sẽ kiểm tra [H07.07.03.05], [H07.07.03.04], [H06.06.02.08], [H06.06.02.09]. Phòng TC&HC và Hội đồng Thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa trên kết quả tự đánh giá, tiêu chuẩn, tiêu chí về xếp hạng và thi đua khen thưởng đánh giá, xếp loại đơn vị, viên chức và người lao động [H06.06.02.10]. Từ đó xem xét họp bàn và đưa ra những quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng và phân loại viên chức vào mỗi cuối năm học của cán bộ toàn Trường. Kết quả xếp loại thi đua, đánh giá phân loại viên chức hằng năm cho thấy đội ngũ cán bộ, GV của Khoa XHH&CTXH đáp ứng đủ các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H06.06.04.15].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa XHH&CTXH có trình độ chuyên môn cao, năng lực NCKH tốt, tận tình với NH. Khối lượng công việc giảng dạy và NCKH của GV được đo lường theo giờ chuẩn tạo thuận lợi cho việc giám sát và đánh giá, cũng là cơ sở cho Khoa có kế hoạch quản lý và phát triển đội ngũ phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc quy đổi giờ chuẩn hoạt động NCKH và PVCĐ cần được rà soát, điều chỉnh và bổ sung phù hợp hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật quy định về việc quy đổi giờ chuẩn NCKH và PVCĐ đầy đủ và phù hợp với tình hình thực tế.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đánh giá cán bộ, GV, NCV trên cơ sở khối lượng công việc được quy thành giờ chuẩn, đảm bảo được sự chính xác và công bằng.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ GV, NCV của Nhà trường được tiến hành đúng quy định, quy trình hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHH [H06.06.03.01], [H06.06.04.04]. Trên cơ sở quy định, quy trình về tuyển dụng viên chức trong ĐHH, Nhà trường đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai nhiệm vụ tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ. Tiêu chí để tuyển dụng GV, NCV bao gồm cả đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng sử dụng ngoại

ngữ, tin học [H06.06.03.02], [H06.06.03.03], [H06.06.03.04], [H06.06.03.05], [H06.06.03.06]. Căn cứ vào các qui định về tiêu chí tuyển dụng GV, NCV của Nhà trường về phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, Khoa XHH&CTXH còn chú trọng đến năng lực giảng dạy, NCKH, thành thạo ngoại ngữ là một lợi thế lớn cho ứng viên tuyển dụng vào ngạch GV của Khoa XHH&CTXH. Khoa ưu tiên tuyển dụng các cá nhân có học vị TS, ThS có bằng tốt nghiệp đại học loại Giỏi trở lên đáp ứng các vị trí việc làm của Khoa [H06.06.03.07], [H06.06.03.02].

3.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai.

Điều kiện chung đăng ký dự tuyển cán bộ, GV của Trường ĐHKH, ĐHH quy định rõ ràng, bao gồm: Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm (chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản, chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên hoặc chứng chỉ trình độ B trở lên cấp trước ngày 15/01/2020, hoặc có bằng đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam); đủ sức khỏe để thực hiện công việc, đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng do đơn vị xác định và không trái với quy định của pháp luật. Đối với GV phải có bằng ThS trở lên và có bằng đại học chính quy xếp loại Giỏi trở lên [H06.06.03.05], [H06.06.03.06], [H07.07.02.11]. Các đối tượng không được đăng ký dự tuyển: Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng [H06.06.03.05]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV của Trường ĐHKH, ĐHH luôn tuân thủ theo Quy định về tuyển dụng cán bộ, GV trong ĐHH đã được ĐHH ban hành [H06.06.03.01] và Quy chế theo Thông tư của Bộ Nội vụ [H06.06.03.08].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV cũng như kế hoạch tuyển dụng luôn được phổ biến và thông báo công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của Nhà trường [H06.06.03.09], [H06.06.03.10], [H06.06.03.11], [H06.06.03.12].

Trường và Khoa luôn tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh của GV; quy trình và tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, Phó đơn vị, Trưởng Bộ môn [H06.06.03.13], [H06.06.03.14]. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển viên chức quản lý được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Bổ nhiệm Trưởng, Phó đơn vị; các Trưởng bộ môn đều được thực hiện nghiêm túc từng bước theo quy trình, lấy phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm từ cấp Khoa, tập thể lãnh đạo Khoa, Ban Giám hiệu, Đảng ủy Nhà trường [H06.06.03.15], [H06.06.03.16].

Trong những năm qua, các GV của Khoa đã được bổ nhiệm điều chuyển như sau:

Bổ nhiệm/ Điều chuyển	Họ và tên	Vị trí được bổ nhiệm/ Điều chuyển	Năm bổ nhiệm/ Điều chuyển
Bổ nhiệm	Nguyễn Thị Anh Đào	Phụ trách Khoa	2020
Bổ nhiệm	Nguyễn Thị Anh Đào	Phó Trưởng Khoa	2022
Bổ nhiệm	Võ Thanh Tùng	Phụ trách Khoa	2023

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa XHH&CTXH luôn có kế hoạch, quy trình và tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm những cá nhân hội đủ điều kiện của ngạch GV để bổ sung vào đội ngũ cán bộ giảng dạy phù hợp với CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hình thức và kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hoá hình thức và kênh phổ biến thông tin tuyển dụng của Nhà trường.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí tuyển dụng để phát triển đội ngũ GV của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu công việc.	Phòng TC&HC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành.

Đối với một trường đại học, năng lực của đội ngũ GV, NCV là một yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Khi đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững vàng thì khả năng truyền đạt kiến thức đến NH sẽ đáp ứng được với CTĐT. Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành Quy định về việc đánh giá và phân loại đơn vị, cán bộ, viên chức, hợp đồng lao động và hướng dẫn cụ thể theo từng năm học, từ đó GV sẽ thực hiện phiếu đánh giá và phân loại viên chức vào cuối mỗi năm học như năm học [H06.06.04.01], [H06.06.04.02], [H07.07.03.05], [H07.07.03.04]. Căn cứ vào bản đánh giá phân loại của GV, NCV Nhà trường họp xét và đưa ra kết quả đánh giá xếp loại cuối cùng và các hình thức khen thưởng nếu đạt được thành tích tốt [H06.06.04.03], [H06.06.02.07].

Để phát triển đội ngũ GV, NCV Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn tuyển dụng cán bộ, GV, NCV [H06.06.03.01], [H06.06.04.04]. Theo đó, GV của Khoa đều đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Trường.

Trong định hướng phát triển và quy hoạch chuyên môn, Nhà trường luôn đề cao việc phát triển đội ngũ GV dựa trên 3 yếu tố: chuyên môn giảng dạy, NCKH và công tác PVCĐ. Tuy nhiên, do số lượng SV trong Khoa không nhiều, GV của Khoa XHH&CTXH không phải là một trong những Khoa có số lượng giờ giảng cao của Trường ĐHKH, ĐHH. Năm học 2022-2023 tổng số giờ nhiệm vụ 1 thực hiện được của toàn Khoa là 18.439,29 giờ, trung bình mỗi GV đảm nhiệm 877 giờ [H06.06.01.04]. Mặc dù vậy, các GV đã tham gia NCKH rất tích cực với nhiều kết quả nổi bật: nhiều bài báo chất lượng được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, chủ trì các công trình NCKH các cấp, biên soạn giáo trình giảng dạy cho các hệ đào tạo đại học, sau đại học. Các công trình NCKH được cập nhật lên hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học của ĐHH, vì vậy việc tra cứu thuận lợi và dễ dàng [H06.06.04.05], [H06.06.04.06], [H06.06.04.07].

Năng lực của đội ngũ GV luôn được giám sát và đánh giá vào cuối mỗi năm học theo quy trình và tiêu chí cụ thể, định lượng của Nhà trường [H06.06.04.02]. Mỗi cán bộ, GV phải hoàn thành bộ hồ sơ đánh giá cuối năm gồm: (1) Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động; (2) Bảng kê khai khối lượng giảng dạy (nhiệm vụ 1), khối lượng NCKH (nhiệm vụ 2), khối lượng hoạt động PVCD (nhiệm vụ 3) và (3) Hồ sơ sáng kiến kinh nghiệm (nếu có). Khoa tiến hành họp, đánh giá kết quả công tác của từng cán bộ, GV và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Cuối cùng, Hội đồng Thi đua và Khen thưởng của Nhà trường thẩm định, phê duyệt và ra quyết định [H06.06.04.08], [H06.06.04.09], [H06.06.04.10], [H06.06.04.11], [H06.06.04.12]. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy, cán bộ, GV Khoa XHH&CTXH đều hoàn thành nhiệm vụ trong năm học [H06.06.04.13], [H06.06.04.14], [H06.06.01.04]. Thống kê kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, GV Khoa XHH&CTXH trong thời gian 5 năm, từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023 cho thấy tỷ lệ GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 55,05%, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 35,78% và có 12,85% GV đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở [H06.06.04.15].

4.2. Năng lực của GV, NCV được đánh giá

Để đánh giá năng lực giảng dạy của GV, định kỳ sau khi kết thúc giảng dạy mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCLGD tiến hành khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với tất cả học phần, tất cả GV kể cả GV thỉnh giảng thông qua hình thức khảo sát online qua phần mềm khảo sát theo đúng quy định về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường [H06.06.04.16], [H06.06.04.17], [H06.06.04.18]. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCLGD đều lập kế hoạch và tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.27], [H10.10.03.30], [H10.10.03.23], [H10.10.03.21], [H10.10.03.20]. Có 06 nội dung khảo sát, gồm: nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập và phương tiện dạy học, trách nhiệm và sự nhiệt tình của GV, khả năng của GV trong tư vấn và hướng dẫn SV tự học, kiểm tra đánh giá và tác phong sư phạm của GV. Điểm trung bình đánh giá các nội dung khảo sát đạt mức Khá (từ 3,39 - 3,46), mức độ hài lòng cao, từ 94,48 - 95,94% [H03.03.02.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo toàn khóa học. Kết quả khảo sát cho thấy NH hài lòng về chất lượng đào tạo của Khoa XHH&CTXH đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, mức độ hài lòng đạt từ 86,45% - 92,48% [H01.01.02.04].

2. Điểm mạnh

Tiêu chuẩn năng lực GV của Khoa XHH&CTXH được xác định và đánh giá rõ ràng theo đúng trình tự quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan dựa trên số liệu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định về tiêu chí và hướng dẫn đánh giá năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp CDR, năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng tiêu chí và hướng dẫn thực hiện đánh giá năng lực của GV trong việc xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp CDR và ứng dụng CNTT trong dạy học.	Phòng TC&HC, Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các tiêu chuẩn đánh giá năng lực của GV.	Phòng TC&HC, Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện thống kê tình hình đội ngũ cán bộ toàn Trường, lập "Báo cáo dữ liệu đội ngũ cán bộ", trong đó có các thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới

tính, trình độ chuyên môn để có kế hoạch cụ thể, chi tiết nhằm phát triển đội ngũ chuyên môn một cách đồng bộ, tổng quát [H06.06.05.01], [H06.06.05.02], [H06.06.05.03]. Mọi kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa XHH&CTXH đều được xây dựng dựa trên nền tảng là quy hoạch cán bộ chuyên môn trong từng giai đoạn của Nhà trường, cụ thể là quy hoạch cán bộ chuyên môn giai đoạn 2018 - 2020 và 2021 - 2025 và giai đoạn 2021 - 2030 [H06.06.05.04], [H06.06.05.05].

5.2. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Có thể thấy, công tác phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường chú trọng quan tâm. Nhà trường đã có những quy định cụ thể về việc cử cán bộ, GV, NCV đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài [H07.07.04.01]. Căn cứ yêu cầu của CTĐT, Khoa XHH&CTXH đã lập kế hoạch, động viên, tạo điều kiện để GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Khoa XHH&CTXH đã có 03 GV bảo vệ thành công luận án TS ở nước ngoài. Trước đó, vào năm 2018, Nhà trường và Khoa cũng đã cử 02 GV đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài, trong đó 01 GV đi Romania [H06.06.05.06], 01 GV đi Hungary [H06.06.05.07] và 01 GV đi học ThS tại Thái Lan [H06.06.05.08]; năm 2022 cử thêm 01 GV làm nghiên cứu sinh tại Hàn Quốc.

5.3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của CSGD.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong Khoa được triển khai thực hiện và trước mắt đã đạt được kết quả nhất định, nhiều GV đã hoàn thành khoá học, bảo vệ thành công luận án TS và luận văn ThS, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ GV của Khoa. Theo thống kê kết quả đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa XHH&CTXH, trong giai đoạn 2018-2023 có 05 GV làm NCS ngoài nước, 03 GV làm NCS trong nước, 02 GV học ThS ngoài nước, 02 GV học ThS trong nước và đã có 03 GV nhận bằng TS, 06 GV nhận bằng ThS [H06.06.05.09].

Dựa trên danh sách đăng ký nhu cầu đi bồi dưỡng, tham gia Hội nghị, Hội thảo của GV nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ GV, Nhà trường xem xét và phân bổ nguồn kinh phí để hỗ trợ cho GV được tham gia các khóa bồi dưỡng, tham quan học

tập, sinh hoạt học thuật và NCKH. Điều này được thể hiện rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H06.06.05.10].

5.4. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hàng năm.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của GV luôn được giám sát và đánh giá vào cuối mỗi năm học. Hàng năm, Khoa sẽ báo cáo tình hình hoạt động chung của Khoa trong báo cáo tổng kết năm học bao gồm việc GV thực hiện các nhiệm vụ về giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng chuyên môn, các hoạt động khác theo điều động và phân công của Nhà trường [H06.06.05.11], [H06.06.01.04], [H06.06.04.13].

2. Điểm mạnh

GV trong Khoa XHH&CTXH chủ động tham gia đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch cá nhân và của Nhà trường tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Kết quả đào tạo được giám sát và đánh giá hàng năm.

3. Điểm tồn tại

GV trong Khoa nói chung và của ngành CTXH nói riêng còn chưa mạnh dạn đăng ký viết giáo trình cho các học phần thuộc chuyên môn giảng dạy của mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch, giao chỉ tiêu và tạo điều kiện để GV tham gia viết giáo trình, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tìm kiếm hỗ trợ từ Nhà trường và đối tác, tạo điều kiện để các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn nâng cao trình độ, đặc biệt là ở nước ngoài.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

6.1. Đơn vị có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, NCV.

Quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai sẽ tạo được động lực cho GV, NCV nhiệt tình, có trách nhiệm trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, nâng cao chất lượng chuyên môn của mình hơn nữa, từ đó hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD khác.

Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH luôn có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, NCV. Cụ thể, khi bắt đầu năm học mới, từng GV sẽ đăng ký khối lượng hoạt động của cá nhân cho năm học đó theo 03 nhóm công việc chính: (1) Giảng dạy, (2) NCKH và (3) Các hoạt động PVCD, nhằm đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ tiêu chuẩn theo quy định cho từng năm học. Đồng thời, những GV, NCV có nhu cầu đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cũng sẽ có kế hoạch trước cho bản thân và đăng ký trước với Khoa và Trường. Dựa vào đó, Khoa và Trường sẽ tổng hợp và lên kế hoạch công tác cụ thể đối với các GV, NCV hàng năm cũng như lập danh sách các GV, NCV được duyệt để đi đào tạo, bồi dưỡng [H07.07.04.06], [H06.06.06.01], [H06.06.06.02], [H07.07.04.08], [H06.06.06.03].

6.2. Triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc.

Công tác đánh giá GV là một nhiệm vụ then chốt trong quá trình xây dựng và phát triển đội ngũ. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV ở nhiều thời điểm khác nhau, nhiều kênh và đối tượng đánh giá để giúp GV có được những thông tin, nhận xét đánh giá chính xác về hoạt động giảng dạy và các công tác khác của bản thân.

Trường ĐHKH, ĐHH tiến hành đánh giá xếp loại cán bộ, GV, NCV dựa trên kết quả công việc và thành tích đạt được của từng cá nhân trong năm học. Quy định này được ban hành và phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ trong Trường. Cuối mỗi năm học đều có văn bản hướng dẫn cụ thể công tác đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân một cách chi tiết, cụ thể [H07.07.05.03], [H07.07.03.05], [H07.07.03.04], [H06.06.06.04]. Mỗi GV phải thực hiện đủ khối lượng công việc theo định mức ở mỗi ngạch chức danh mà mình đang giữ gồm: tham gia giảng dạy, ra đề, coi thi theo sự phân công của Khoa và Nhà trường, NCKH và các hoạt động PVCD [H06.06.02.04]. Kết quả thực hiện

nhiệm vụ của một GV trong giảng dạy, NCKH, các công tác khác được Nhà trường thống kê vào cuối mỗi năm học để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc [H06.06.06.05]. GV sẽ tự đánh giá về năng lực và mức độ hoàn thành công tác của bản thân bằng cách thực hiện phiếu đánh giá và phân loại viên chức vào cuối mỗi năm học; dựa trên cơ sở các phiếu đánh giá của viên chức, việc xét thi đua, phân loại viên chức sẽ diễn ra theo trình tự từ Bộ môn, Khoa rồi mới đến Nhà trường. Từ đó, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường căn cứ vào Quy định về đánh giá thi đua khen thưởng hằng năm họp bàn và đưa ra quyết định đánh giá phân loại viên chức, xếp loại thi đua và có những hình thức khen thưởng phù hợp [H06.06.06.06], [H06.06.06.07], [H06.06.06.08], [H06.06.06.09].

Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường triển khai công tác khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV của từng học kỳ, khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo toàn khoá học. Trên cơ sở kết quả khảo sát, GV chủ động điều chỉnh công tác giảng dạy của mình, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động dạy học từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa nói riêng và toàn Trường nói chung [H03.03.02.01], [H01.01.02.04].

6.3. GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Công tác thi đua khen thưởng của Nhà trường được thực hiện đúng quy trình, căn cứ vào khối lượng công việc và thành tích của cá nhân, kết quả cuối cùng được Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét và công nhận, được công bố công khai minh bạch [H06.06.06.10], [H07.07.05.05], [H07.07.05.06], [H06.06.07.17]. Việc ghi nhận các thành tích của GV, NCV một cách chính xác, khách quan và kịp thời đã tạo động lực thúc đẩy cán bộ của Nhà trường phát huy tối đa khả năng của bản thân trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCD. Tất cả cán bộ đều nhất trí với các Quyết định về danh hiệu thi đua khen thưởng từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 [H07.07.05.25], [H07.07.05.26], [H07.07.05.27], [H07.07.05.28], [H06.06.06.11], không có phản ánh, khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường. Điều này được thể hiện thông qua kết quả khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ Nhà trường liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và thi đua khen thưởng năm học [H06.06.06.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng, ban hành và thực hiện các văn bản quy định về chế độ làm việc của GV; hệ thống văn bản về thi đua khen thưởng, phân loại viên chức rõ ràng, định lượng và cụ thể. Kết quả đánh giá dựa trên thành tích đạt được của cá nhân, tạo được sự đồng thuận của cán bộ.

3. Điểm tồn tại

Các chỉ tiêu khen thưởng các cấp bị không chế tỷ lệ theo số lượng cán bộ của đơn vị, điều này dẫn đến chưa phát huy và công nhận đầy đủ nỗ lực phấn đấu của tất cả GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất với Nhà trường không khống chế tỷ lệ khen thưởng các cấp theo số lượng cán bộ của đơn vị.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chính sách về khen thưởng, đãi ngộ cho cán bộ, GV.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

7.1. Có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện.

Với sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; thì NCKH là một hoạt động quan trọng đối với các GV [H04.04.01.01].

Giảng dạy và NCKH là 02 nhiệm vụ trọng tâm phải thực hiện hàng năm đối với mỗi GV của Khoa XHH&CTXH theo quy định liên quan chế độ làm việc ban hành bởi Giám đốc ĐHH [H06.06.07.01]. Để xác định khối lượng, đánh giá công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ, Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành các văn bản quy định số lượng và

loại hình hoạt động mà các GV phải thực hiện ứng với mỗi vị trí công việc khác nhau. Hoạt động NCKH của GV được Nhà trường quy định rõ số giờ chuẩn và loại hình bao gồm: đề án, đề tài NCKH; viết bài báo, báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, phát triển ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ; biên soạn giáo trình, sách tham khảo; hướng dẫn SV NCKH... [H04.04.01.05]. Mỗi GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc của mình trong năm học để thực hiện nhiệm vụ NCKH. GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh, ngạch GV mà mình đang giữ [H06.06.07.02], [H06.06.07.03], [H06.06.07.04], [H06.06.07.05], [H06.06.07.06], [H06.06.07.07].

7.2. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Hàng năm, Khoa XHH&CTXH cùng Nhà trường tổ chức hội nghị viên chức để đánh giá kết quả đạt được và đề ra phương hướng cho năm học tiếp theo [H06.06.07.08], [H01.01.03.09], [H01.01.03.10], [H01.01.03.11], [H06.06.07.09], [H06.06.07.10]. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Đối với những kết quả nghiên cứu được các tạp chí uy tín nhận đăng bài, GV sẽ được nhận thưởng từ Quỹ khuyến khích tài năng của Nhà trường và ĐHH [H06.06.07.11], [H06.06.07.12], [H06.06.07.13], [H06.06.07.14], [H06.06.07.15]. Hoàn thành nhiệm vụ NCKH là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua, phân loại viên chức để từ đó Nhà trường có cơ sở giải quyết các chế độ, chính sách liên quan [H06.06.07.16]. Căn cứ vào bảng kê khai công trình NCKH cùng minh chứng của tất cả cán bộ trong Khoa, trợ lý NCKH sẽ trình phòng chức năng xác nhận và lập bảng thống kê giờ nghỉ vụ, giờ miễn giảm để làm căn cứ cho các cấp xét thi đua, khen thưởng [H06.06.07.17]. Các công trình NCKH của GV được cập nhật công khai, đầy đủ tại website quản lý cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ của ĐHH [H06.06.07.18], [H06.06.07.19].

Trong giai đoạn đánh giá, từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023, cán bộ, GV Khoa XHH&CTXH đã thực hiện được 05 đề tài NCKH cấp Bộ/Tỉnh, 05 đề tài NCKH cấp cơ sở (Trường), 01 dự án hợp tác quốc tế, đăng tải 08 bài báo trên tạp chí

ISI/SCOPUS, 46 bài trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, xuất bản 02 giáo trình và 03 sách chuyên khảo [H06.06.07.20].

Hiện nay, Nhà trường đang chú trọng đến việc xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, theo đó các GV thành lập một nhóm nghiên cứu theo hướng chuyên môn chuyên sâu hoặc liên ngành để tổ chức các hoạt động NCKH và đào tạo để có thể nâng cao chất lượng nghiên cứu, tác động tích cực đến hoạt động đào tạo ở cả GV và NH [H06.06.07.21].

2. Điểm mạnh

Các loại hình NCKH của GV, NCV được Nhà trường quy định cụ thể, rõ ràng. Cán bộ, GV của Khoa XHH&CTXH tham gia thực hiện đa dạng các loại hình NCKH như thực hiện đề tài khoa học các cấp, xuất bản các bài báo khoa học, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo.

3. Điểm tồn tại

Năng lực nghiên cứu của cán bộ, GV trong Khoa chưa đồng đều, nhiều cán bộ trẻ chưa đủ năng lực để có các công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín như ISI và SCOPUS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tập trung phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và bồi dưỡng thêm cho GV trẻ để gia tăng khả năng công bố quốc tế.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	100% GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV là vấn đề mà Nhà trường và Khoa XHH&CTXH chú trọng phát triển để đáp ứng được CTĐT, NCKH và PVCĐ. Tỷ lệ giữa NH/GV hiện nay còn thấp so với quy định, nhưng Nhà trường và Khoa đang thực

hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển đội ngũ GV, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đào tạo hàng năm, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Công tác tuyển dụng luôn minh bạch, các tiêu chí tuyển dụng GV luôn được lựa chọn đáp ứng với CTĐT để bổ nhiệm, điều chuyển GV theo quy định. Năng lực chuyên môn về giảng dạy và NCKH luôn được đánh giá sát sao hằng năm từ phía NH và các cấp quản lý. Khối lượng công việc của GV được quy định chi tiết, định lượng, cụ thể và luôn được giám sát, đánh giá kết quả một cách chính xác, công khai.

Nhà trường và Khoa chú trọng xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ thông qua các chế độ, chính sách, khuyến khích cán bộ, GV nâng cao trình độ chuyên môn, học hàm, học vị của mình, từ đó ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH đáp ứng được công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được thực hiện theo những tiêu chí đã được ban hành trong các Quy định của Nhà trường. Với chính sách khen thưởng hằng năm, Nhà trường đã góp phần tạo động lực cho GV tham gia giảng dạy, NCKH và PVCĐ, phấn đấu đạt được những kết quả cao hơn.

- Điểm mạnh nổi bật: Đội ngũ GV có trình độ và năng lực đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thực hiện quản trị và đánh giá năng lực GV theo kết quả công việc.

- Điểm tồn tại cơ bản: Khoảng trống trong các vị trí giảng dạy do có nhiều cán bộ nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển công tác trong hai năm 2022 và 2023; số lượng SV tuyển sinh vào Khoa hằng năm còn thấp nên chưa có kế hoạch tuyển dụng thêm GV mới; một số cán bộ trẻ trong Khoa chưa có đủ khả năng để tham gia nghiên cứu và công bố quốc tế.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.1				x				4.29	7	100.00
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						

Tiêu chí 6.6					x				
Tiêu chí 6.7					x				

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHKH, ĐHH đã xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV là nhiệm vụ quan trọng vì đội ngũ NV hỗ trợ rất nhiều trong công tác giảng dạy, tra cứu thông tin, tài liệu và các hoạt động hỗ trợ khác trong vận hành bộ máy hoạt động chung của Khoa và Nhà trường. Đội ngũ NV Trường ĐHKH, ĐHH bao gồm NV làm việc tại Trung tâm TT&TV, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và các bộ phận hỗ trợ khác ở các phòng ban chức năng như: Phòng TC&HC, Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng ĐTSĐH, Phòng KHTC&CSVC, Phòng KT&BDCLGD, Phòng KHCN&HTQT. Trong giai đoạn 2020 - 2023, Khoa XHH&CTXH có 01 NV phụ trách công tác văn thư, lưu trữ tại Khoa.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cả về số lượng lẫn chất lượng cho yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKH, ĐHH giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030 [H07.07.01.01], giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2040 [H07.07.01.02] và các kế hoạch về nguồn nhân lực [H07.07.01.03], [H07.07.01.04], [H07.07.01.05]. Trong chiến lược phát triển có đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực như chuẩn hóa, chuyên môn hóa đội ngũ GV, chuyên viên các phòng ban và khoa chuyên môn theo vị trí công việc, đảm bảo sự tương thích về số lượng và chất lượng đội ngũ theo quy định hiện hành. Nhà trường cũng ban hành các đề án vị trí việc làm giai đoạn 2019 - 2021 [H07.07.05.09], giai đoạn 2022 - 2026 [H07.07.05.10], trong đó xác định các vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của tất cả các đơn vị trong Nhà trường.

Khoa XHH&CTXH giai đoạn 2018 - 2023 có 01 NV phụ trách công tác văn thư lưu trữ, làm việc thường xuyên tại Khoa [H07.07.01.06]. Về CSVC tại Khoa, đội ngũ GV kiêm nhiệm chịu trách nhiệm quản lý CSVC của Khoa, tập hợp ý kiến của các bộ môn để lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và NCKH; phối hợp với Tổ CSVC của Nhà trường để thanh lý các thiết bị, đồ dùng không còn sử dụng; phối hợp với Phòng ĐTDH&CTSV để kiểm tra, theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng thực hành. Nhân viên phụ trách công tác văn thư lưu trữ tại Khoa chịu trách nhiệm quản lý công văn đi và đến tại Khoa thông qua đường công văn trực tiếp và trang quản lý điều hành của ĐHH; trực tiếp xử lý công văn trình Ban chủ nhiệm Khoa xem xét, giải quyết; theo dõi tiến trình thực hiện và nhắc nhở cán bộ có liên quan xử lý công việc chưa hoàn thành; hỗ trợ cán bộ, GV trong việc tìm kiếm, tra cứu công văn, giấy tờ khi có yêu cầu; phối hợp với các trợ lý khác trong công tác hoạt động chung của Khoa về đào tạo, quản lý SV, NCKH... Soạn thảo các văn bản theo yêu cầu. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Khoa và Nhà trường phân công.

1.2. Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Nhà trường đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng cũng như đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng trong quy định về tuyển dụng viên chức trong ĐHH [H06.06.03.01], và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H07.07.01.07], [H07.07.01.08], [H07.07.04.09]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực và khối lượng công việc đảm trách và tình hình nhân sự hiện tại, các đơn vị đề xuất, Nhà trường phê duyệt chỉ tiêu, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hằng năm [H07.07.02.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng đề án việc làm, các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định [H07.07.01.10], [H07.07.03.01], [H07.07.02.01], [H06.06.04.04] và các chính sách phát triển đội ngũ NV [H07.07.01.11], [H06.06.03.01], [H07.07.01.12].

Bên cạnh đó, Khoa XHH&CTXH cũng có các GV trẻ kiêm nhiệm các công tác trợ lý như: (1) Trợ lý TC&NCKH [H08.08.04.33], (2) Trợ lý Đào tạo đại học, (3) Trợ lý Đào tạo sau đại học, (4) Trợ lý CTSV&BĐCLGD [H08.08.03.09], (5) Bí thư Liên chi đoàn. Các trợ lý của Khoa đều có học vị từ ThS trở lên, trong đó, trợ lý Đào tạo sau đại học là GV đang theo học chương trình NCS. Mỗi một trợ lý của Khoa có trách nhiệm phối hợp với các Trưởng Bộ môn đề ra kế hoạch hoạt động trong lĩnh vực mà mình phụ

trách, từ đó lập kế hoạch hoạt động chi tiết trong năm học để tham mưu, tư vấn cho Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng kế hoạch hoạt động của Khoa từng năm học. Chủ động phối hợp với Ban Chủ nhiệm Khoa và các Trưởng bộ môn để giải quyết các công văn, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhìn chung, đội ngũ NV của Khoa đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về chức danh nghề nghiệp và vị trí làm việc của mình. Đội ngũ NV thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình và hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động của Khoa.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành và quy định chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H07.07.01.13], [H07.07.01.08], [H07.07.04.09].

1.3. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Nhà trường đã tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn theo từng nhiệm kỳ dựa trên phân tích nhu cầu về đội ngũ [H07.07.01.14], [H07.07.01.15], [H06.06.05.04]. Công tác quy hoạch này dựa trên phân tích tình hình về phát triển quy mô NH, yêu cầu cải cách hành chính, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ NV.

1.4. Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, đội ngũ NV hỗ trợ từ các phòng ban có 31/82 có trình độ ThS, Khoa XHH&CTXH có 01 NV trình độ cử nhân làm công tác hành chính [H07.07.01.16]. Đội ngũ NV hỗ trợ đang làm việc tại các phòng ban chức năng của Trường ĐHKH, ĐHH được đánh giá là đáp ứng tốt cho việc hỗ trợ các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H09.09.04.24], [H01.01.02.06], [H07.07.01.17], [H07.07.01.18], [H07.07.01.19], [H07.07.01.20], [H07.07.01.21]. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của BLQ về thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban cho thấy, BLQ đánh giá từ 82-92% hài lòng [H09.09.04.24].

Nhìn chung trong 05 năm qua, đội ngũ NV của Khoa XHH&CTXH nói riêng của Nhà trường nói chung luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các

hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. 100% NV của Khoa đều được đánh giá từ hoàn thành tốt công việc được phân công trở lên (thông qua việc phân loại viên chức và thi đua khen thưởng hằng năm).

2. Điểm mạnh

Trường có quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân sự của Khoa hiện nay không nhiều trong khi khối lượng công việc lại lớn, (1) hoạt động kiêm nhiệm trợ lý khiến các GV trẻ không có nhiều thời gian cho NCKH, phát triển chuyên môn. (2) Hỗ trợ thấp, khiến nhiều GV trẻ không có động lực làm việc; ngoài ra (3) kỹ năng xử lý công văn, giấy tờ còn thiếu chuyên nghiệp do không được tập huấn bài bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ xử lý công văn cho đội ngũ trợ lý, NV.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, lập kế hoạch và tuyển dụng, bổ sung, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu thực hiện CTĐT	Phòng TC&HC	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.

Các tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển và phân công công việc cho đội ngũ NV được xác định rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai trong Nghị định Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H07.07.03.01] và Quy định về tuyển dụng viên chức trong ĐHH [H06.06.03.01]. Để thu hút được cán bộ,

NV có năng lực, hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã có kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện theo Quy định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, luân chuyển và chế độ phụ cấp chức vụ đối với viên chức quản lý tại ĐHH [H07.07.02.01], [H07.07.02.02].

2.2. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc đối với NV hỗ trợ của Trường được tuân theo các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ NV được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành đào tạo phù hợp với từng vị trí việc làm [H07.07.02.03]. Các tiêu chí này được thiết lập dựa trên góp ý của các BLQ thông qua báo cáo và đăng ký nhu cầu nhân lực từ các đơn vị [H07.07.02.04]. Các thông tin tuyển dụng luôn được phổ biến đến toàn thể cán bộ, GV, NV, đăng tải trên website của Trường và được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng trước khi tuyển dụng [H07.07.02.03], [H07.07.02.05].

Bên cạnh các tiêu chí tuyển dụng được đánh giá trực quan qua bằng cấp của ứng cử viên, thì các ứng viên còn được xem xét các năng lực khác như: chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, năng lực về CNTT, ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm công tác được thể hiện rõ trong thông báo tuyển dụng [H06.06.03.05], [H06.06.03.06]. Hồ sơ tuyển dụng của các ứng viên được tiếp nhận bởi Phòng TC&HC, trên cơ sở đó đề nghị Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng để xem xét hồ sơ và tổ chức thi tuyển [H07.07.02.06], [H07.07.02.07].

Sau khi được tuyển chọn, các ứng viên trải qua thời gian tập sự tại vị trí tuyển dụng dưới sự giám sát của người hướng dẫn để đánh giá khả năng và sự phù hợp với công việc được giao. Kết quả tập sự sẽ là căn cứ để bổ nhiệm vào vị trí NV chính thức.

2.3. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV, được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như website của Trường, của

Khoa, thông báo trên Đài phát thanh truyền hình Thừa Thiên Huế, đăng tin trên Báo Thừa Thiên Huế [H07.07.02.03], [H07.07.02.08], [H07.07.02.09], [H07.07.02.05], [H06.06.03.06], [H07.07.02.10], [H07.07.02.11].

Hàng năm, dựa trên cơ sở khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ, Nhà trường đều tiến hành rà soát, quy hoạch đội ngũ NV theo nhu cầu thực tế của các Khoa, phòng ban chức năng. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã có những hoạt động bổ nhiệm, điều chuyển, chuyển ngạch, nâng ngạch... NV từ các vị trí khác có đủ điều kiện để bổ sung cho các đơn vị có nhu cầu: Các chế độ phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng Chi tiêu nội bộ đã ban hành; Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định [H07.07.02.02].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ NV được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng về đạo đức, năng lực chuyên môn, độ tuổi và chuyên ngành đào tạo phù hợp với từng vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các NV được tuyển dụng đều có trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Khoa XHH&CTXH có 01 NV văn thư, còn tất cả vai trò trợ lý khác đều là do GV trẻ kiêm nhiệm khiến chất lượng công việc không thực sự được đảm bảo, tốn nhiều thời gian, hạn chế trong phát triển chuyên môn khoa học và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất bổ sung NV cho Khoa XHH&CTXH hoặc hạn chế tối đa sự kiêm nhiệm trong GV.	Phòng TC&HC	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng để duy trì và phát triển đội ngũ NV có chất lượng cao.	Phòng TC&HC	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ NV của Nhà trường đã và đang được tuyển dụng theo đúng quy định chung của ĐHH và Nhà trường với những tiêu chí rõ ràng [H07.07.03.01], [H06.06.03.01]. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm... Theo đó, Nhà trường ban hành các quy định cụ thể về năng lực của đội ngũ NV trong Đề án vị trí việc làm [H07.07.05.10], [H07.07.05.09], [H07.07.03.02].

Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá phân loại đối với đơn vị, viên chức và người lao động thuộc Trường ĐHKH, ĐHH [H07.07.05.01], [H07.07.05.02]. Trong đó có các tiêu chí chung như: Chính trị tư tưởng; Đạo đức lối sống, Tác phong, lễ lối làm việc; Ý thức tổ chức kỷ luật; Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời có các tiêu chí cụ thể cho xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ công việc được giao cho NV được chia thành nhiệm vụ chuyên môn (Nhiệm vụ 1) và nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, tham gia các hoạt động do Trường, khoa và các nhiệm vụ khác (Nhiệm vụ 2).

3.2. Thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để đánh giá được năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Nhà trường quy định [H07.07.05.01], [H07.07.05.02] và được hướng dẫn cụ thể hằng năm [H07.07.03.03], [H07.07.03.04], [H07.07.03.05], [H07.07.05.03]. Theo yêu cầu của công việc và những quy định về đánh giá và phân loại, mỗi cán bộ NV của Khoa và các phòng ban chức năng đều thực hiện đăng ký kế hoạch thi đua hằng năm tại Hội nghị CBVC của đơn vị. Khoa XHH&CTXH nói riêng và các đơn vị khác nói chung đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV theo quy định thông qua đánh giá và phân loại viên chức vào cuối mỗi năm học, qua đó xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp

vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đội ngũ NV được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, những mặt mạnh, những mặt chưa đạt. Giai đoạn 2018 - 2023, NV của Khoa XHH&CTXH hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đánh giá phân loại viên chức, Khoa và Nhà trường thực hiện công tác đánh giá, bình xét và xếp loại thi đua khen thưởng [H06.06.04.01], [H06.06.04.01].

Thông qua công tác đánh giá, phân loại viên chức hàng năm, các cuộc kiểm tra định kỳ và các cuộc khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các NV hỗ trợ thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H08.08.05.14]. Bên cạnh đó, sự hài lòng của các bên liên quan về đội ngũ NV cũng được đánh giá dựa trên khảo sát ý kiến của GV, chuyên viên và NH về thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban. Kết quả, 82-92% BLQ hài lòng về chất lượng phục vụ của đội ngũ NV [H08.08.05.14].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ NV được xác định và đánh giá rõ ràng theo đúng trình tự và quy định để đảm bảo tính chính xác, khách quan.

3. Điểm tồn tại

Khoa XHH&CTXH chỉ có 01 NV Văn thư nên các hoạt động khác GV trẻ phải kiêm nhiệm, cách tổ chức công việc này khiến GV trẻ tốn nhiều thời gian và sức lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất thay đổi cách tổ chức công việc, hạn chế tối đa việc kiêm nhiệm mà hướng tới chuyên môn hóa	Phòng TC&HC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ NV nhằm tăng hiệu suất công việc một cách toàn diện	Phòng TC&HC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn theo yêu cầu công tác và nhu cầu đào tạo của đội ngũ NV, Nhà trường tổ chức họp, phân tích yêu cầu công việc, từ đó ra quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân, phù hợp với quy định của ĐHH [H07.07.04.01], [H07.07.04.02], [H07.07.04.03], [H07.07.04.04], [H07.07.04.05]...

4.2. Có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Hàng năm, Khoa XHH&CTXH phổ biến cho NV của Khoa về những kế hoạch của Nhà trường và tổng hợp đề xuất nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV của Khoa và gửi về Nhà trường. Sau khi tổng hợp nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị, Nhà trường sẽ ra thông báo về thời gian và nội dung đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV [H07.07.04.06], [H07.07.04.07], [H07.07.04.08]. Các đơn vị, trong đó có Khoa XHH&CTXH sẽ gửi danh sách đăng ký tham dự tập huấn cho Nhà trường thông qua Phòng TC&HC. Tiếp theo đó, Nhà trường sẽ ra quyết định cử NV đi bồi dưỡng. Trong quá trình tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, NV chủ động sắp xếp thời gian để vừa học tập vừa hoàn thành công việc chuyên môn, đồng thời được hưởng 100% tiền lương và các khoản phụ cấp khác nếu có [H07.07.04.09].

Các kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn công tác nghiệp vụ cho đội ngũ NV được triển khai theo đúng tiến độ, đáp ứng được nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ NV.

4.3. Triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Tất cả NV trong Trường đều có cơ hội tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học cao học và đánh giá cao kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ này [H07.07.04.10], [H07.07.04.11]. Ngân sách hỗ trợ cho việc đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, học vị của NV được thực hiện theo quy định về chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H07.07.04.09].

Giai đoạn 2019-2023, toàn Trường có 04 NV được cử đi học ThS, 20 NV được cử đi học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ và nhiều NV được tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ của Trường, ĐHH, các trung tâm KĐCLGD và Bộ GD&ĐT [H07.07.04.12], [H07.07.04.13], [H07.07.04.05], [H07.07.04.14], [H07.07.04.15].

Kết quả khảo sát cho thấy trên 88% cán bộ, GV và NV toàn Trường hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H06.06.06.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV. Trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian cho NV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, Nhà trường chưa hỗ trợ học phí cho NV học cao học hoặc NCS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất nhà Trường hỗ trợ học phí cho NV theo học cao học hoặc nghiên cứu sinh.	Phòng KHTC&CSVC	Từ năm học 2025-2026
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện để NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Phòng TC&HC	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cũng như các hướng dẫn về đánh giá, thi đua, khen thưởng và công nhận thành tích của đội ngũ NV phù hợp với quy định chung của ĐHH [H07.07.05.01], [H07.07.05.02], [H07.07.05.03], [H06.06.04.02], [H07.07.05.04], [H07.07.05.05], [H07.07.05.06], [H07.07.05.07]. Những văn bản này được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng quy định chung của cấp trên, sự góp ý của tất cả cán bộ, GV, NV các đơn vị trong toàn Trường [H07.07.05.08]. Bên cạnh đó, khối lượng công việc cụ thể của NV được thể hiện ở Đề án mô tả vị trí việc làm Trường giai đoạn 2019 - 2021 [H07.07.05.09] và giai đoạn 2022 -2026 [H07.07.05.10].

5.2. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Việc giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV của Trường ĐHKH, ĐHH được thực hiện nghiêm túc thông qua sự đánh giá của Trưởng Khoa và Nhà trường. Hàng năm, Khoa XHH&CTXH tiến hành tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ NV đang quản lý theo quy định và tiến hành bình xét thi đua, khen thưởng theo các tiêu chí và quy trình do Trường ĐHKH, ĐHH quy định [H07.07.05.11], [H07.07.05.12]. Kết quả đánh giá NV giai đoạn 2018 - 2022 cho thấy 100% NV của Trường được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỉ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng từ 9,3% đến 19,3%. Kết quả xếp loại NV của Khoa XHH&CTXH từ 2020 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

5.3. Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Theo các quy định của cấp trên và Nhà trường về quy định khối lượng cụ thể cho từng vị trí việc làm, Trưởng các đơn vị phân công nhiệm vụ cho NV thuộc đơn vị mình quản lý và xây dựng các kế hoạch công tác hằng năm [H07.07.05.13], [H07.07.05.14], [H07.07.05.15], [H07.07.05.16], [H07.07.05.17], [H07.07.05.18], [H07.07.05.19], [H08.08.05.06], [H07.07.05.20], [H07.07.05.21]. Căn cứ vào phân công nhiệm vụ và kế

hoạch công tác hằng năm, NV cụ thể hóa tiến độ, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt công việc được giao.

5.4. Tất cả nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

Theo kết quả đánh giá, phân loại hàng năm của Trường, đội ngũ NV của Nhà trường nói chung và của Khoa XHH&CTXH nói riêng đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Nhiều cán bộ trong Khoa được khen thưởng với các hình thức khác nhau như Giấy khen của Hiệu trưởng, Giấy khen của Giám đốc ĐHH, Giấy khen của Ban chấp hành Công đoàn Trường, Giấy khen của Ban chấp hành công đoàn ĐHH [H07.07.05.22], [H07.07.05.23], [H07.07.05.24], [H07.07.05.25], [H07.07.05.26], [H07.07.05.27], [H07.07.05.28]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã căn cứ vào kết quả đánh giá của mỗi cán bộ để chi trả tiền thu nhập tăng thêm cho đội ngũ NV vào dịp Tết nguyên đán, theo quy định về chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H07.07.04.09].

5.5. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Kết quả đánh giá xếp loại và khen thưởng được công bố cho toàn Khoa và cho đến nay Khoa chưa nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào về việc không đồng ý với kết quả đánh giá phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Những NV hoàn thành tốt và xuất sắc công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen, Bằng khen các cấp [H07.07.05.25], [H07.07.05.26], [H07.07.05.27], [H07.07.05.28], [H07.07.05.29], [H07.07.05.30], [H07.07.05.31]. Theo đó, đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỉ lệ NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến giai đoạn 2018 - 2022 trong khoảng từ 90% đến 100%, trong đó số lượng đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở trong khoảng từ 5% đến 8,3%. Ngoài ra, Nhà trường còn ghi nhận và có những khen thưởng, động viên kịp thời đối với các cán bộ NV có thành tích xuất sắc trong những dịp đặc biệt [H07.07.05.32], [H07.07.05.33]. Trên cơ sở những tiêu chí đánh giá cụ thể, quy trình bình xét công khai, khách quan đã tạo cơ sở và nguồn động lực quan trọng để đội ngũ NV tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NV toàn Trường về công tác thi đua khen thưởng của Nhà trường đạt 92% [H06.06.06.12], NV Khoa XHH&CTXH có mức độ hài lòng đạt 100% [H07.07.05.34].

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý, đánh giá, xếp loại và khen thưởng cho đội ngũ NV được quy định rõ ràng theo hiệu quả công việc và được thực hiện công khai giúp cho cán bộ có động cơ để phát triển chuyên môn và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Xét tổng thể, Khoa XHH&CTXH là một khoa có số lượng SV và HVCH tương đối lớn, vì vậy khối lượng công việc cần xử lý thường rất nhiều, trong khi đó Nhà trường chưa có một chính sách phụ cấp thích đáng cho đội ngũ này

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện chính sách, chế độ khen thưởng phù hợp đối với những vị trí công việc, đơn vị đặc thù.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì chính sách quản trị nguồn nhân lực, duy trì thực hiện công tác đánh giá NV theo hiệu quả công việc.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Công tác quy hoạch đội ngũ NV, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Trường ĐHKH, ĐHH được thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch với những tiêu chí rõ ràng vì vậy đảm bảo về số lượng NV, năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Công tác giám sát và đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ NV được tiến hành định kỳ, theo hiệu quả công việc, các tiêu chí đánh giá được lượng hóa. Có chính sách bồi dưỡng, tập huấn NV thường xuyên; tạo điều kiện để tất cả NV có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý, đánh giá, xếp loại và khen thưởng cho đội ngũ NV được quy định rõ ràng theo hiệu quả công việc và được thực hiện công khai giúp cho cán bộ có động cơ để phát triển chuyên môn và PVCD.

- Điểm mạnh nổi bật: Đội ngũ NV hỗ trợ tốt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; quản trị và đánh giá năng lực nhân viên theo hiệu quả công việc.

- Điểm tồn tại cơ bản: Khối lượng công việc cần xử lý của NV và GV kiêm nhiệm nhiều nhưng lại chưa có một chính sách phụ cấp thích đáng cho đội ngũ này; Cách tổ chức công việc dạng kiêm nhiệm khiến GV trẻ không còn nhiều thời gian dành cho học tập chuyên môn, giảng dạy và nhất là cho hoạt động NCKH.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 7.1				x				4.00	5	100.00
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

NH là trung tâm của nhiệm vụ đào tạo. Do đó, các hoạt động trong môi trường đại học phải nhằm mục đích hỗ trợ tối đa phát triển chất lượng cũng như năng lực bản thân NH. Chất lượng đầu vào là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến quá trình giảng dạy và chất lượng đầu ra. Vì vậy, để tuyển chọn được NH có năng lực phù hợp, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH đã xây dựng cho ngành CTXH chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai. Đồng thời, nhằm giúp NH chủ động tham gia quá trình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và phát triển trung tâm hỗ trợ SV, thành lập các CLB với các hoạt động nhằm phát triển toàn diện bản thân SV, hằng năm đều tổ chức họp hội nghị đối thoại giữa SV và Trường.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng NH cũng như các hoạt động hỗ trợ NH, Khoa XHH&CTXH và Nhà trường đã xây dựng hệ thống giám sát đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện

việc học tập và khả năng có việc làm của NH. Bên cạnh đó, Trường và Khoa đã xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cho tất cả các ngành đào tạo, trong đó có ngành CTXH. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của ngành CTXH nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT tại các văn bản quy định về Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT [H08.08.01.01], [H08.08.01.02], [H06.06.02.01], [H08.08.01.03], [H08.08.01.04], [H08.08.01.05] và ĐHH [H08.08.01.06], [H08.08.01.07], [H08.08.01.08], [H08.08.01.09].

Các chính sách và quy định về tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của ngành CTXH nói riêng được công bố rõ ràng, chi tiết và đúng theo các quy định hiện hành, đồng thời, được thường xuyên cập nhật thông qua đề án tuyển sinh hàng năm của Trường để đảm bảo tính hợp lý và mang đến hiệu quả tốt nhất cho công tác tuyển sinh [H08.08.02.01], [H08.08.02.02], [H08.08.02.03], [H08.08.01.10].

1.2. Công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...).

Hàng năm, các thông tin về tuyển sinh ngành CTXH bao gồm phương thức tuyển sinh, khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định công nhận danh sách SV trúng tuyển được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh [H08.08.01.11], fanpage của Nhà trường [H08.08.01.12], fanpage Khoa XHH&CTXH [H08.08.01.13], các chương trình tư vấn trực tuyến tuyển sinh và hướng nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng khác [H08.08.01.14], [H08.08.01.15], [H08.08.01.16], [H08.08.01.17], [H08.08.01.18], [H08.08.01.19].

1.3. Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Hằng năm, trên cơ sở tham khảo chính sách, chủ trương của Nhà nước, của địa phương và nhà tuyển dụng, ngành CTXH đã phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực đào tạo ngành để đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội [H08.08.01.20]. Chính sách tuyển sinh của chuyên ngành CTXH được cập nhật và thực hiện theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, có lấy ý kiến các BLQ và đồng thời dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội trên các kênh thông tin như báo chí và các đơn vị ban ngành. Chính sách tuyển sinh được cập nhật phù hợp theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của địa phương [H08.08.01.21].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin tuyển sinh dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Thông tin về nhu cầu nhân lực của xã hội phục vụ cho việc xây dựng đề án tuyển sinh chỉ dựa trên nguồn thứ cấp từ các kênh như báo chí và các đơn vị ban ngành. Vì vậy những thông tin này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ cho việc phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần thực hiện khảo sát và đồng thời thu thập dữ liệu thứ cấp về nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội thường xuyên, làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường, của Khoa. Thực hiện tuyển sinh	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Đào tạo đội ngũ tư vấn viên là những cán bộ, GV nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu ngành đào tạo để thuyết phục thí sinh và phụ huynh		

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH rõ ràng.

Quá trình tuyển sinh, tuyển chọn NH vào ngành CTXH được xác định theo các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn rõ ràng, đúng quy định, được thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh và được cập nhật hàng năm của Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.02.01], [H08.08.02.02], [H08.08.02.03], [H08.08.01.10].

Từ năm 2019 đến nay, song song với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, ngành CTXH còn xét tuyển thêm phương thức dựa vào điểm học bạ THPT ở các tổ hợp C00; D01; D14, C19. Kỳ tuyển sinh gần nhất, năm 2023, điều kiện xét tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (chưa nhân hệ số) phải $\geq 15,5$. Điều kiện xét tuyển theo hình thức học bạ trong đề án tuyển sinh là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển phải $\geq 18,0$ [H08.08.01.11], [H08.08.01.13].

2.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hằng năm.

Để phù hợp với chính sách tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế, hàng năm, Nhà trường đều rà soát, đánh giá kết quả tuyển sinh để xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH phù hợp. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường nói chung và ngành CTXH nói riêng đều tổ chức họp tổng kết về công tác tuyển sinh. Những nội dung được đề cập thảo luận gồm: hoạt động tuyên truyền tuyển sinh, kết quả tuyển sinh của các ngành đào tạo, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp tuyển

sinh, chính sách học bổng và các vấn đề liên quan khác. Đây là kênh thông tin hữu ích để Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh cho những năm tiếp theo [H08.08.02.04], [H08.08.02.05]. Để có cơ sở lập kế hoạch và triển khai công tác tư vấn, tuyển truyền tuyển sinh có hiệu quả, Nhà trường đã tiến hành đề tài cấp cơ sở “Nghiên cứu đề xuất các phương thức tuyển truyền tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh tại Trường ĐHKH, ĐHH” [H08.08.02.06].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Nhà trường xác định rõ ràng và áp dụng mọi cách phù hợp trong lĩnh vực đào tạo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và cũng đảm bảo để tuyển sinh đủ số lượng NH cho ngành CTXH.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH hằng năm chưa được thực hiện lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội và các BLQ (NH, nhà tuyển dụng).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần thu thập thông tin từ các BLQ để có cơ sở xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH tốt hơn.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng và phù hợp với ngành đào tạo.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.03.01], [H08.08.03.02], [H06.06.07.01], Quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐTDH&CTSV [H08.08.03.03], [H08.08.03.04]. Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường nói chung và ngành CTXH nói riêng thường xuyên theo dõi và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như KQHT, khối lượng học tập của NH. Nhà trường đã phân công Phòng ĐTDH&CTSV có nhiệm vụ cử cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV. Hệ thống giám sát của trường được thực hiện thông qua Trang thông tin đào tạo đại học dưới sự quản lý, giám sát của Phòng ĐTDH&CTSV, tất cả thông tin của NH về học tập và rèn luyện đều dễ dàng theo dõi trên Trang thông tin đào tạo đại học [H08.08.03.05]. Hệ thống giám sát của khoa được thực hiện thông qua Trợ lý Đào tạo đại học, CVHT, Trợ lý CTSV&ĐBCLGD [H08.08.03.06], [H08.08.03.07], [H08.08.03.08], [H08.08.03.09]. Ngoài ra, hệ thống giám sát còn được thực hiện bởi Tổ Thanh tra - Pháp chế thuộc Phòng TC&HC với chức năng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định của NH; Phòng KHCN&HTQT có chức năng quản lý và giám sát hoạt động NCKH của NH.

3.2. Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Việc giám sát, đánh giá NH được thực hiện dựa trên Quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKH, ĐHH và các quy định điều chỉnh, bổ sung Quy chế học vụ [H08.08.03.10], [H08.08.03.11], [H08.08.03.12]. Trong Quy chế học vụ (Điều 20: Cảnh báo KQHT, buộc thôi học) có quy định rõ điều kiện SV bị cảnh báo học tập nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu tiên và đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo và các quy định về lý do bị buộc thôi học như bị cảnh báo kết quả học tập 3 lần liên tiếp, đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ. Điều này giúp SV biết để lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm cải thiện KQHT của bản thân, cũng như tránh các trường hợp dễ bị buộc thôi học. Quy chế này hỗ trợ cho hệ thống trợ lý của ngành thực hiện tốt việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH [H08.08.03.13], [H04.04.01.07], [H04.04.01.08], [H04.04.01.09], [H05.05.02.03], [H05.05.02.04].

CVHT của khoa luôn theo dõi sát sao tình hình học tập và rèn luyện của SV, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, qua đó, động viên, nhắc nhở SV chú ý đến đồng thời cả việc học tập lẫn rèn luyện. Trên cơ sở KQHT của NH, Phòng ĐTĐH&CTSV đã tiến hành lập danh sách cảnh báo học vụ theo từng kỳ học và thông báo cho NH biết tình trạng học tập để từ đó có các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện KQHT. Ngoài KQHT, Nhà trường còn đánh giá SV ở khía cạnh rèn luyện đạo đức và tham gia các hoạt động thông qua bảng đánh giá điểm rèn luyện hàng năm [H08.08.03.14], [H08.08.03.13], [H08.08.03.15].

3.3. Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Mỗi SV Trường ĐHKH, ĐHH nói chung và SV ngành CTXH nói riêng đều có 1 tài khoản trên Trang thông tin đào tạo đại học [H08.08.03.16]. Qua đó giúp NH theo dõi được các thông báo liên quan đến công tác đào tạo, đăng ký học tập, theo dõi thời khóa biểu, cập nhật được KQHT. Hệ thống này được sử dụng tại các phòng chức năng và Khoa đã giúp cho việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ trong công tác đào tạo và đánh giá học tập được thông suốt và thuận lợi [H08.08.03.05], [H08.08.03.17], [H08.08.03.18]. Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Phòng ĐTĐH&CTSV cung cấp cho Khoa bảng thống kê KQHT của SV theo từng khóa/ngành, trong đó thể hiện rõ số tín chỉ mỗi SV đã đăng ký học, số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình tích lũy. Thông qua đó, giúp Khoa nắm được tình hình học tập của từng SV.

Ngoài việc theo dõi và đánh giá KQHT của NH, công tác đánh giá rèn luyện cũng được Nhà trường phối hợp với Khoa và đội ngũ CVHT thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ. Nhà trường đã ban hành Quy định và tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện cho SV [H08.08.03.14]. Căn cứ vào đó, đội ngũ CVHT cùng ban cán sự lớp tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV. Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của SV trong mỗi học kỳ cũng là nhân tố giúp Khoa và Trường nắm bắt được tình hình của NH [H08.08.03.19]. Qua đó, kịp thời tư vấn và đưa ra các biện pháp hỗ trợ NH trong quá trình học tập.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH nói chung và Khoa XHH&CTXH nói riêng đã xây dựng hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH phù hợp bằng nhiều hình thức khác nhau: có bộ phận/cán bộ chuyên trách được

phân công giám sát; có quy trình/quy định về việc giám sát; có CSDL (công cụ) theo dõi.

3. Điểm tồn tại

Công tác cảnh báo học tập chưa được thực hiện quyết liệt và triệt để. Trợ lý CVHT chưa thực sự sát sao trong việc theo dõi quá trình học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, kịp thời đưa ra cảnh báo đối với những SV chậm tiến bộ, thôi học. CVHT cần theo dõi sát hơn nữa việc học tập của SV bằng việc định kỳ tổ chức họp lớp, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV, đồng thời đưa ra các giải pháp để khắc phục những điểm tồn tại, can thiệp kịp thời giúp cải thiện KQHT của SV ngành CTXH.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và hoàn thiện hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV, giúp SV nắm bắt kết quả và khối lượng học tập của bản thân để có kế hoạch cải tiến.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Nhà trường đã xác định nhiệm vụ của Phòng ĐTDH&CTSV chủ trì cùng với các khoa, cụ thể là CVHT các lớp SV, đồng thời ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của CVHT [H08.08.04.01], [H08.08.03.06], [H08.08.03.07]. Theo đó, mỗi lớp sẽ có 01 CVHT hỗ trợ và tư vấn học tập cho SV, có nhiệm vụ tổ chức hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH; phối hợp với các đơn vị liên quan, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong quản lý, xét và đánh giá lưu trữ kết quả rèn luyện của SV. Nhà trường xác định việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập tại Trường không chỉ để nâng cao KQHT mà cần rèn luyện tốt, tham gia NCKH và có các kỹ năng mềm để có nhiều khả năng tìm được việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, vì vậy, ngoài việc hỗ trợ SV trong hoạt động học tập trên lớp cần hướng dẫn SV tham gia NCKH, rèn luyện kỹ năng mềm và tham gia các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện bản thân [H08.08.03.01], [H08.08.03.02], [H08.08.04.02], [H08.08.03.06], [H08.08.03.07].

Bên cạnh KQHT, SV còn được đánh giá kết quả rèn luyện. Theo đó, CVHT thông qua quá trình phụ trách lớp đánh giá một cách khách quan điểm rèn luyện cho từng SV. Qua đó, giúp cho các SV thi đua với nhau để cùng nhau cố gắng trong các hoạt động [H08.08.04.01].

Ngoài các hoạt động học tập, SV ngành CTXH được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức [H08.08.04.03], [H08.08.04.04], [H04.04.03.06], [H08.08.04.05]. Các hoạt động này tạo cho SV có thêm môi trường sinh hoạt tích cực và bổ ích, rèn luyện kỹ năng sống. Qua đó, giúp cho NH có thêm các sân chơi hướng đến cộng đồng và xã hội.

4.2. Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Hàng năm, Phòng ĐTDH&CTSV hợp tác với một số công ty có nhu cầu nhân sự cùng tổ chức ngày hội việc làm, mời các tổ chức kinh tế, giới thiệu với SV những vị trí, cơ hội việc làm [H08.08.04.06], [H08.08.04.07]. Nhằm kết nối tốt hơn với thị trường lao động cho SV sau khi ra trường, Nhà trường thành lập Tổ quan hệ doanh nghiệp và khởi nghiệp SV với trách nhiệm giáo dục khởi nghiệp và việc làm cho NH [H08.08.04.08]. Cùng với đó, Nhà trường tổ chức các chương trình giới thiệu, tư vấn định hướng nghề nghiệp, việc làm và khởi nghiệp, học tập sau đại học cho SV [H08.08.04.09], [H08.08.04.10], [H08.08.04.11], [H08.08.04.12]. Đồng thời, CVHT

cũng có trách nhiệm tư vấn việc làm theo ngành nghề được đào tạo cho NH mình phụ trách cố vấn [H08.08.04.02].

4.3. Có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cho NH. Nhằm hướng dẫn và cố vấn SV trong suốt quá trình học tập, Nhà trường phân công các CVHT cho các lớp SV [H08.08.03.06], [H08.08.03.07]. CVHT đóng vai trò rất quan trọng trong việc tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ SV về học tập, rèn luyện, NCKH, chế độ miễn giảm học phí, CTĐT, cách thức đăng ký học phân hoặc hủy học phân đã đăng ký, giúp SV các năm cuối lựa chọn nơi thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp [H08.08.04.01].

Liên quan đến việc lên kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, Nhà trường đã tổ chức hoạt động tiếp nhận tân SV trong tuần đầu tiên khi SV nhập học [H08.08.04.13], [H08.08.04.14], [H08.08.04.15], [H08.08.04.16]. Tiếp đó, Phòng ĐTDH&CTSV phối hợp cùng với Khoa và các đơn vị liên quan tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, SV, nhằm cung cấp cho tân SV các thông tin về qui định, qui chế đào tạo, các chính sách, dịch vụ hỗ trợ và các hướng dẫn cần thiết để SV sớm thích ứng với môi trường mới [H08.08.04.17], [H08.08.04.18], [H08.08.04.19], [H08.08.04.20]. Mỗi SV sẽ được cấp 01 tài khoản để truy cập vào hệ thống quản lý đào tạo, thông qua đó SV có thể nhận được các thông tin liên quan đến công tác đào tạo, tự quản lý các thông tin cá nhân, tra cứu CTĐT, đăng ký học phân, theo dõi kết quả quá trình học tập [H08.08.04.21].

Bên cạnh đó, SV được tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của Nhà trường phụ trách, sinh hoạt tại các CLB để trải nghiệm, rèn luyện các kỹ năng mềm [H08.08.04.04], [H08.08.04.22]. Để thực hiện các hoạt động trên, Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã huy động toàn bộ nguồn lực gồm cán bộ, GV trong khoa; nhân viên các phòng ban, các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tham gia vào công tác hỗ trợ. Các hoạt động được thực hiện gồm: tư vấn học tập và NCKH; thực tập doanh nghiệp; khởi nghiệp, các buổi tập huấn, các cuộc thi học thuật, sinh hoạt CLB, ngày hội tuyển dụng và tư vấn việc làm... [H08.08.04.23], [H08.08.04.24], [H08.08.04.25], [H11.11.03.07].

Chính sách miễn giảm học phí được Nhà trường quy định và thực hiện nghiêm túc, công bằng cho các đối tượng SV nhằm hỗ trợ các SV có hoàn cảnh khó khăn trong quá trình học tập [H08.08.04.26], [H08.08.04.27]. Bên cạnh đó, việc khuyến khích học tập cũng được sự quan tâm của Nhà trường thông qua các hình thức cấp học bổng khác nhau như: học bổng khuyến khích học tập, học bổng từ các doanh nghiệp, từ các quỹ học bổng của các tổ chức, cá nhân và từ quỹ của Khoa [H08.08.04.27], [H08.08.04.28], [H08.08.04.29], [H08.08.04.30].

4.4. Có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm, ...).

Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn chọn đề tài và hỗ trợ tìm cơ sở thực tập [H04.04.02.06]. Trong hoạt động NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV đăng ký đề tài, lãnh đạo Khoa phân công GV tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu, làm khóa luận [H08.08.04.31], [H08.08.04.32], [H08.08.04.33]. Hàng năm, Phòng ĐTDH&CTSV hợp tác với một số công ty có nhu cầu nhân sự cùng tổ chức ngày hội việc làm, mời các tổ chức kinh tế, giới thiệu với SV những vị trí, cơ hội việc làm [H08.08.04.34].

Những hoạt động của Nhà trường đã hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo đạt tỉ lệ khá cao [H08.08.04.35], [H08.08.04.36], [H08.08.04.37]. Hàng năm, Nhà trường cũng thực hiện khảo sát ý kiến NH về chất lượng toàn khoá học, chất lượng CTĐT nhằm giúp Nhà trường điều chỉnh các hoạt động để hỗ trợ NH được tốt hơn [H08.08.04.38], [H08.08.04.39]. Kết quả của khảo sát về nội dung CTĐT và PPGD năm 2021 cho thấy tỉ lệ SV hài lòng rất cao về các nội dung giảng dạy trong CTĐT (93,73%), PPGD (93,43%), tài liệu và phương pháp dạy học (93,66%) [H08.08.04.39]. Riêng đối với ngành CTXH, có trung bình 88,46% SV được hỏi hài lòng về CTĐT trên các khía cạnh được khảo sát [H01.01.02.05].

4.5. Ít nhất 75% số NH, NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Kết quả khảo sát tình hình có việc làm của SV ngành CTXH tốt nghiệp từ 2020-2021, cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành CTXH ra trường có việc làm tăng dần qua các năm, từ 55,17% năm 2020 [H08.08.04.36] đến 61,3% năm 2021 [H08.08.04.37], năm

2022 là 77,14% [H11.11.03.05]. Đặc biệt, SV ngành CTXH có mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường (92,74%) [H10.10.05.06], và SV ngành CTXH các năm cuối có mức độ hài lòng rất cao với CTĐT (90,52% trung bình cho các năm học từ 2018-2019 đến 2022-2023) [H01.01.02.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã có rất nhiều hoạt động tư vấn học tập, cũng như nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ tìm việc làm, tư vấn nâng cao thành tích học tập, rèn luyện và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV tham gia NCKH còn thấp. Nhiều SV vẫn còn thờ ơ với các hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần thúc đẩy và tạo điều kiện tốt nhất giúp SV tham gia NCKH. Tạo nhiều hoạt động, sân chơi bổ ích, thu hút đông đảo SV tham gia.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động tư vấn theo hướng đào tạo SV phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu của cơ quan, đơn vị tuyển dụng trong bối cảnh hiện tại.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Trường ĐHKH, ĐHH tọa lạc ngay tại trung tâm thành phố Huế với diện tích rộng lớn, khuôn viên sân trường được chăm sóc, cải tạo phù hợp với cảnh quan chung của thành phố Huế - Thành phố Xanh - Sạch - Sáng [H08.08.05.01]. Các phòng học có đầy

đủ máy chiếu, màn hình tivi, quạt trần, âm thanh tạo môi trường thoải mái cho việc học tập [H08.08.05.02]. Các phòng học, giảng đường được trang bị hệ thống internet tạo điều kiện thuận lợi cho SV tra cứu thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Tại các dãy nhà học có phòng nghỉ giảng viên, bố trí cán bộ Phòng ĐTDH&CTSV trực, tạo cảm giác an tâm cho SV vì luôn có lực lượng này hỗ trợ và tư vấn. CSVC của Trường được cải tạo, sửa chữa, làm mới, tạo không gian học tập thoải mái, thân thiện, hiện đại cho SV [H08.08.05.01], [H08.08.05.02].

Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các quy định về văn hóa công sở, văn minh học đường, quy tắc ứng xử và quy chế hoạt động. Qua đó, tạo cơ sở cho việc tạo lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm và văn minh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H08.08.05.03].

5.2. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSGD.

Công tác PCCC được Nhà trường quan tâm, trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy. Hàng năm tập huấn phòng chống cháy nổ cho cán bộ, GV [H08.08.05.04], [H09.09.05.05].

Tổ Y tế - Môi trường học đường của Nhà trường có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ và NH [H08.08.05.05]. Trạm Y tế Trường có 01 y sĩ và 01 điều dưỡng viên, được trang bị các thiết bị y tế phù hợp với công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh ban đầu và bảo hiểm y tế cho NH [H08.08.05.06]. NH được tham gia bảo hiểm y tế với tỉ lệ cao, được chăm sóc ban đầu trong những trường hợp ốm đau đột xuất [H09.09.05.07], [H09.09.05.06].

Nhà trường đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh cho NH, như xây dựng hệ thống tường bao, lắp camera an ninh ở các khu vực cần thiết, bảo vệ Trường trực 24/24 [H08.08.03.02], [H08.08.03.04]; đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh và thu gom rác thải với đơn vị chuyên nghiệp [H08.08.05.07], [H08.08.05.08].

Các hoạt động của CLB, đoàn hội như: mùa hè xanh, hoạt động giúp đỡ cộng đồng, hiến máu nhân đạo, phong trào thể thao, văn nghệ... giúp SV giao lưu học tập và nâng cao kỹ năng sống [H08.08.05.09], [H08.08.05.10], [H08.08.05.11], [H08.08.05.12].

Để tạo điều kiện cho SV vui chơi, hoạt động, giải trí sau giờ học, Nhà trường đã xây dựng các sân chơi bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền; bố trí các ghế đá trong sân trường, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, tạo môi trường thuận lợi cho SV vui chơi, giải trí [H08.08.05.01]. Tuy nhiên, các bảng phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường chưa được lắp đặt, bố trí phù hợp và chưa có bộ phận, đơn vị chuyên trách tư vấn tâm lý cho SV.

5.3. Có khảo sát/lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSGD.

Nhà trường luôn quan tâm đến cảm nhận của SV về môi trường, cảnh quan. Kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ và NH về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban chức năng cho thấy, cán bộ và NH hài lòng với môi trường, cảnh quan sạch đẹp, yên bình của Nhà trường, phù hợp cho hoạt động học tập, sinh hoạt. Có 85% GV và SV được hỏi hài lòng với cảnh quan môi trường của Trường, 87,55% GV và SV được hỏi hài lòng với thái độ làm việc của cán bộ phòng ban chức năng [H08.08.05.13]. Riêng cán bộ và NH ngành CTXH có mức độ hài lòng với nội dung này từ 67,60-85,69%. Đối sánh qua các đợt khảo sát cho thấy, đối với cán bộ, tỉ lệ hài lòng có xu hướng tăng từ 64,34% lên 70,85%, tuy nhiên đối với NH tỉ lệ này có xu hướng giảm từ 88,37% xuống còn 83,01% [H01.01.02.06].

Ngoài ra, Khoa XHH&CTXH còn thu thập ý kiến của SV thông qua hội nghị SV cấp Khoa, cấp Trường, lấy ý kiến thông qua các buổi sinh hoạt của CVHT, tạo cho NH cảm thấy thoải mái, được quan tâm và hứng thú khi học tập và nghiên cứu tại Trường [H08.08.05.14], [H08.08.05.15].

2. Điểm mạnh

NH được học tập, rèn luyện và NCKH trong môi trường thuận lợi về địa điểm, cảnh quan, tâm lý thoải mái, được chăm sóc y tế và đảm bảo an toàn, an ninh.

3. Điểm tồn tại

Các bảng phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường chưa được lắp đặt, bố trí phù hợp. Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện việc tư vấn tâm lý cho SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần thiết kế và lắp đặt các bảng phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường ở vị trí phù hợp để cán bộ, GV và SV dễ theo dõi. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn tâm lý cho SV.	Phòng KHTC&CSVC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển về môi trường và điều kiện CSVC phục vụ học tập, NCKH và sinh hoạt của SV.	Phòng KHTC&CSVC, Khoa XHH&CTXH	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, điều chỉnh kịp thời và phù hợp với quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh được cập nhật và công bố công khai bằng nhiều hình thức giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận. NH có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo được tâm lý học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Các hoạt động tư vấn học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa được triển khai đa dạng, phong phú và có hiệu quả, giúp SV cải thiện việc học tập và phát triển toàn diện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp NH làm chủ được kết quả và có kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện, đặc điểm của bản thân SV.

- Điểm mạnh nổi bật: Các hoạt động tư vấn học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa được triển khai đa dạng, phong phú và có hiệu quả, giúp SV cải thiện việc học tập và phát triển toàn diện.

- Điểm tồn tại cơ bản: Tỷ lệ SV tham gia NCKH còn rất thấp.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1				x				4.40	5	100.00
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3					x					

Tiêu chí 8.4				x					
Tiêu chí 8.5			x						

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

CSVC và trang thiết bị là điều kiện thiết yếu ảnh hưởng đến chất lượng các hoạt động dạy học và NCKH ở môi trường đại học. Vì vậy, với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, Trường và Khoa đã xây dựng hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH. Trường có thư viện với các nguồn học liệu phù hợp, được cập nhật hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Khoa có phòng thực hành được trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường xây dựng hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai. Qua đó, sự trang bị CSVC và trang thiết bị tạo điều kiện cho Nhà trường và Khoa đảm bảo các mục tiêu đào tạo đề ra, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho ngành CTXH.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trường ĐHKH, ĐHH nằm ở trung tâm Thành phố Huế với tổng diện tích đất Nhà trường quản lý sử dụng là 35.500 m², trong đó, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác là 26.500 m² [H09.09.01.01]. Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng máy tính, xưởng thực tập với các trang thiết bị phù hợp, phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của cán bộ, GV và SV [H09.09.01.02]. Nhà trường đáp ứng tốt hoạt

độ□ng dạy và học của GV và SV với CSVC gồm 93 phòng học từ 50 đến 200 chỗ. Tất cả các phòng học đều□ợc trang bị máy chiếu hoặ□c màn hình tivi cố định cùng với hệ□ thống ánh sáng, quạt mát đầy đủ đáp ứng số lượng NH hiện có [H09.09.01.03], [H09.09.01.04]. Tổng diện tích phòng học là 10.748 m² với tỉ số diện tích phòng học trên NH chính quy của Nhà trường là 2,23 (10.748/4814) đảm bảo tỉ lệ theo quy định.

Trung tâm TT&TV bao gồm phòng chung, phòng đọc chung, phòng đọc GV và phòng tài liệu tiếng nước ngoài, tài liệu hạn chế có tổng diện tích là 1.238m², với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của cán bộ, GV, SV và học viên [H09.09.01.05], [H09.09.01.06].

Ngoài ra, Nhà trường còn có một số cơ sở hạ tầng kỹ thuật, CSVC sử dụng chung với các trường đại học thành viên của ĐHH, như Trung tâm Phục vụ SV, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khu giáo dục thể chất ở Khoa Giáo dục Thể chất có diện tích hàng nghìn m² với nhà thi đấu đa năng, sân vận động và các sân bóng chuyên, bóng rổ, sân tennis, bể bơi, đường chạy... phục vụ hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí và giáo dục thể chất cho SV của ĐHH.

Khoa XHH&CTXH đều□ợc bố trí tại tầng 3 dãy nhà A với hệ thống văn phòng (166m²) bao gồm: văn phòng Khoa, phòng họp, văn phòng các bộ môn. Hệ□ thống phòng làm việc□ của Khoa XHH&CTXH đều□ợc trang bị bàn ghế, máy tính, máy in, máy chiếu cùng các thiết bị tiện ích khác, đáp ứng nhu cầu làm việc□, học tạ□p, nghiên cứu của cán bộ□ viên chức. Ngành CTXH thuộc Khoa XHH&CTXH được trang bị các phòng thực hành và phòng tu□ liệu□ (103m²) với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho SV và GV ngành CTXH giảng dạy, học tập và NCKH [H09.09.03.02].

1.2. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT.

Hằng năm, Nhà tru□ờng có kế hoạch mua mới và na□ng cấp CSVC, trang thiết bị nhằm đảm bảo hiệ□u quả việc□ dạy và học [H09.09.01.07], [H09.09.01.08], [H09.09.01.09], [H09.09.01.10], [H09.09.01.11], [H09.09.01.01], [H09.09.01.12], [H09.09.01.13], [H09.09.01.14]. Các thiết bị cùng hệ□ thống phòng ốc đều□ợc na□ng cấp, cạ□p nhậ□t kịp thời, đáp ứng nhu cầu NH và phù hợp với sự phát triển của công nghệ□ và xã hộ□i [H09.09.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà tru□ờng có kế hoạch mua sắm

thiết bị, hóa chất, xa□y dựng sửa chữa cho phù hợp với từng giai đoạn với nga□n sách hợp lý. Nguồn kinh phí dành cho đầu tu□ CSVC và trang thiết bị đư□ợc pha□n bổ và quản lý chặ□t chẽ [H09.09.01.16].

Nhà trường đang áp dụng phần mềm quản lý tài sản chung và theo dõi tình trạng sử dụng CSVC, trang thiết bị mọ□t cách chặ□t chẽ [H09.09.01.17]. Định kỳ, đầu na□m Nhà tru□ờng lu□n tổ chức kiểm ke□ tài sản theo đúng chế độ□ quy định [H09.09.01.18], [H09.09.01.19]. Tỉ lệ□ diệ□n tích phòng học/NH chính quy là 2,23 m²/SV (12/2023), đảm bảo tỉ lệ□ diệ□n tích/NH theo quy định. Nhà tru□ờng thu□ờng xuye□n thống ke□ diệ□n tích phòng làm việ□c, phòng học và các phòng chức na□ng để đảm bảo kho□ng gian NH lu□n rọ□ng rãi, thoáng đãng, tạo điều kiệ□n cho NH phát triển [H09.09.01.18], [H09.09.01.20], [H09.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Hệ□ thống phòng học, phòng làm việ□c và các phòng chức na□ng với trang thiết bị phù hợp đáp ứng ye□u cầu của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng máy móc và trang thiết bị cho giảng dạy và học tạ□p chưa đáp ứng một cách tốt nhất với những lớp học phần có đo□ng SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung số lu□ợng trang thiết bị phục vụ hoạt độ□ng dạy học đối với những nhóm lớp học phần có đo□ng SV.	Phòng KHTC&CSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ta□ng cu□ờng đầu tu□ hệ□ thống CSVC, xa□y mới, sửa chữa các phòng học, phòng làm việ□c, phòng thực hành và các phòng chức na□ng. Cặ□p nhặ□t, mua mới các trang thiết bị phục vụ NH và đáp ứng CTĐT.	Phòng KHTC&CSV, Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

Trung tâm TT&TV của Nhà trường được xây dựng gồm 1 tòa nhà 4 tầng với diện tích sử dụng hơn 1.660m². Thư viện được trang bị đầy đủ các phòng làm việc, phòng mượn, kho tài liệu, phòng đọc, phòng học phục vụ tốt hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H09.09.02.01], [H09.09.02.02], [H09.09.02.03].

Thư viện có nguồn tài liệu phục vụ các CTĐT của Nhà trường [H09.09.02.04]. Trong đó có 414 đầu sách thuộc ngành CTXH.

Hằng năm, Nhà trường ký hợp đồng để khai thác sử dụng trang tài liệu trực tuyến VINA [H09.09.02.05], [H09.09.02.06], [H09.09.02.07].

2.2. Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động.

Trung tâm TT&TV đã xây dựng nội quy, quy định của Thư viện cho việc quản lý và khai thác sử dụng nguồn lực ở thư viện đạt hiệu quả cao [H09.09.02.08]. Thư viện có các pano hướng dẫn cách tra cứu tài liệu, cách sử dụng thư viện điện tử một cách khoa học, hợp lý [H09.09.02.09], [H09.09.02.10]. Trung tâm TT&TV được trang bị đầy đủ CSVC, các thiết bị cụ thể: đầy đủ bàn ghế, máy tính, phần mềm tra cứu và thiết bị in ấn phục vụ tại chỗ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong học tập và nghiên cứu [H09.09.02.11].

2.3. Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trung tâm TT&TV có đầy đủ nguồn học liệu, bao gồm các tài liệu bắt buộc và tham khảo [H09.09.02.12], [H09.09.02.13], [H09.09.02.06]. Các tài liệu này bao gồm giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho ngành CTXH. Bên cạnh đó, thư viện còn có các nguồn tài liệu khác bổ ích như các luận văn, báo cáo đề tài NCKH để SV tham khảo [H09.09.02.09], [H09.09.02.14], [H09.09.02.15].

Theo ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, NH về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu, hầu hết bạn đọc cho rằng thư viện Trường đáp ứng nhu cầu về CSVC và nguồn học liệu cho các hoạt động dạy, học và nghiên cứu [H09.09.02.16]. Thư viện

thu hút số lượng nhiều bạn đọc đến trực tiếp để mượn sách và truy cập vào hệ thống online để tra cứu cứu hằng năm [H09.09.02.17]. Kết quả khảo sát NH ngành CTXH cho thấy, NH hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện đạt 88,80%, tỉ lệ này có xu hướng tăng từ 87,27% năm 2021 lên 90,33% năm 2023 [H09.09.02.18].

2.4. Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Trang thông tin điện tử của Trung tâm TT&TV tích hợp các cơ sở dữ liệu dưới dạng tài nguyên số bao gồm các hạng mục: bài báo khoa học, luận văn ThS, luận án TS, đề tài NCKH, sách chuyên khảo, bài giảng, giáo trình. Hệ thống tài nguyên này đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH.

Các tài nguyên học liệu của Trung tâm TT&TV được cập nhật thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu thông qua thực hiện các kết nối về CSDL với các thư viện và các trung tâm thông tin trong và ngoài nước [H09.09.02.09], [H09.09.02.19], [H09.09.02.20], [H09.09.02.02]. Bên cạnh đó, việc cập nhật nguồn học liệu của thư viện còn được thể hiện qua kế hoạch mua sắm và nâng cấp tài nguyên học liệu của Trung tâm [H09.09.02.21], [H09.09.02.22], [H09.09.02.23], [H09.09.02.24].

Trang thư viện số của Trung tâm TT&TV liên kết hợp tác với Công ty Tài liệu trực tuyến VINA xa-y dựng. Thư viện số cung cấp 5.370 các tài liệu tham khảo, kết nối với hơn 1 triệu tài liệu của tailieu.vn và khai thác chung nguồn tài nguyên thư viện số với gần 100 trường đại học trong cả nước.

Ngoài ra, cán bộ, GV, học viên và SV của Trường còn sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Học liệu thuộc ĐHH. Trung tâm TT&TV lưu trữ rất đầy đủ hệ thống ĐCCT các học phần của ngành CTXH [H09.09.02.20], [H09.09.02.02], [H09.09.02.25].

Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã đầu tư 314,433 triệu đồng cho mua tài liệu, giáo trình [H09.09.02.26]. Hàng năm, Nhà trường đầu tư khoảng 130 triệu đồng dùng để bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho các ngành đào tạo của Trường [H09.09.02.22].

2.5. Có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hoạt động của thư viện được quản lý thông qua hệ thống dữ liệu theo dõi như nhật ký mượn tư liệu [H09.09.02.10], [H09.09.02.09], [H09.09.02.25]. Các dữ liệu

theo dõi này được ghi chép, cập nhật đầy đủ trên hệ thống của Trung tâm TT&TV [H09.09.02.10], [H09.09.02.09], [H09.09.02.25], [H09.09.02.17]. Phòng thực hành CTXH có quy định về việc mượn, đọc tài liệu cụ thể; có đầy đủ bàn ghế, máy lạnh phục vụ cho SV trong học tập và nghiên cứu; có sổ ghi chép, theo dõi tình hình tại phòng tư liệu [H09.09.03.03], [H09.09.03.02].

2. Điểm mạnh

CSVC, trang thiết bị và nguồn học liệu của Trung tâm TT&TV, Phòng Tư liệu Khoa XHH&CTXH đáp ứng nhu cầu NH. Vốn tài liệu phong phú, đa dạng, quy trình phục vụ khoa học, thuận tiện, nhân viên thư viện nghiêm túc, nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Tốc độ truy cập internet tại thư viện còn chậm. Các tài liệu chất lượng cao phục vụ giảng dạy và NCKH cho ngành CTXH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tìm nguồn bổ sung nguồn tài liệu điện tử, bổ sung sách chuyên khảo cho ngành CTXH tại Trung tâm TT&TV. Cải thiện hệ thống internet để đảm bảo lượt truy cập cho SV.	Trung tâm TT&TV, Phòng KHTC&CSVC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục liên kết với các trung tâm thông tin, các trường đại học để cùng chia sẻ và lưu trữ các tài liệu, luận văn, luận án. Tiếp tục đầu tư ngân sách bổ sung nguồn học liệu và nâng cao chất lượng phục vụ NH và GV.	Trung tâm TT&TV, Phòng KHTC&CSVC	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành máy tính đặt tại tầng 2 khối nhà B và tầng 4-5 khối nhà E, được trang bị đồng bộ máy tính, mạng internet, bàn ghế. Tổng diện tích phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, xưởng thực tập là 6.010m², với 760 máy tính (dùng chung) [H09.09.03.01]. Tất cả các phòng thực hành đều được trang bị đủ ánh sáng và điều hoà nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu học tập, nghiên cứu cho NH. Tương tự các ngành khác trong trường, GV và SV ngành CTXH sử dụng hệ thống phòng máy tính dùng chung của Trường trong hoạt động dạy học và nghiên cứu.

Khoa XHH&CTXH có đầy đủ các phòng làm việc, phòng thực hành CTXH phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Hiện tại, Khoa XHH&CTXH có 03 phòng thực hành cho SV ngành CTXH [H09.09.03.02], [H09.09.03.03]. Số lượng phòng thực hành đáp ứng tốt công tác dạy và học đối với quy mô SV 4 khóa hiện tại của ngành là 86 SV [H11.11.01.11]. Trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, thực hành, nghiên cứu đa dạng, đáp ứng nhu cầu NH như: hệ thống máy tính, smart tivi, giường bệnh, xe lăn [H09.09.04.09].

Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ và NH về sự hài lòng chất lượng CSVC, làm cơ sở cho việc nâng cấp, duy tu bảo dưỡng, nâng cao chất lượng trang thiết bị cho dạy và học [H09.09.03.04], [H08.08.05.14]. Kết quả khảo sát về ý kiến của cán bộ và NH về mức độ đáp ứng CSVC: Năm 2021 cho thấy, trong số 11241 ý kiến trả lời, có 80,55% cho rằng CSVC đáp ứng nhu cầu dạy và học của Nhà trường [H09.09.04.25]; Năm 2031, mức độ này đạt 85,29% [H10.10.05.12]. Thống kê giai đoạn 2021 - 2023, riêng đối với cán bộ và NH ngành CTXH: mức độ hài lòng đạt từ 69%-88% [H01.01.02.06].

3.2. Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Trang thiết bị phục vụ cho dạy và học ngành CTXH của Khoa được cập nhật, sửa chữa, thay thế đảm bảo vận hành hiệu quả [H09.09.04.09]. Đối với hệ thống trang thiết bị, máy móc và CSVC chung của Trường, hàng năm, Nhà trường đều có tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị. Danh mục các trang thiết bị

được cập nhật hàng năm [H09.09.03.05], [H09.09.03.06], [H09.09.01.10], [H09.09.01.08].

3.3. Có người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Phòng KHTC&CSVC là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường [H11.11.02.02]. Theo đó, Tổ Quản trị và CSVC có trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng, bảo dưỡng hệ thống CSVC cũng như phòng thực hành của Nhà trường. [H07.07.05.19].

Để quản lý CSVC, trang thiết bị máy móc hiệu quả của ngành CTXH, Khoa XHH&CTXH ban hành quy định cụ thể, rõ ràng nhằm hướng dẫn việc sử dụng phòng thực hành [H09.09.03.02]. Đối với trang thiết bị phòng thực hành, Bộ môn CTXH bố trí một nữ cán bộ phụ trách quản lý hệ thống trang thiết bị, cơ sở hạ tầng [H09.09.03.07]. Việc sử dụng tư liệu và các trang thiết bị được quản lý chặt chẽ thông qua sổ theo dõi tình trạng hoạt động và sử dụng thiết bị [H09.09.03.03].

Định kỳ, Nhà trường đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học [H09.09.01.18], [H09.09.01.19].

2. Điểm mạnh

Trang thiết bị phòng thực hành phong phú, hiện đại, đáp ứng thực hiện CTĐT. Thiết bị thường xuyên được cập nhật, sửa chữa và thay mới.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị thực hành ngành CTXH chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức đánh giá hiệu quả trang thiết bị thực hành ngành CTXH để có căn cứ phát triển CSVC phục vụ học tập và nghiên cứu của NH.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường quản lý thiết bị, cập nhật và duy tu bảo dưỡng theo kế hoạch.	Phòng KHTC&CSVC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm 2024
---	--------------------	---	--------------------------------	-------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy và NCKH là xu hướng tất yếu trong tiến trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, sự bùng nổ công nghệ đặc biệt cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Trong xu thế đó, Nhà trường đã chú trọng đến phát triển và quản lý hệ thống CNTT thông qua thành lập Tổ ứng dụng CNTT [H09.09.04.01], [H09.09.04.02]. Tổ này chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống mạng thông tin đảm bảo hỗ trợ tốt cho các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Phòng KHTC&CSVC được giao nhiệm vụ là đơn vị đầu mối trực tiếp thực hiện thi công lắp đặt, quản lý và bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy móc, trang thiết bị điện tử. Các trang thiết bị từ máy chủ, máy tính, đầu phát wifi, camera an ninh, thiết bị mạng, đường truyền kết nối liên thông mạng LAN đến hợp đồng cung cấp sử dụng internet nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường được Phòng triển khai hiệu quả [H09.09.04.03], [H09.09.04.04], [H09.09.04.05]. Nhà trường đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT thông qua đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống wifi được phủ sóng toàn trường, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và tra cứu tài liệu của cán bộ, GV và NH [H09.09.04.06], [H09.09.04.07], [H09.09.04.08].

Bên cạnh các trang thiết bị được cung cấp bởi Nhà trường, SV ngành CTXH được cung cấp và sử dụng các trang thiết bị nằm trong các dự án hỗ trợ phát triển ngành CTXH [H09.09.04.09]. Các trang thiết bị này đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng

học tập và NCKH của SV. Bên cạnh đó, Khoa XHH&CTXH có Trang thông tin điện tử riêng biệt liên tục cập nhật đăng tải thông tin hoạt động của ngành và những hoạt động có liên quan, phục vụ tối đa cho hoạt động dạy học và phát triển toàn diện cho NH [H09.09.04.10].

Để hỗ trợ người dùng khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống CNTT, Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong của Trường ĐHKH [H10.10.05.02]; có hướng dẫn, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng hệ thống CNTT tại các vị trí phù hợp.

Nhà trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ tất cả các hoạt động chung: đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, NCKH, tổ chức hành chính, khảo thí, khảo sát, tự đánh giá... [H09.09.01.17]. Có Trang thông tin điện tử của Nhà trường và của tất cả các đơn vị trong Trường phục vụ công tác đăng tải thông tin, thông báo, quy định, quy chế, hướng dẫn, biểu mẫu của tất cả các hoạt động của Nhà trường [H02.02.02.09], [H09.09.04.11].

4.2. Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hiện nay, phòng IDC server từ dự án năm 2007 đã được nâng cấp theo Dự án Bộ GD&ĐT năm 2021 và được hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu của công nghệ 4.0 [H09.09.04.12], [H09.09.04.13]. Theo đó, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về hệ thống mạng LAN quang kết nối toàn bộ khu vực trong Trường cũng như đường truyền từ dịch vụ internet chất lượng cao đã được đầu tư và hiện đại hóa, đạt chất lượng và hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Như đã đề cập ở trên liên quan đến đầu tư xây dựng và trang bị các phần mềm chuyên dụng, giúp các đơn vị nâng cao hiệu quả công việc nhằm phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H09.09.04.06], các phần mềm này quản lý, lưu trữ hiệu quả, an toàn thông tin, dữ liệu về hoạt động đào tạo, bảo mật thông tin cá nhân [H09.09.04.14]. GV theo dõi kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, đăng ký dạy bù, trao đổi với SV, nhập điểm đánh giá quá trình và nhiều tác vụ thuận lợi khác thông qua Trang thông tin đào tạo đại học [H09.09.04.15], [H09.09.04.08]. Tương tự như vậy, SV hoàn toàn làm chủ mọi thông tin liên quan đến hoạt động học tập của bản thân trên Trang thông tin đào tạo đại học [H09.09.04.15], [H09.09.04.08].

GV và SV ngành CTXH nói riêng, cũng như cả Khoa nói chung đều được cung cấp tài khoản cá nhân trên Trang thông tin đào tạo đại học để đăng nhập phục vụ công

tác dạy và học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn cung cấp cho mỗi GV và SV một địa chỉ email có tên miền là @husc.edu.vn để trao đổi, nhận các thông tin từ Nhà trường và Khoa, đồng thời sử dụng email đăng nhập vào tài khoản giảng dạy trực tuyến trong các trường hợp cần thiết [H09.09.04.15], [H09.09.04.08]. Nhờ đó, trong bối cảnh dịch bệnh hoặc lũ lụt, cán bộ và SV ngành CTXH nói riêng và toàn Trường nói chung vẫn được đảm bảo thông tin và tham gia vào các hoạt động dạy và học bằng hình thức trực tuyến. Trong thời kỳ dịch bệnh, nhờ ứng dụng hệ thống thông tin của Trường, cán bộ và SV ngành CTXH vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Điều này có nghĩa rằng hệ thống CNTT và các phần mềm hỗ trợ của Khoa và Nhà trường đã làm tốt vai trò, nhiệm vụ này.

4.3. Hệ thống công nghệ thông tin được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Song song với việc xây dựng và phát triển, công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống CNTT của Nhà trường được tiến hành [H09.09.04.16], [H09.09.04.12]. Hệ thống wifi cáp quang luôn được theo dõi để đảm bảo xử lý nhanh nhất khi có sự cố [H09.09.04.16], [H09.09.04.12]. Các phần mềm và website luôn có đội ngũ cán bộ quản lý giám sát và theo dõi để bảo dưỡng và cập nhật kịp thời [H09.09.04.17], [H09.09.04.18].

Công tác ứng dụng CNTT của Nhà trường được thể hiện trong hoạt động xây dựng bài giảng điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Điều này không những nằm trong xu thế tất yếu của quá trình hiện đại hóa và hội nhập, nó còn giải quyết những yêu cầu thực tiễn đặt ra như việc thực hiện giãn cách xã hội trong đại dịch Covid 19. Với tầm quan trọng của việc cập nhật ứng dụng hay đổi mới phương thức giảng dạy trong chuyển đổi số, Nhà trường đã có đề án xây dựng, đầu tư những phòng học thông minh, học liệu điện tử đến những khoá học trực tuyến [H09.09.04.19].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện các kế hoạch về mua sắm, sửa chữa trang thiết bị [H09.09.01.15], [H09.09.04.20], [H09.09.01.16]. Theo dõi tình hình hoạt động các của các thiết bị từng năm [H09.09.04.21], [H09.09.04.22], [H09.09.04.23].

4.4. Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

Định kỳ, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT thông qua các khảo sát ý kiến

của cán bộ và NH về mức độ đáp ứng CSVC [H08.08.05.14], [H09.09.04.24], [H09.09.04.25], [H09.09.04.26]. Kết quả các khảo sát này cho thấy, nhìn chung, CSVC của Nhà Trường đáp ứng được nhu cầu của NH và các BLQ. Cụ thể trong, thang điểm từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 4 (hoàn toàn đồng ý) về việc CSVC của Nhà trường đã đáp ứng được công tác giảng dạy và NCKH, điểm trung bình của nhóm GV là 2,74, CV là 3.11 và NH là 3,08 [H09.09.04.24]. Trong đó, các BLQ đều cho rằng chất lượng và đường truyền của internet cần được cải thiện, với mức độ hài lòng của nhóm GV là 29,22%, CV là 55,30%, và nhóm NH là 55,08% [H09.09.04.24].

Kết quả khảo sát NH năm cuối về chất lượng toàn khóa học trong chu kỳ đánh giá có nội dung đánh giá về CSVC có mức độ hài lòng chung đạt 85% [H10.10.05.07], đối với NH ngành CTXH có mức độ hài lòng đạt 86,45% [H01.01.02.04].

Nhà trường căn cứ kết quả khảo sát để lập kế hoạch đầu tư, trang bị, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của mọi người [H09.09.01.08], [H09.09.04.13], [H09.09.01.09].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT và hạ tầng kỹ thuật đi kèm được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về dạy và học; hệ thống phần mềm phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng, tương tác của cán bộ, GV và NH trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng internet chưa được đảm bảo thường xuyên, bị ngắt kết nối hay có sự không đồng đều về tốc độ giữa các khu vực trong khuôn viên Trường khi truy cập sử dụng wifi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng chất lượng và mức độ phủ sóng của hệ thống internet	Phòng KHTC&CSVC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cấp hệ thống CNTT, liên tục cập nhật, bảo dưỡng hệ thống máy móc và mạng wifi	Phòng KHTC&CSVC,	Hằng năm

			Khoa XHH&CTXH	
--	--	--	------------------	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

Nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành, Nhà trường đã tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, có các biện pháp phòng chống bạo lực học đường theo quy định của Chính phủ [H09.09.05.01], [H09.09.05.02].

Với đặc thù về vị trí địa lý, tỉnh Thừa Thiên Huế luôn chịu ảnh hưởng của thiên tai bão, lũ lụt hằng năm. Nhận thức các rủi ro liên quan đến lũ lụt, cháy nổ có thể xảy ra đột xuất, Nhà trường đã thành lập Ban phòng chống bão lụt, cứu nạn cứu hộ để hỗ trợ cho NH trong tình huống mưa bão, lũ lụt xảy ra và ứng phó với những tình huống khẩn cấp tại Trường [H09.09.05.03].

Đội PCCC của Nhà trường được thành lập và được tập huấn nghiệp vụ hàng năm [H09.09.05.04]. Công tác PCCC của Nhà trường được đảm bảo thông qua các hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền cán bộ, GV và SV nghiêm túc thực hiện các nội quy về PCCC. Trong khuôn viên Trường, các phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thực hành đều có trang bị bình cứu hỏa [H09.09.05.04]. Công tác PCCC rất cần thiết trong việc đảm bảo môi trường an toàn cho NH bởi giảm thiểu và hạn chế tối đa những thiệt hại về CSVC, trang thiết bị khi có sự cố nhờ công tác phòng chống tích cực [H09.09.05.05].

5.2. Quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện.

Tổ Y tế - Môi trường học đường thuộc Phòng KHTC&CSVC bố trí gần các phòng học, giúp SV thuận tiện tiếp cận khi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe. CSVC của Tổ Y tế - Môi trường học đường được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và hỗ

trợ tha^m khám kịp thời cho SV gặp vấn đề về sức khỏe và ta^m lý [H09.09.05.06], [H09.09.05.07]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện khám sức khoẻ cho đội ngũ cán bộ và NH trong Trường [H09.09.05.08], [H09.09.05.09], [H09.09.05.10]. Nhà trường thực hiện những chế độ bảo hiểm thường kỳ [H09.09.05.06], [H09.09.05.07]. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát vừa rồi, Nhà trường thành lập những đội, nhóm SV hỗ trợ trong công tác phòng, chống dịch bệnh [H09.09.05.11].

Tổ Bảo vệ^o trực thuộc Phòng TC&HC gồm 05 nha^on vie^on với nhiệm vụ đảm bảo trật^t tự, an ninh và an toàn cho SV [H09.09.05.12]. Ngoài việc được phân công trực bảo vệ^o và tuần tra xung quanh khuo^on vie^on Tru^oờng 24/24 giờ trong ngày, Tổ Bảo vệ được giao nhiệm vụ tăng cường đảm bảo an ninh dịp Lễ, Tết. Bên cạnh Tổ Bảo vệ của Trường, Nhà trường còn thành lập Đội SV tự quản, nhằm phối hợp với lực lượng Tự vệ của Nhà trường để thực hiện tốt hơn trong vấn đề đảm bảo, an ninh trật tự, tạo giữ môi trường lành mạnh an toàn học đường [H09.09.05.13], [H09.09.05.14], [H09.09.05.15].

Công tác mo^oi tru^oờng học đường được Nhà trường chú trọng quan tâm nhằm giữ đ^oợc môi trường xanh – sạch – đẹp. Các thùng thu gom rác ở tất cả hành lang phòng học, các điểm co^ong co^ong đều được bố trí. Nhằm tăng cường chuyên môn hóa và BĐCL vệ sinh môi trường, Nhà Trường đã có những hợp đồng thu gom và xử lý rác thải với co^ong ty vệ^o sinh môi trường với vie^oc thu gom rác thải đ^oợc tiến hành hàng ngày và các hợp đồng với co^ong ty phụ trách vệ^o sinh môi trường các phòng học, phòng làm vie^oc và những vị trí co^ong co^ong trong toàn Trường [H09.09.05.16], [H09.09.05.17].

5.3. Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Nhà trường đã thực hiện các khảo sát nhằm thu th^op các thông tin phản hồi của cán bộ^o, GV và SV về cảnh quan môi trường [H08.08.05.14]. Kết quả khảo sát cho thấy, có 76,12% GV, 89,36% CV và 90,81% SV hài lòng với cảnh quan môi trường [H08.08.05.14]. Thông qua các kết quả khảo sát, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện đầu tu^o cải tạo, na^ong cấp và v^on dụng những biệ^on pháp quản lý mới nhằm gìn giữ và phát triển mo^oi tru^oờng thie^on nhie^on và mo^oi tru^oờng va^on hóa trong Nhà tru^oờng [H09.09.05.18], [H09.09.05.19].

2. Điểm mạnh

Công tác vệ sinh môi trường, công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, GV và SV thực hiện tốt.

3. Điểm tồn tại

CSVC và các dịch vụ tiện ích phục vụ người khuyết tật còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Quan tâm về nhóm yếu thế - người khuyết tật để đưa ra những CSVC phục vụ cho nhóm yếu thế tốt hơn như xây dựng các lối đi chuyển thuận lợi dành cho những người khuyết tật.	Phòng KHTC&CSVC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, GV và SV.	Phòng KHTC&CSVC, Tổ Y tế	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thực tập được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV và SV học tập và NCKH. Bên cạnh nguồn học liệu tại Trung tâm TT&TV, Khoa XHH&CTXH còn có phòng thực hành cung cấp tư liệu và các trang thiết bị phục vụ tốt nhu cầu học tập và thực tập nghề nghiệp của SV. Công tác chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường được triển khai chu đáo, định kỳ hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, GV và SV. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, thích ứng với sự phát triển của xã hội, đặc thù của ngành, Nhà trường cần bổ sung các trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn việc học tập và NCKH cho SV, đặc biệt cần quan tâm chú ý đầu tư CSVC phục vụ cho đối tượng là người khuyết tật.

- Điểm mạnh nổi bật: Trang thiết bị phòng thực hành thực tập phong phú, hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH hiện nay, đảm bảo đạt CDR của CTĐT.

- Điểm tồn tại cơ bản: Chưa chú trọng đầu tư CSVC phục vụ người khuyết tật.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1					x			4.60	5	100.00
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x						

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và đơn vị sử dụng lao động được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường và của Khoa. Việc nâng cao chất lượng đào tạo được triển khai và thực hiện đồng bộ trên cơ sở chủ trương chung của Nhà trường; lấy thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ để xây dựng CTĐT; CĐR, cấu trúc chương trình xây dựng chi tiết, có đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm 1 lần; nội dung và phương pháp giảng dạy, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; các kết quả NCKH của GV, SV được khai thác triệt để để phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học; CSVC được kiện toàn, phục vụ hoạt động dạy và học, BĐCL đào tạo; cơ chế phản hồi từ SV cũng như các BLQ với CTĐT được duy trì để giúp thiết kế tốt CTĐT cũng như đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên,

NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp).

Về mặt chủ trương, hoạt động thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác BĐCLGD được thực hiện thống nhất trên cơ sở quy định của nhà trường [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Theo đó, các BLQ được lấy ý kiến phản hồi bao gồm: đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia cùng chuyên ngành, các nhà hoạt động xã hội, hoạch định chính sách, cán bộ quản lý, cựu SV, GV, SV.

Việc triển khai thực hiện được thực hiện một cách đồng bộ. Trước hết, việc lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự, đại diện các phòng, Sở lao động thương binh và xã hội, lãnh đạo cấp xã... được chú trọng thực hiện [H10.10.06.05], [H10.10.01.04]. Khoa cũng chú trọng đến chú trọng đến việc tổ chức, lấy ý kiến SV trong các buổi đối thoại SV. Công việc này được thực hiện đầy đủ hàng năm theo chủ trương chung của Nhà trường và sự chỉ đạo của Ban chủ nhiệm Khoa. Ý kiến SV về CTĐT, cách thức tổ chức dạy và học; cách thức KTĐG... đều được ghi lại làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, thiết kế và điều chỉnh hoạt động dạy và học [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07] [H01.01.02.04] . Tại thời điểm một năm sau khi tốt nghiệp, Trường thực hiện việc liên hệ, lấy ý kiến để tìm hiểu về tình trạng việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV sau khi ra trường [H10.10.06.05] [H10.10.01.08]. Khoa cũng đã trực tiếp mời đơn vị tuyển dụng về Trường để trao đổi về nhu cầu tuyển dụng cũng như các yêu cầu về nguồn lao động trong một số lĩnh vực liên quan đến ngành CTXH (Trung tâm Trường Minh) [H10.10.01.09]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến phản hồi của GV về nội dung, CTDH cũng được cập nhật [H10.10.01.10].

1.2. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH.

Thông tin phản hồi từ các BLQ được xử lý, phản hồi và viết báo cáo tổng hợp [H02.02.01.06], [H08.08.05.15], [H10.10.01.11]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các BLQ, CTĐT ngành CTXH được tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, điều chỉnh 2 lần trong thời gian từ năm 2018 - 2021. Cụ thể là sự điều chỉnh qua các năm 2019 và 2021 [H01.01.03.01], [H01.01.03.01], [H01.01.03.03]. Nội dung điều chỉnh bao gồm tăng số tín chỉ cho 8 học phần quan trọng và cần thiết; bổ sung thêm nội dung cho 8 học phần

đã có; bổ sung 16 học phần mới phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng và phản hồi của SV, GV [H10.10.01.12] [H03.03.03.08] [H03.03.01.07] [H03.03.01.12].

2. Điểm mạnh

Luôn coi trọng và duy trì mối quan hệ mật thiết với nhà tuyển dụng và kịp thời tiếp thu, đánh giá ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, GV về CTĐT để tiến hành điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các kênh thông tin phản hồi chưa được xây dựng một cách chính quy, bài bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kênh thông tin chung, tạo diễn đàn tương tác trực tiếp giữa các bên dưới sự chủ trì của Khoa và Nhà trường.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và mở rộng mạng lưới nhà tuyển dụng gồm các tổ chức xã hội dân sự, NGOs, đại diện các cơ sở trợ giúp xã hội, sở, Phòng Lao động thương binh và xã hội...	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH của Khoa XHH&CTXH được chuẩn hóa từ tổ chức bộ máy, quy trình, thủ tục, hồ sơ theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học hàng năm của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], trong đó ghi rõ các Khoa cần: Điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT; Rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần để đảm bảo không còn sự trùng lặp kiến thức giữa các học phần của một CTĐT; Rà soát,

điều chỉnh đề thi/đáp án các học phần đã xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi, xây dựng, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo kế hoạch của Nhà trường; Tổ chức triển khai đổi mới phương pháp dạy và học... Năm 2020, Nhà trường ban hành Quy trình xây dựng CTĐT đại học theo CĐR tại Trường ĐHKH, ĐHH [H03.03.01.03]. Quy trình mới bổ sung thêm yêu cầu phân tích CTĐT được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và của Khoa; phù hợp giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT; phù hợp với Luật Giáo dục đại học và các quy định của Bộ GD&ĐT; CTDH được thiết kế phải đảm bảo đạt CĐR [H10.10.02.04].

Theo đó, tổ xây dựng CTĐT ngành CTXH đã họp bàn về hướng dẫn thiết kế và phát triển CTDH, tuân thủ các quy định liên quan trong việc xây dựng mới và rà soát, đánh giá CTDH hiện hữu bao gồm: rà soát mục tiêu, CĐR, cấu trúc CTĐT, đối sánh các CTĐT trong nước, quốc tế, thu thập và xử lý ý kiến của các BLQ [H10.10.01.03], [H10.10.02.05].

Việc xây dựng CTĐT, thiết kế và phát triển CTDH ngành CTXH của Khoa XHH&CTXH được thực hiện theo đúng quy định, quy trình của Nhà trường, gồm 9 bước [H03.03.01.03]. Cụ thể: (1) Thành lập Tổ xây dựng CTĐT cho từng CTĐT trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa quản lý ngành đào tạo; (2) Thành lập Ban xây dựng CTĐT cấp Trường và Tổ thư ký trên cơ sở tham mưu của Trưởng Phòng ĐTDH&CTSV; (3) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường họp thống nhất mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch, cách thức triển khai và nguồn lực để thực hiện; (4) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường cùng với các Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa họp thống nhất các học phần chung của các lĩnh vực đào tạo, các nhóm ngành; (5) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa rà soát CTĐT đang thực hiện, tham khảo CTĐT của các CSGD đại học trong và ngoài nước, thống nhất dự thảo CTĐT lần 1; (6) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT, thống nhất dự thảo CTĐT lần 2; (7) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa tổ chức hội thảo, gặp mặt lấy ý kiến đóng góp của các BLQ và hoàn thiện dự thảo CTĐT lần 3; (8) Tổ chức biên soạn ĐCCT cho tất cả các học phần; (9) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường tập hợp, rà soát CTĐT và ĐCCT của các ngành, trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua, sau đó trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Đối với trường hợp mở ngành đào tạo mới phải được Hội đồng thẩm định ĐHH thông qua.

2.2. Thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng CĐR và CTĐT [H10.10.02.06]. Trên cơ sở quy trình theo quy định của Nhà trường tổ chức xây dựng CTĐT ngành CTXH đã tiến hành họp rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT [H10.10.02.05].

2.3. Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Từ 2020 trở về trước, công tác này được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHH, chưa có văn bản hướng dẫn chính thức từ Nhà trường. Sau quá trình rà soát các công tác được thực hiện, nhằm chuẩn hóa quy trình thực hiện chuyên môn, Nhà trường đã tiếp thu các quy định và văn bản hướng dẫn của các cấp, rút kinh nghiệm thực tế thực hiện tại các đơn vị, tiến hành xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng CTĐT đại học theo CĐR tại Trường ĐHKH, ĐHH [H03.03.01.03].

Căn cứ vào quy trình thiết kế, xây dựng CTĐT của Nhà trường, năm 2021, Khoa XHH&CTXH đã có những cải tiến trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành CTXH. Cụ thể, quy trình xây dựng CĐR và CTĐT năm 2021 được thực hiện thông qua 11 bước như sau: (1) nghiên cứu các CĐR và CTĐT hiện hành của các ngành đào tạo; (2) lập kế hoạch chi tiết quy trình xây dựng CĐR và CTĐT ngành; (3) tổ chức phiên họp lần thứ nhất bàn luận và phác thảo về mục tiêu, nội dung, cấu trúc; (4) tổ chức xây dựng CĐR, CTĐT trao đổi, thảo luận, xây dựng CĐR ngành; (5) hoàn thiện dự thảo CĐR lần 1; (6) tổ chức xây dựng CĐR, CTĐT trao đổi, lấy ý kiến hoàn thiện CĐR ngành lần 2; (7) xây dựng phiếu khảo sát các BLQ về CĐR và tập huấn cho cán bộ thực hiện phiếu khảo sát; (8) thực hiện điều tra, khảo sát với các BLQ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp; xử lý kết quả khảo sát và thu thập thông tin liên quan; (9) Hoàn thiện CĐR ngành lần 3; (10) tổ chức thông qua dự án CĐR và CTĐT ngành; (11) trình hội đồng KH&ĐT thông qua [H02.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập rõ ràng, cụ thể và đảm bảo tính khoa học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc rà soát, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành những hướng dẫn cụ thể về việc rà soát, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.	Phòng ĐTDH&CTSV	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Bám sát các quy định trong tiến trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Quá trình dạy, học và đánh giá KQHT của NH được Trường quy định trong các văn bản pháp quy của Trường: Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.03.01], [H08.08.03.10]; Quy định tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.03.02], [H05.05.01.09]; Quy định thực tập cuối khóa, làm khóa luận tốt nghiệp/báo cáo tốt nghiệp p bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.03]; Kế hoạch đào tạo các năm học [H10.10.03.04] và ĐCCT các HP [H02.02.02.06].

Quá trình dạy và học được rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng. Theo kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học hàng năm của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03]. Bộ môn CTXH, Khoa XHH&CTXH đã tiến hành tổ chức triển khai nhiệm vụ từng học kỳ và từng năm học, trong đó nhấn mạnh cần đổi mới phương pháp dạy và học; đa dạng hóa PPGD, học tập cho GV và SV; xây dựng kế hoạch kiểm tra, dự giờ để đánh giá việc sử dụng đa dạng các phương pháp và đổi mới giảng dạy của GV [H10.10.03.05].

Về phía Nhà trường cũng có nhiều hoạt động hỗ trợ Khoa trong việc thực hiện chuẩn chỉ, đảm bảo đúng quy trình và có chất lượng, đảm bảo CDR của các hoạt động dạy học cũng như đánh giá kết quả NH. Cụ thể, Nhà trường ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hàng năm; thành lập Đoàn kiểm tra học chính và hành chính các năm học từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022; cung cấp các dữ liệu khảo sát hoạt động giảng dạy hàng năm đến Khoa làm cơ sở cải tiến việc dạy và học; ra các công văn hướng dẫn về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần, điểm quá trình học tập; cuối năm học, phần mềm quản lý Trang thông tin đào tạo đại học sẽ tính tổng số giờ giảng dạy của GV đối với từng học phần và của cả năm học. Tất cả những công việc trên đều được thực hiện trên phần mềm Trang thông tin đào tạo đại học, do đó số liệu chính xác, đáng tin cậy, công bằng và khách quan. Số liệu này được sử dụng để tính khối lượng nhiệm vụ giảng dạy của GV đã thực hiện, làm cơ sở để thanh toán tiền vượt giờ và đánh giá, bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm... [H10.10.03.06], [H10.10.03.07], [H10.10.03.08] .

Phòng ĐTDH&CTSV được giao nhiệm vụ lập kế hoạch học tập từng học kỳ, từng năm học và toàn khóa học. Lập thời khóa biểu học tập và kiểm tra, giám sát tiến độ cũng như khối lượng giảng dạy của GV đối với từng học phần. Căn cứ thời khóa biểu giảng dạy của tất cả GV trong toàn trường, hàng ngày, Phòng ĐTDH&CTSV kiểm tra giờ lên lớp của GV và cuối mỗi tuần có tổng kết những GV bỏ tiết kèm lý do. Nếu GV bỏ tiết thì NV phụ trách theo dõi hoạt động đào tạo sẽ không tính giờ giảng của GV trên Trang thông tin đào tạo đại học, GV phải đăng ký dạy bù [H10.10.03.09], [H10.10.03.10], [H10.10.03.11], [H10.10.03.08].

3.2. Triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Để đảm bảo thực hiện các chủ trương và yêu cầu nêu trên, Bộ môn CTXH, Khoa XHH&CTXH cũng đã triển khai những hoạt động thiết thực như: (1) Triển khai họp góp ý ĐCCT học phần; (2) Triển khai dự giờ dạy của GV; (3) cử GV tham gia chương trình tập huấn “Xây dựng CTĐT và PPGD”; (4), thu thập ý kiến phản hồi của SV về hoạt động dạy và học thông qua trang tin chỉ và các buổi đối thoại SV các cấp khoa, Trường... [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.05], [H10.10.03.15].

Việc giảng dạy và đánh giá KQHT được thực hiện một cách nghiêm túc, chín chu theo hướng đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy, phương pháp và hình thức đánh giá. Các hình thức đánh giá thiên về thực hành, tiểu luận... được chú trọng [H04.04.02.03], [H04.04.02.03], [H10.10.03.16], [H02.02.02.01], [H02.02.02.02], [H02.02.02.03]. Nhà trường cũng ban hành hướng dẫn về việc sử dụng tổ hợp phương pháp KTĐG kết quả NH [H10.10.03.17]. Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, phù hợp với nội dung và CĐR của học phần.

Đặc biệt, Nhà trường đã tiến hành đánh giá và cho thấy, các hình thức đánh giá đều mang lại những hiệu quả tích cực [H05.05.03.01]. Công tác điều chỉnh ngân hàng đề thi, câu hỏi đánh giá cũng được chú trọng theo hướng đảm bảo đánh giá theo CĐR và đánh giá toàn diện, khách quan NH. Hiệu quả của các hình thức KTĐG được phân tích, rà soát để đảm bảo tính hiệu quả [H05.05.03.01], [H10.10.03.18], [H10.10.03.19].

Mỗi học kỳ, Phòng KT&BĐCLGD đều tổ chức khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.20], [H10.10.03.21], [H10.10.03.22], [H10.10.03.23], [H10.10.03.24], [H10.10.03.25]. Việc khảo sát được tiến hành theo phương thức online, GV vào Trang thông tin đào tạo đại học để xem kết quả đánh giá và góp ý của SV của mỗi học phần, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng [H10.10.03.26], [H03.03.02.01], [H10.10.03.27], [H10.10.03.28], [H10.10.03.29], [H10.10.03.30], [H10.10.03.31], [H10.10.03.24], [H10.10.03.23], [H10.10.03.32], [H10.10.03.22].

Đối với công tác tổ chức thi kết thúc học phần, Nhà trường đã thành lập Đoàn kiểm tra học chính và hành chính có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thi, công tác điều động và phân công cán bộ coi thi, trách nhiệm của cán bộ coi thi tại phòng thi, việc chấp hành nội quy, quy chế thi của SV [H10.10.03.33].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học, quy trình KTĐG được thiết kế, tổ chức hoạt động có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và định kỳ được rà soát, đánh giá. Các hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ, đảm bảo đạt CĐR của học phần và của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm chuyên dụng để rà soát, kiểm tra việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu đối với bài thi theo hình thức tiểu luận, khóa luận của SV để đảm bảo tính khách quan, khoa học và độ tin cậy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập danh mục và kiểm soát chặt chẽ các bài tiểu luận, khóa luận, luận văn tốt nghiệp các khóa, vừa làm tài liệu tham khảo cho SV; vừa kiểm soát một phần tình trạng đạo văn, sao chép.	Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai công tác dự giờ và họp góp ý đánh giá hoạt động giảng dạy của GV. Duy trì và đa dạng hóa kênh thông tin phản hồi của NH về hoạt động dạy và học, hoạt động KTĐG. Trong đó có các kênh thông tin chính thức như fanpage của Khoa, ngành CTXH; tọa đàm SV;...hoặc thông qua Trợ lý CVHT và GV.	Phòng KT&BDCLGD, Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học.

Việc đăng ký và triển khai thực hiện đề tài NCKH hàng năm được thực hiện theo chủ trương của Nhà trường. Mỗi năm Khoa, ngành đều có cán bộ, SV tham gia đề tài khoa học các cấp [H10.10.04.01], [H10.10.04.02], [H10.10.04.03], [H10.10.04.04], [H10.10.04.05], [H10.10.04.06]. Mặc dù số lượng các đề tài NCKH các cấp không nhiều, tuy nhiên, số lượng các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế tương đối lớn [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.09], [H10.10.04.10], [H10.10.04.11], [H10.10.04.12],

[H10.10.04.13]. Trong đó, ngành CTXH là một trong số ít các ngành khoa học xã hội có số lượng bài viết đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus [H10.10.04.14] [H10.10.04.15].

Đặc biệt, năm 2018, Khoa đã đăng cai tổ chức một hội thảo quốc tế với chủ đề Toward advancement of social work profession in Vietnam: Role of policy - Education – Practice thu hút sự tham gia của nhiều chuyên gia đào tạo và thực hành về CTXH trong nước và quốc tế [H10.10.04.16]. Hội thảo là cơ hội để GV, SV ngành CTXH tham gia, học tập, tạo cơ hội để cải tiến nội dung và phương pháp dạy và học theo hướng thực hành, ứng dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển quốc tế về CTXH.

Ngoài ra, Khoa XHH&CTXH cũng đã cho ra một chuyên san nghiên cứu trên tạp chí KHCN Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.04.13]. Các dự án cộng đồng cũng là cơ hội để GV, SV tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm học tập, đổi mới phương pháp và qua đó nâng cao chất lượng dạy và học [H10.10.04.17].

Các chương trình hợp tác quốc tế trong giảng dạy và NCKH cũng là một ưu thế nổi trội của ngành CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH. Từ năm 2015 đến nay, Khoa XHH&CTXH, Bộ môn CTXH đã chủ trì, phối hợp thực hiện nhiều dự án HTQT về CTXH [H10.10.05.18], cụ thể:

(1) Năm 2012-2015: Chương trình thăng tiến giáo dục CTXH (gọi tắt là SWEEP) là một Dự án do Trường ĐH Bang San José (San José State University - SJSU) điều hành với sự tài trợ của cơ quan Hỗ trợ Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và công ty phần mềm Cisco. Dự án được thực hiện trong thời gian 3 năm (10/2012 đến 9/2015) và được triển khai ở 8 trường đại học Việt Nam đang đào tạo cử nhân ngành CTXH, trong đó có Trường ĐHKH, ĐHH. Mục đích của SWEEP là nhằm hỗ trợ 8 trường đại học, cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành CTXH với 4 mục tiêu chính là: (1) Tăng cường năng lực quản lý giáo dục cử nhân CTXH cho địa phương và khu vực; (2) Tăng cường năng lực chuyên môn cho GV dạy cử nhân CTXH; (3) Triển khai chương trình đào tạo cử nhân CTXH theo chuẩn kỹ năng; và (4) Tạo ra một mạng lưới kết nối 8 trường đại học với nhau và với Đại học bang San Jose.

(2) Năm 2015-2017: Chương trình Erasmus+ KA 107 International Mobility Programme do Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Diak, Phần Lan (Diaconia University of Applied Sciences) tài trợ với kinh phí của EU-granted Erasmus+ International Credit Mobility Programme. Mục đích của dự án này là nhằm nâng cao

năng lực cho GV và SV thông qua việc tham gia các hội thảo quốc tế và các chương trình trao đổi học tập ngắn hạn tại Phần Lan.

(3) Bắt đầu từ năm 2019: Tham gia trong mạng lưới dự án "Nâng cao chương trình can thiệp hỗ trợ cho người chăm sóc bệnh nhân Alzheimer và năng lực nghiên cứu về Sa sút trí tuệ tại Việt Nam" do Bệnh viện Lão khoa Trung ương kết hợp với Trường Đại học California Davis, Hoa Kỳ phối hợp và thực hiện. Mục đích của dự án là nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu về Sa sút trí tuệ (SSTT) của các nhà khoa học Việt Nam về các chủ đề khác nhau như dự phòng SSTT và suy giảm nhận thức, dịch tễ học, chẩn đoán và điều trị bệnh Alzheimer, các vấn đề liên quan đến hành vi và xã hội, người chăm sóc bệnh nhân SSTT. Trong khuôn khổ của dự án, đội ngũ GV sẽ có cơ hội được tham gia và thực hiện các đề tài nghiên cứu độc lập với sự hỗ trợ của các chuyên gia nước ngoài; đồng thời, tham gia các buổi tập huấn chuyên đề hay hội thảo khoa học quốc tế với các chủ đề liên quan đến sa sút trí tuệ, sức khỏe tâm thần và CTXH.

(4) Bắt đầu từ năm 2019: Trao đổi và liên kết hợp tác với các tập đoàn Phúc lợi xã hội (Yutaka Social Welfare Corporation) tại Nagoya, Nhật Bản nhằm tạo điều kiện cho SV ngành CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH được tham gia học các lớp kỹ năng hỗ trợ các đối tượng người khuyết tật, người cao tuổi; hợp tác đào tạo, xây dựng các CTĐT gắn với các đối tượng cụ thể. Đồng thời, thông qua chương trình hợp tác này, SV ngành CTXH sẽ có thêm cơ hội mới để được tuyển dụng và làm việc tại các tập đoàn Phúc lợi xã hội tại Nhật Bản trong thời gian tới.

(5) Năm 2019 – 2021: Bộ môn CTXH là thành viên trong mạng lưới dự án “Đổi mới toàn diện CTĐT dựa trên năng lực nhằm nâng cao giá trị cuộc sống ở Việt Nam và Nepal”. Mục tiêu của dự án: Xây dựng phòng thực hành và thư viện nhằm tạo điều kiện cho SV có cơ hội được thực tập và trải nghiệm học tập trong không gian hiện đại, đổi mới; Tổ chức các hội thảo trao đổi, đánh giá hoạt động của dự án và triển khai các khóa học chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho GV và SV trong CTĐT cử nhân ngành Điều dưỡng và CTXH tại hai trường Việt Nam và hai trường tại Nepal trong khuôn khổ dự án; Tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận giữa các đối tác trong khuôn khổ dự án nhằm xây dựng CTĐT tiên tiến và hướng tới việc hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực.

4.2. Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài, bài báo được sử dụng trong dạy và học theo nhiều cách khác nhau. Trong đó, phổ biến nhất là đưa các kết quả nghiên cứu cụ thể vào trong nội dung bài giảng. Cụ thể:

- Học phần sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội đã sử dụng kết quả nghiên cứu của GV Phạm Tiến Sỹ về sức khỏe tinh thần của trẻ vị thành niên trong các cơ sở trợ giúp xã hội [H10.10.04.18];

- Nghiên cứu sức khỏe tâm thần của trẻ em trong các cơ sở trợ giúp xã hội của GV Phạm Tiến Sỹ được đưa vào danh mục tài liệu tham khảo cho SV trong ĐCCT học phần [H10.10.04.19];

- Đề tài Nhu cầu giải trí của trẻ em tại cộng đồng của GV Trương Thị Xuân Nhi được khai thác có hiệu quả trong học phần Thực hành CTXH 1, CTXH với trẻ em [H10.10.04.20], [H10.10.04.18].

4.3. Có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Việc SV có cơ hội trải nghiệm, học tập tại cộng đồng và tham gia các seminar trong khuôn khổ các dự án NCKH và HTQT cũng là phương pháp hiệu quả để áp dụng các kết quả NCKH và HTQT vào giảng dạy. SV ngành CTXH được tham gia các dự án cộng đồng, seminar khoa học trong khuôn khổ dự án DVINE và các dự án trong chương trình hợp tác với Trường Đại học công nghệ Queensland, Úc [H10.10.04.21]. Qua đó, việc học không chỉ bó gọn trong không gian Nhà trường mà còn tạo cơ hội cho SV ngành CTXH tham gia trải nghiệm, nghiên cứu và học tập tại cộng đồng, giúp các em phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng tốt hơn CDR và đặc biệt là nhu cầu của nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Các kết quả và công trình nghiên cứu bám sát nội dung lý luận và thực tiễn của ngành học, làm cơ sở để gắn hoạt động dạy – học và NCKH. Các hoạt động HTQT về NCKH và thực hành CTXH đã góp phần vào việc tạo cơ hội học tập, nâng cao trình độ cho GV, cơ hội thực hành, thực tập cho SV, qua đó nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù GV và SV Khoa XHH&CTXH đã thực hiện nhiều đề tài NCKH có chất lượng, tuy nhiên số lượng các đề tài NCKH các cấp chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ, SV đăng ký tham gia đề tài các cấp. Có cơ chế khen thưởng, khuyến khích đối với những GV, SV có thành tích xuất sắc trong NCKH.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục mở rộng mạng lưới HTQT với các tổ chức, đơn vị, trường học trên thế giới. Lập danh mục, gửi thông báo về thông tin xếp hạng các tạp chí chuyên ngành uy tín; các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả dạy học và NCKH, Trường ĐHKH, ĐHH luôn quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản của Trường như: Quy định hoạt động ĐBCL của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.05.01]; Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến từ các BLQ phục vụ công tác ĐBCLGD [H06.06.04.17], [H06.06.04.16]; Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCLGD bên trong của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.05.02]. Theo đó, Nhà trường định kỳ triển khai khảo sát ý kiến cán bộ và NH về mức độ hài lòng tại Trung tâm TT&TV, CSVCL, hệ thống CNTT và các hoạt động

dịch vụ tiện ích. Nhờ vậy, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường được tiến hành khách quan, nhanh chóng và thuận lợi.

Để hỗ trợ cho SV nói chung và SV ngành CTXH nói riêng có điều kiện thuận lợi trong việc tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác, Trường ĐHKH, ĐHH đã cung cấp nhiều dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV như các phòng làm việc, phòng học, phòng máy tính, phòng thí nghiệm... Đáng lưu ý, hệ thống thông tin thư viện, nhà xe được nâng cấp đảm bảo nhu cầu an toàn, tiện ích và hỗ trợ tối đa cho NH [H10.10.05.03], [H10.10.05.04].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch định kỳ kiểm tra, thay thế, tu sửa và bổ sung kịp thời các trang thiết bị phục vụ dạy và học; điều chỉnh, bổ sung chức năng website của Trường, Khoa XHH&CTXH đặc biệt là Trang thông tin đào tạo đại học được nâng cấp, cải tiến, cập nhật thông tin liên tục, trở thành kênh thông tin hữu ích để trao đổi giữa Nhà trường, Khoa, phòng chức năng đến GV, SV và được SV đánh giá cao [H10.10.05.05], [H10.10.05.06].

5.2. Có thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ theo từng năm học và có báo cáo cụ thể [H10.10.05.05], [H10.10.05.06]. Nội dung khảo sát chất lượng dịch vụ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT được thực hiện thông qua: Khảo sát ý kiến của NH năm cuối về chất lượng toàn khóa học [H01.01.02.04], [H10.10.05.07], [H10.10.05.08], [H10.10.05.09], [H10.10.05.10], [H10.10.05.11]; Khảo sát cán bộ và NH về mức độ đáp ứng của CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H01.01.02.06], [H08.08.05.14], [H10.10.05.12], [H09.09.04.25]; Khảo sát mức độ hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.06], [H10.10.05.13]; Khảo sát bạn đọc về mức độ đáp ứng của Trung tâm TT&TV [H09.09.02.18], [H10.10.05.14], [H09.09.02.16].

- Đối với nội dung khảo sát về sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Trường ĐHKH, ĐHH, bao gồm cả điều kiện học tập; điều kiện sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe; công tác tư vấn, hỗ trợ, giám sát; công tác thực hiện chế độ, chính sách và công tác Đoàn – Hội – CLB... Đối tượng được khảo sát là toàn bộ SV Trường, trong đó

có ngành CTXH. Tỷ lệ hài lòng của SV đối với mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác ở mức trên 85%. Trong đó cao nhất là mức độ SV hài lòng với công tác thực hiện chế độ, chính sách với 98,86% ý kiến hài lòng. Tuy nhiên, NH vẫn đánh giá thấp nhất ở nội dung liên quan đến hệ thống CNTT, các phần mềm ứng dụng, mạng internet và dịch vụ trông giữ xe [H10.10.05.06].

- Đối với nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng nhu cầu của bạn đọc tại thư viện. Qua kết quả khảo sát ý kiến cho thấy, đa số bạn đọc cảm thấy hài lòng khi đến với thư viện của Nhà trường, cụ thể (ĐTB: 3,05, mức độ hài lòng: 88,80%). Phần lớn ý kiến bạn đọc cho rằng Trung tâm TT&TV có bảng nội quy, quy định cụ thể rõ ràng; nhân viên Trung tâm TT&TV thể hiện thái độ thân thiện với bạn đọc; Trung tâm TT&TV có quy định về thời gian mượn/trả tài liệu phục vụ bạn đọc hợp lý; các dịch vụ mượn/trả tài liệu tại chỗ đáp ứng nhu cầu phục vụ bạn đọc; Trung tâm TT&TV có quy định về số lượng mượn tài liệu hợp lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung bạn đọc chưa thực sự hài lòng [H10.10.05.05].

5.3. Có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Dựa trên những kết quả khảo sát trong các đợt khảo sát nhu cầu và mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường đã tiến hành những biện pháp nhằm cải thiện chất lượng. Cụ thể, Nhà trường đã đầu tư xây dựng nhà xe thông minh để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV, GV [H10.10.05.03]; đầu tư nhiều thiết bị phục vụ nâng cấp chất lượng hệ thống CNTT, các phần mềm ứng dụng, mạng internet như máy tính, bộ phát... [H10.10.05.15]; tăng cường đầu tư mua sắm sách và các trang thiết bị khác nhằm tăng chất lượng phục vụ của Trung tâm TT&TV [H10.10.05.16], [H10.10.05.17].

Đặc biệt, Bộ môn CTXH, Khoa XHH&CTXH được đầu tư xây dựng 3 phòng thực hành CTXH với nhiều trang thiết bị hiện đại như ipad, máy ảnh, máy in, máy tính, xe lăn, giường bệnh... phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của GV và SV, nhất là các học phần thực hành và nội dung thực hành trong các học phần chuyên ngành khác [H10.10.05.18]. Đây là một trong số ít những ngành khoa học xã hội được đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị dạy học hiện đại, phòng thực hành quy mô nhằm phục vụ mục đích giảng dạy và học tập.

Điểm khác biệt đặc trưng và cũng là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học cho SV ngành CTXH là xây dựng một mạng lưới liên kết với các tổ chức xã hội dân sự; các cơ sở trợ giúp xã hội; Sở Lao động, thương binh và xã hội các tỉnh, phòng Lao động, thương binh và xã hội, phòng CTXH các bệnh viện.... làm cơ sở cho SV thực hành, thực tập, nâng cao kỹ năng thực hành, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành mục tiêu CTĐT và CĐR [H10.10.05.19], [H10.10.05.20].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ĐHKH, ĐHH được đánh giá và cải tiến định kỳ. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tập trung nhiều cho thực hành của SV (có 3 phòng thực hành CTXH 1, 2, và 3), góp phần nâng cao năng lực thực tiễn, đáp ứng mục tiêu và CĐR.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã phủ sóng wifi toàn trường, tuy nhiên tốc độ truy cập mạng internet đôi lúc, đôi chỗ còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao tốc độ đường truyền để đảm bảo cho việc truy cập mạng internet diễn ra thuận lợi hơn.	Phòng KHTC&CSVC, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tối đa và có hiệu quả các phòng thực hành CTXH 1, 2 và 3 phục vụ giảng dạy và học tập. Thực hiện đánh giá nhu cầu và tiếp thu ý kiến phản hồi của SV theo định kỳ hàng năm.	Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

6.1. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

Trong kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học hằng năm của Trường ĐHKH, ĐHH đã đưa ra chủ trương, yêu cầu các đơn vị thực hiện việc tăng cường kết nối với doanh nghiệp tạo điều kiện cho SV thực tập thực tế và tăng cơ hội tìm kiếm việc làm. Phối hợp với các phòng chức năng triển khai thực hiện: xây dựng trang thông tin về cựu SV, cập nhật thông tin, kết nối liên lạc giữa các thế hệ cựu SV với Nhà trường; khảo sát tình hình có việc làm của SV tốt nghiệp các năm; khảo sát ý kiến nhà sử dụng lao động về chất lượng CTĐT [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác BDCLGD. Trong đó, nêu rõ 9 nội dung khảo sát; các đối tượng khảo sát (gồm nhà tuyển dụng, SV, cựu SV...), với các hình thức khảo sát đa dạng (gồm cả online, offline) dưới sự chủ trì của các phòng chức năng và sự phối hợp của các Khoa [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]. Một quy trình khảo sát chính chu được xây dựng theo mô hình P-D-C-A (Plan – Lên kế hoạch; Do – Thực hiện; Check – Rà soát, đánh giá; Act – Cải tiến) [H10.10.06.01].

Trên cơ sở chủ trương trên của Nhà trường, Khoa XHH&CTXH đã tiến hành những hoạt động cụ thể, bao gồm việc thu thập ý kiến, đánh giá của SV, cựu SV, nhà tuyển dụng... Các nội dung phản hồi chủ yếu tập trung vào mức độ đáp ứng về CSVC, tài liệu học tập, cơ chế quản lý; chất lượng đào tạo và đặc biệt chú trọng đến việc đánh giá mức độ đáp ứng của SV đối với yêu cầu của nhà tuyển dụng sau khi ra trường [H10.10.06.03] [H10.10.06.04] [H10.10.06.05]. Các kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, viết báo cáo trình Hiệu trưởng, làm cơ sở để cải tiến CTDH và chất lượng giáo dục [H10.10.06.03], [H10.10.06.04] [H10.10.06.05], [H01.01.02.04], [H01.01.02.05].

6.2. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá.

Cơ chế phản hồi của các BLQ luôn được Nhà trường rà soát, đánh giá định kỳ. Trong quá trình thực hiện thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ, Nhà trường đã tiến hành rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp phù hợp hơn với từng đối tượng và nội dung lấy ý kiến. Trước năm 2021, các khảo sát được thực hiện dựa trên các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHH, nội dung, quy trình, công cụ được tham khảo từ sổ tay ĐBCL của ĐHH, các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ GD&ĐT và được thể hiện ở các công văn, kế hoạch triển khai từng khảo sát. Năm 2021, Trường đã rà soát, tập hợp và ban

hành Quy định về khảo sát ý kiến các BLQ phục vụ công tác BĐCLGD bên trong Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.06.06], nhằm chuẩn hóa công tác này từ nội dung, quy trình và công cụ. Đến năm 2022, Nhà trường đã đánh giá cơ chế phản hồi, rút kinh nghiệm các tồn tại qua các đợt để đưa ra quy trình và công cụ mới phù hợp hơn với xu thế hiện đại và đối tượng phản hồi [H10.10.06.07].

6.3. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến.

Từ năm 2021 đến năm 2022, Nhà trường đã tiến hành cải tiến nhất định trong cơ chế phản hồi của các BLQ [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]. Theo đó, cơ chế phản hồi của các BLQ được cải tiến cả về nội dung lẫn hình thức, đảm bảo tính đa dạng. Kể từ năm 2022, quy định nội dung khảo sát từ 9 nội dung năm 2021 đã tăng lên thành 13 nội dung cơ bản. Các nội dung khảo sát được bổ sung năm 2022 bao gồm khảo sát mức độ hài lòng của NH về các dịch vụ và tiện ích; về xây dựng chiến lược phát triển Trường; khảo sát hoạt động NCKH và HTQT; khảo sát các BLQ phục vụ công tác xây dựng và điều chỉnh, cập nhật CTĐT. Quy định năm 2022 cũng quy định rõ về việc Bảng hỏi khảo sát cần được bổ sung, chỉnh sửa hàng năm cho phù hợp. Ngoài quy định về cách tính điểm trung bình, năm 2022 Nhà trường còn nêu rõ việc xác định mức độ hài lòng bằng tỉ lệ phản hồi đồng ý và không đồng ý trên tổng số phản hồi. Công cụ khảo sát cũng được nâng cấp hiện đại, Nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm khảo sát các BLQ (<http://khaosat.husc.edu.vn>). Như vậy, quy định năm 2022 đã có những điều chỉnh theo hướng chặt chẽ và phù hợp hơn [H10.10.06.02].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ được xây dựng và cải tiến phù hợp, quy trình rõ ràng; nội dung, đối tượng và hình thức phản hồi của các BLQ đảm bảo tính đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng của SVTN còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần có biện pháp hợp lý nhằm nâng cao tỉ lệ phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng của SVTN và CTĐT.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025

Tiêu chí 10.1					x			5.00	6	100.00
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống BDCLGD của Trường ĐHKH, ĐHH. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã thực hiện giám sát việc đạt CDR thông qua các hoạt động như tổ chức thống kê tỉ lệ SVTN, thời gian hoàn thành chương trình học tập, tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN có việc làm...

Các hoạt động NCKH của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT theo các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường, được lên kế hoạch cụ thể và khuyến khích thực hiện hằng năm.

Trường ĐHKH, ĐHH đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ. Đây là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống BDCLGD bên trong của Nhà trường.

Nhằm BDCL CTĐT và CDR, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những giải pháp quan trọng của Khoa XHH&CTXH và Nhà trường nhằm thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Những vấn đề mà Khoa và Nhà trường quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm: tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SVTN có việc làm sau khi tốt nghiệp, các hoạt động NCKH của SV và mức độ hài lòng của các BLQ.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm.

Theo quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, Phòng ĐTĐH&CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ phân tích và thống kê tỉ lệ SV thôi học,

tốt nghiệp để làm cơ sở cho việc điều hành kế hoạch đào tạo [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Theo đó, hằng năm, dựa vào bảng thống kê của Nhà trường, Khoa XHH&CTXH lập bảng dự đoán tỉ lệ SVTN và SV thôi học và học lại - thi lại của ngành CTXH như sau:

Bảng 11.1.1. Dự đoán số lượng SVTN, thôi học và học lại - thi lại trong giai đoạn 2019 - 2023

Năm học	Số lượng tuyển sinh	Dự đoán SVTN	Dự đoán SV thôi học và học lại - thi lại
2019-2020	151	106	45
2020-2021	98	69	29
2021-2022	139	97	42
2022-2023	66	46	20

Dựa vào bảng 11.1.1, trong những năm qua, Khoa chuyên môn nắm được tình hình chung của SV, tăng cường công tác hỗ trợ SV nhằm đảm bảo tỉ lệ SVTN đúng hạn. Bên cạnh đó, dựa vào danh sách SVTN và SV chưa tốt nghiệp được Phòng ĐTDH&CTSV xác lập và cập nhật hằng năm [H11.11.01.03], Khoa chuyên môn cũng đã kịp thời nắm bắt thông tin cụ thể của từng SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Qua đó, Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn và đặc biệt là CVHT đã tiến hành hỗ trợ SV hoàn thành CTĐT tốt nhất có thể.

1.2. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát.

Hàng năm, trên cơ sở KQHT tích lũy của SV, Phòng ĐTDH&CTSV lập cảnh báo học vụ và thông báo đến khoa quản lý chuyên môn và SV biết để có kế hoạch cải thiện KQHT, nếu không sẽ bị thôi học theo quy định [H11.11.01.04]. Việc thống kê, giám sát tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SVTN đã giúp cho Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH nắm bắt được tình trạng theo học cũng như tình trạng tốt nghiệp của SV ngành CTXH [H11.11.01.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa có những hoạt động cụ thể nhằm hạn chế tình trạng SV thôi học cũng như nâng cao tỉ lệ SVTN đúng hạn.

Phòng ĐTDH&CTSV luôn phối hợp chặt chẽ với Khoa XHH&CTXH nhằm triển khai kế hoạch công tác tốt nghiệp đại học được thực hiện đúng tiến độ đảm bảo kế hoạch đào tạo [H11.11.01.06]. Bên cạnh đó, Phòng cũng đã triển khai các thông báo về việc tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp định kỳ cho SV, cũng như thông báo kết quả rà soát đủ điều kiện tốt nghiệp để SV kịp thời nắm bắt thông tin [H11.11.01.07],

[H11.11.01.08]. Hằng năm, Khoa tổ chức chương trình Đối thoại SV nhằm trao đổi và giải đáp các thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập. Thông qua các buổi đối thoại SV, CVHT đã hướng dẫn cụ thể về việc rà soát đầy đủ các tín chỉ tích lũy các học phần theo khung CTĐT, cũng như hướng dẫn SV hoàn thiện sớm các chứng chỉ bắt buộc như Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Ngoại ngữ không chuyên để có thể ra trường sớm hoặc đúng hạn [H11.11.02.07].

1.3. Đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.

Hằng năm, dựa vào bảng thống tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp của Nhà trường tiến hành thực hiện việc thống kê tỉ lệ SVTN của ngành CTXH qua các năm học [H11.11.02.05]; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tất cả các CTĐT [H11.11.01.04]; tỉ lệ học lại, thi lại môn học/học phần [H11.11.01.09] nhằm làm cơ sở đánh giá hay đối sánh tiến tới cải tiến chất lượng đào tạo.

Bảng 11.1.2. Tỉ lệ (%) SVTN trong giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Tỉ lệ SVTN (%)
2018	69,63
2019	67,55
2020	71,43
2021	46,76
2022	43,94

Dựa vào bảng 11.1.2, Khoa chuyên môn nắm được tỉ lệ SVTN dao động hằng năm. Trong giai đoạn 2018 - 2020, tỉ lệ SVTN đúng hạn chiếm tỉ lệ khá cao (trên 67%). Tuy nhiên, giai đoạn 2021-2022, tỉ lệ SVTN đúng hạn tương đối thấp và chỉ dao động trong khoảng từ 43% đến 46%. Trước tình hình này, Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn và đặc biệt là CVHT đã tiến hành tìm hiểu lý do SV không thể hoàn thành CTĐT đúng hạn. Qua quá trình tìm hiểu thực tiễn, có thể thấy rằng, một trong những lý do quan trọng khiến SV không tốt nghiệp đúng hạn là do thiếu chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên. Thực tế giảng dạy học phần Ngoại ngữ chuyên ngành đã cho thấy, SV ngành CTXH gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại khi học Tiếng Anh. Ngoài ra, SV ngành CTXH sau một

thời gian học tập tại Khoa, do nhu cầu được chuyển ngành học, nên đã làm đơn xin thôi học [H11.11.01.10]. Tỷ lệ SV ngành CTXH thôi học chiếm tỉ lệ rất thấp. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, chỉ có 1 SV thôi học do nhu cầu cá nhân [H11.11.01.11].

Việc thống kê, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học và tốt nghiệp của SV đã giúp cho Nhà trường và Khoa chuyên môn nắm bắt được tình trạng theo học cũng như tình trạng tốt nghiệp của SV ngành CTXH. Trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa có những hoạt động cụ thể nhằm hạn chế tình trạng SV bị thôi học cũng như nâng cao tỉ lệ SVTN. Cụ thể, Phòng ĐTĐH&CTSV đã tổ chức gặp các SV và gia đình SV bị cảnh báo học tập để tìm hiểu nguyên nhân và tư vấn cho gia đình SV trong việc hỗ trợ SV cải thiện KQHT. Các CVHT của Khoa căn cứ vào KQHT để tư vấn cho SV đăng ký số lượng tín chỉ phù hợp cho từng kỳ học, tư vấn về phương pháp học tập, cách tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các tài liệu tham khảo để nâng cao KQHT. Bên cạnh đó, tại các buổi sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng, CVHT cũng thường xuyên nhắc nhở SV chủ động hoàn thành sớm các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.01.12].

2. Điểm mạnh

Khoa XHH&CTXH luôn tích cực và chủ động phối hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường để theo dõi, giám sát và hỗ trợ SV một cách kịp thời. Điều này đã giúp cho SV có thể tốt nghiệp đúng hạn. Vai trò của CVHT được phát huy hiệu quả trong việc cập nhật tình hình NH và kịp thời có các biện pháp tư vấn phù hợp. Những thông tin về cảnh báo học vụ, quyết định buộc thôi học luôn được cập nhật đầy đủ trên phần mềm hệ thống trang tin chỉ của Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa XHH&CTXH chỉ mới thống kê được các thông số về tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SVTN, nhưng chưa có những quy trình hay biện pháp cụ thể nhằm thuyết phục các SV này quay trở lại Trường hoặc đề ra các chương trình hành động nhằm gia tăng tỉ lệ SVTN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường hơn nữa các hoạt động tư vấn về ngành/nghề mà SV đang theo học nhằm khơi gợi niềm yêu thích ngành học cho SV. Bên cạnh đó, để SV có thể tốt nghiệp đúng hạn, cần tăng cường hơn nữa hoạt động hỗ trợ nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV nhằm giúp cho SV đạt được chứng chỉ ngoại ngữ không chuyên, đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, CVHT theo dõi sát tiến độ học tập của NH để kịp thời tư vấn hỗ trợ cho NH hoàn thành tích lũy đủ tổng số tín chỉ và hoàn thành các chứng chỉ bắt buộc đúng hạn	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành CTXH. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV, cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và Lãnh đạo Trường, nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học	Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BDCLGD, Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá.

Kể từ năm 2012, Trường bắt đầu thực hiện đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ [H11.11.02.01]. Theo đó, SV có thể học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhiều SV có thể tốt nghiệp chỉ với 3,5 năm theo học tại Trường. CVHT qua các buổi họp lớp định kỳ, cũng được giao nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các biện

pháp để giúp NH rút ngắn thời gian học tập [H11.11.01.12]. Một số nguyên nhân khiến NH chưa hoàn thành khóa học đúng thời hạn quy định là chưa đạt các yêu cầu CDR về ngoại ngữ, tin học hay kỹ năng mềm. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã cung cấp cho NH đầy đủ các văn bản liên quan đến quy chế đào tạo. Cụ thể là Nhà trường đã ban hành Sổ tay SV để NH có thể chủ động việc học của mình [H05.05.02.04].

Theo quyết định về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường ĐHKH, ĐHH, Phòng ĐTDH&CTSV là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp của người học, trong đó có SV ngành CTXH [H11.11.02.02]. Theo đó, Phòng ĐTDH&CTSV triển khai các thông báo liên quan đến các đợt xét tốt nghiệp định kỳ (3 đợt/năm) cho SV [H11.11.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đều tiến hành tổ chức học kỳ hè và thông báo rộng rãi trên Trang thông tin đào tạo đại học nhằm tạo điều kiện cho SV có thể học vượt hoặc cải thiện một số học phần [H11.11.02.03], [H11.11.02.04]. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể kịp thời nắm bắt thông tin, rút ngắn được thời gian học tập và tốt nghiệp trước thời hạn ngay khi đủ điều kiện. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ, CVHT đã hỗ trợ và hướng dẫn tận tình cho SV liên quan đến việc đăng ký học vượt các học phần trong khung CTĐT, nên một số SV có thể tốt nghiệp chỉ với 3,5 năm theo học tại Trường. Theo bản đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH giai đoạn 2017-2022, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CTXH được xác định là trên 4 năm [H11.11.02.05].

2.2. Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập.

Hàng năm, Phòng ĐTDH&CTSV tiến hành xác định danh sách SV đủ điều kiện tốt nghiệp đúng thời hạn để chuẩn bị các thủ tục rà soát điều kiện tốt nghiệp của SV vào tháng 5 và tổ chức trao bằng tốt nghiệp vào tháng 6 theo đúng kế hoạch đào tạo [H11.11.01.06]. Kết quả xét tốt nghiệp cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CTXH là từ 4.0 đến 4.3 năm. Theo kết quả rà soát điều kiện tốt nghiệp, nguyên nhân của việc kéo dài thời gian tốt nghiệp của SV so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành CTXH là do một số SV chưa hoàn thành các chứng chỉ bắt buộc như chứng chỉ tiếng Anh B1, chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ quốc phòng an ninh hoặc chưa hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định của CTĐT [H11.11.01.08]. Các nguyên nhân này

đã làm cho thời gian tốt nghiệp của các SV này kéo dài hơn so với thời gian thiết kế của CTĐT.

2.3. Có tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nắm bắt được tình trạng kéo dài thời gian tốt nghiệp và nguyên nhân dẫn đến việc phải kéo dài thời gian tốt nghiệp của SV ngành CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH đã thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức các lớp học lại, học cải thiện điểm dành cho SV vào học kỳ hè để giúp SV nhanh chóng đủ điều kiện tốt nghiệp [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.06]. Trong suốt quá trình học, thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ, CVHT đã thường xuyên nhắc SV chủ động hoàn thành sớm các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp từ đó rút ngắn được thời gian tốt nghiệp [H11.11.01.12]. Trong các buổi đối thoại SV, CVHT của Khoa cũng đã thực hiện tư vấn cho SV về phương pháp học tập, cách tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các tài liệu tham khảo để nâng cao KQHT nhằm tránh kéo dài thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.07].

Nhà trường và Phòng ĐTDH&CTSV đã tổ chức các cuộc họp nhằm tổng kết, đánh giá tình hình tốt nghiệp của NH nhằm đưa ra những biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian và tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.08], [H11.11.02.09], [H11.11.02.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã bước đầu thực hiện đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ở tất cả các CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.02.05].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng được quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của NH đối với SV ngành CTXH. CVHT, trợ lý CTSV&BDCLGD, Bộ môn và Khoa luôn kịp thời hỗ trợ NH trong các tình huống chậm tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa XHH&CTXH và Trường chưa có những biện pháp quyết liệt và hiệu quả nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CTXH cũng như chưa tiến hành đối sánh với các trường khác để cải thiện vấn đề này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CTXH của Trường với các trường khác nhằm giúp cải thiện thông số thời gian tốt nghiệp trung bình của NH; Xây dựng quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CTXH. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT, trợ lý CTSV&BDCLGD Khoa trong việc theo dõi và hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa XHH&CTXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có bộ phận/quy trình thống kê/lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá.

Công tác đào tạo luôn đặt mục tiêu là đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ hiện nay. Đây là một trong những sứ mệnh quan trọng của Trường ĐHKH, ĐHH đối với xã hội. Mục tiêu này được kiểm chứng thông qua tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Theo sự phân công nhiệm vụ của Trường ĐHKH, ĐHH, Phòng KT&BDCLGD có chức năng và nhiệm vụ làm đầu mối triển khai kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SVTN sau 12 tháng, lập dự trù kinh phí, tổng hợp, xử lý kết quả, báo cáo kết quả gửi Nhà trường, Phòng ĐTĐH&CTSV có chức năng cung cấp danh sách và các thông tin liên quan đến SVTN cần khảo sát [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03]. Theo đó, Hàng năm, Phòng KT&BDCLGD kết hợp với CVHT của các lớp SVTN sau 1 năm ra trường thực hiện việc khảo sát về tình hình việc làm của SVTN thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến của Nhà trường [H11.11.03.04].

3.2. Có số liệu tin cậy về tỉ lệ NH có việc làm trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

Theo kết quả khảo sát kết quả tình hình việc làm của SVTN, tỉ lệ SVTN ngành CTXH có việc làm chiếm tỉ lệ trên 55% trong 5 năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 [H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Các con số thống kê cụ thể trong từng năm học được thể hiện rõ nét qua bảng 11.3.1 như sau:

Bảng 11.3.1 Thống kê tình hình việc làm SVTN của ngành CTXH

Năm SVTN	Tổng số SVTN được khảo sát	Tổng số SVTN có phản hồi	Tình trạng việc làm			Tỉ lệ SVTN có việc làm (%)
			SL SVTN có việc làm	SL SVTN đang học cao học	SL SVTN chưa có việc làm	
2018	83	60	43	3	14	76,67
2019	98	79	49	5	25	68,35
2020	71	58	27	5	26	55,17
2021	73	70	42	1	27	61,43
2022	42	35	27	0	8	77,14

Theo kết quả khảo sát qua các năm cho thấy, SVTN ngành CTXH tìm được việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp (71,93%). Trong đó, trước khi tốt nghiệp chiếm 23,92% và từ 0-6 tháng sau khi tốt nghiệp chiếm 48,01%. Tỉ lệ kiếm được việc sau 12 tháng tốt nghiệp chỉ chiếm 7,25% [H11.11.03.05].

Đối sánh tỉ lệ SVTN ngành CTXH có việc làm qua các năm cho thấy, tỉ lệ này có xu hướng giảm từ 2018-2020 và tăng từ 2020-2022. Tỉ lệ SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo có xu hướng biến động tăng trong 5 năm, từ 20,00% năm 2018 lên 31,43% năm 2022. Tỉ lệ SVTN ra trường có việc làm trái ngành có xu hướng giảm từ 43,33% xuống còn 14,29% năm 2022. Đối sánh tỉ lệ SVTN ra trường có việc làm và việc làm đúng ngành của năm 2018 và 2022 cho thấy, cùng một tỉ lệ có việc làm (77%) thì tỉ lệ SVTN ngành CTXH ra trường có việc làm đúng ngành và liên quan đến ngành có sự gia tăng đáng kể (từ 28,33% □ 62,86%). SVTN ngành CTXH có tỉ lệ làm đúng ngành thấp so với mặt bằng chung của Nhà trường từ 2018 - 2021, và cao hơn vào năm 2022.

3.3. Tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong CSGD với cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế.

Định kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh tỉ lệ NHTN có việc làm giữa các CTĐT trong Trường [H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Kết quả đối sánh hằng năm giữa ngành CTXH với các CTĐT khác trong Trường qua các năm cho thấy, vị trí đối sánh của

SVTN ngành CTXH lần lượt là: 20/24 (SVTN2018), 21/24 (SVTN2019), 24/24 (SVTN2020), 22/24 (SVTN2021) và 13/19 (SVTN2022).

3.4. Tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục; thực hiện các phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm.

Để SV ngành CTXH nói riêng và SV toàn Trường nói chung có cơ hội tiếp xúc các đơn vị tuyển dụng và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa XHH&CTXH đã thực hiện một số giải pháp nhằm hỗ trợ và nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho SV ngay khi đang được đào tạo trong Nhà trường. Cụ thể, Nhà trường đẩy mạnh phát triển mạng lưới quan hệ hợp tác với doanh nghiệp cụ thể như: mời doanh nghiệp tham gia các chương trình đồng hành cùng NH để chia sẻ kiến thức thực tế về ngành nghề được đào tạo, tổ chức ngày hội việc làm hàng năm để tạo điều kiện NH năm cuối gặp gỡ trực tiếp các nhà tuyển dụng để tăng khả năng tìm kiếm việc làm của NH, mời đại diện doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các chuyên gia... về chia sẻ kinh nghiệm. Các thông tin về việc tổ chức ngày hội việc làm này được Trường và Khoa thông báo rộng rãi trên website của Nhà trường và của Khoa để cho toàn thể SV và các cựu SV nắm bắt được thông tin [H11.11.03.07]. Đặc biệt, Trường còn mở ra một fanpage về Cổng thông tin việc làm - Trường ĐHKH, ĐHH để thông tin và kết nối các doanh nghiệp tuyển dụng bên ngoài với các SV trong Trường, hỗ trợ SV trong việc tiếp nhận thông tin về tuyển dụng cũng như thông báo các sự kiện hội thảo liên quan đến nghề nghiệp [H11.11.03.08].

Về phía Khoa và Bộ môn cũng thường xuyên đăng tải những thông tin tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp, cơ sở/trung tâm xã hội là các đối tác của Khoa nhằm giúp cho SV có cơ hội tiếp cận gần hơn với thông tin việc làm của ngành học [H11.11.03.09]. Ban chủ nhiệm Khoa và Bộ môn CTXH cũng đã tăng cường kết nối và mở rộng mạng lưới với các nhà tuyển dụng cả trong và ngoài tỉnh, thành phố. Cụ thể:

- Bộ môn CTXH đã kết nối với các doanh nghiệp, cơ sở, trung tâm xã hội tại các tỉnh, thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh để tăng cường cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

- Năm 2022, Bộ môn CTXH đã phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hoà nhập Tường Minh để tổ chức chương trình "Nhà tuyển dụng và SV CTXH" nhằm giúp cho SV ngành CTXH có cơ hội tiếp cận gần hơn với nhà tuyển dụng [H11.11.03.10].

- Ngoài ra, trong những năm qua, Bộ môn CTXH cũng đã rất nỗ lực mở rộng mạng lưới HTQT với các quốc gia trong khu vực để NHTN có cơ hội được làm việc ở các nước phát triển, cụ thể là Nhật Bản. Kể từ năm 2019, Bộ môn CTXH đã trao đổi và liên kết hợp tác với các tập đoàn Phúc Lợi xã hội (Yutaka Social Welfare Corporation) tại Nagoya, Nhật Bản nhằm tạo điều kiện cho SV ngành CTXH có cơ hội được tuyển dụng và làm việc tại các tập đoàn Phúc lợi xã hội tại Nhật Bản. Với nỗ lực hợp tác này, trong những năm qua, nhiều SV ngành CTXH đã được tuyển dụng làm việc tại các tập đoàn Phúc Lợi xã hội, Nhật Bản [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã thực hiện theo dõi và giám sát tỉ lệ SVTN ngành CTXH có việc làm một cách thường xuyên. Ngoài ra, CTĐT ngành CTXH được cập nhật định kỳ nhằm hướng đến ngày càng gần với thực tế hơn.

3. Điểm tồn tại

Chưa tiến hành đối sánh về tỉ lệ SV ngành CTXH có việc làm sau tốt nghiệp với các trường khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thực hiện việc đối sánh việc làm của SVTN với các trường khác.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát tình hình việc làm của SVTN một cách định kỳ. Đồng thời, tăng cường các hoạt động kết nối với các nhà tuyển dụng để định hướng nghề nghiệp và mở rộng cơ hội việc làm cho SV.	Phòng ĐTDH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD, Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập.

Phòng KHCN&HTQT đã ban hành Quy định về đăng ký, xét chọn và quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở (Trường ĐHKH, ĐHH) và đề tài NCKH SV [H11.11.04.01]. Trong đó nhấn mạnh các tiêu chuẩn về SV NCKH, nội dung nghiên cứu và quy trình thực hiện các đề tài khoa học. Dựa trên các văn bản của Nhà trường, Khoa XHH&CTXH tiến hành tổ chức xét chọn SV đủ tiêu chuẩn đảm nhận các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn và năng lực của SV. Từ những kết quả đề xuất của Khoa chuyên môn, phòng chức năng tiến hành xét tuyển và thông báo kết quả xét chọn đề tài NCKH SV cấp cơ sở từng năm [H11.11.04.02], [H11.11.04.03].

4.2. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát.

Căn cứ vào đề tài nghiên cứu của SV đề xuất, Khoa XHH&CTXH tiến hành phân công GV hướng dẫn để hỗ trợ theo dõi và giám sát quá trình SV thực hiện đề tài [H11.11.04.04]. Do đó, SV ngành CTXH đều hoàn thành các công trình NCKH đúng hạn và đạt kết quả khá, tốt [H11.11.04.05].

4.3. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH.

Khoa XHH&CTXH thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học, bàn thảo các vấn đề nêu trong các đề tài NCKH của SV và HVCH. Từ kết quả thảo luận trong các buổi tọa đàm, NH đánh giá được chất lượng nghiên cứu để không ngừng cải tiến nâng cao hoạt động NCKH và hoạt động nghề nghiệp của bản thân [H11.11.04.06].

Dựa trên kế hoạch thực hiện đề tài NCKH do Phòng KHCN&HTQT thông báo, trợ lý TC&NCKH của Khoa XHH&CTXH thành lập Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện của các đề tài, trên cơ sở đó đảm bảo cho các đề tài NCKH của SV được thực hiện đúng theo kế hoạch đã đặt ra trong báo cáo thuyết minh đề tài và đạt được chất lượng theo yêu cầu [H11.11.04.07], [H08.08.04.31], [H08.08.04.32], [H10.10.04.01].

4.4. Có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau.

Đối sánh hoạt động NCKH của SV ngành CTXH với các ngành khoa học xã hội tại Trường ĐHKH cho thấy:

Bảng 11.4.1. Đối sánh hoạt động NCKH của SV ngành CTXH
với các ngành khoa học xã hội của Trường

Các Ngành Khoa học xã hội	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Số lượng	Kết quả nghiệm thu	Số lượng	Kết quả nghiệm thu	Số lượng	Kết quả nghiệm thu
Công tác xã hội	2	Tốt	1	Khá	1	Khá
			1	Đạt		
Xã hội học	2	Khá	1	Tốt	0	
Văn	1	Tốt	2	Tốt	1	Tốt
	2	Khá	1	Khá	1	Đạt
Báo chí	2	Khá	2	Tốt	1	Tốt
Lịch sử	1	Khá	2	Tốt	1	Khá
	1	Tốt			1	Khá
Triết học	1	Khá	0		1	Tốt
	1	Tốt				

Dựa vào bảng 11.4.1 có thể thấy rằng, hằng năm, SV ngành CTXH luôn đăng ký thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn. So sánh với các ngành khoa học xã hội khác trong Nhà trường, số lượng đăng ký thực hiện NCKH của SV ngành CTXH luôn được đảm bảo theo chỉ tiêu đề ra. Các đề tài đăng ký đều được nghiệm thu đúng thời hạn và đa phần đạt mức khá trở lên.

4.5. Có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

Trong những năm qua, Nhà trường luôn nỗ lực đầu tư và khuyến khích hoạt động NCKH của NH. Phòng KHCN&HTQT luôn triển khai kịp thời các thông báo đề xuất các nhiệm vụ cấp cơ sở và SV NCKH hàng năm [H11.11.04.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tăng mức hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH của SV trong quy chế chi tiêu nội bộ [H11.11.04.09].

Bảng 11.4.1. Thống kê kinh phí thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở

Năm thực hiện	2019	2020	2021	2024
Kinh phí (VNĐ)	5.000.000	5.000.000	6.000.000	7.000.000

(Nguồn: Trường ĐHKH, ĐHH)

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả NH. Khoa XHH&CTXH đã tiến hành cử các cố vấn khoa học là các GV có nhiều kinh nghiệm và nhiệt huyết với NCKH để hỗ trợ cho hoạt động NCKH của SV.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, hoạt động NCKH của Khoa chưa thật sự thu hút SV tham gia, nhất là tham gia thực hiện các đề tài khoa học, các hội thảo khoa học SV. SV chưa thật sự coi NCKH là nhiệm vụ học tập trong chương trình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung các quy định mới phù hợp và điều chỉnh các quy định cũ liên quan đến quyền lợi NCKH của SV hấp dẫn hơn nhằm thu hút và khuyến khích SV đăng ký và tham gia NCKH.	Phòng KHCN&HTQT	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH của SV, đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn hoạt động NCKH nhằm khơi gợi cho SV niềm đam mê NCKH và xem hoạt động này vừa là nhiệm vụ bắt buộc và vừa có quyền lợi.	Phòng KHCN&HTQT Khoa XHH&CTXH	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,...

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường tiến hành thống kê, phân tích và đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ thông qua các phiếu khảo sát [H11.11.05.01], [H06.06.04.16], [H06.06.04.17]. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để Trường và Khoa có những điều chỉnh thiết thực trong CTĐT, NCKH, CSVC, các dịch vụ hỗ trợ người dạy và học.

Nhà trường và Khoa tổ chức các đợt thăm dò ý kiến của GV, SV, SVTN về CTĐT, CSVC, trang thiết bị dạy học với kết quả hài lòng cao [H01.01.02.04], [H01.01.02.05]. Cụ thể, năm học 2022-2023, ý kiến của NH năm cuối về chất lượng đào tạo đạt điểm trung bình là 3,18 ở mức Khá.

Bảng 11.5.1. Ý kiến của NH năm cuối ngành CTXH về chất lượng đào tạo năm học 2022-2023

Năm học	CTĐT	Hoạt động đào tạo	Hoạt động QL&DVĐT	CSVC	Thư viện	Cảm nhận chung	ĐTB
2022-2023	3,23	3,18	3,18	3,06	3,18	3,24	3,18

Nguồn: [H01.01.02.04]

Hằng năm, Khoa XHH&CTXH có một số lượng lớn SV đi thực hành CTXH 1, CTXH 2 (SV năm 2), thực tập viết niên luận (SV năm 3) và thực tập tốt nghiệp (SV năm 4) tại các cơ sở, trung tâm xã hội, UBND phường, xã trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Với các học phần thực hành, thực tập thực tế, SV đã có cơ hội tiếp xúc và làm việc trong môi trường thực tế. Điều này đã góp phần giúp cho SV từng bước tích lũy kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành và các cơ sở tuyển dụng đánh giá khá cao về mức độ hài lòng SVTN ngành CTXH. Qua các kết quả khảo sát, cho thấy đa phần các cơ sở đều đánh giá cao năng lực của SV [H11.11.05.02].

5.2. *Mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong và ngoài CSGD.*

Kết quả khảo sát của các năm học cho thấy, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng, cán bộ, GV trong Nhà trường, SV và cựu SV về CTĐT ngành CTXH về CTĐT, CSVC, dịch vụ hỗ trợ dạy và học có những tiến triển rất tích cực, năm sau tăng hơn năm trước [H11.11.05.02]. Kết quả này phản ánh sự cải tiến các điều kiện dành cho công tác đào tạo, NCKH, các CSVC, dịch vụ hỗ trợ trong Khoa và Nhà trường không ngừng được đầu tư và quan tâm theo từng năm.

Mức độ hài lòng của các BLQ được đối sánh trong chu kỳ đánh giá nhằm nắm bắt một cách toàn diện hơn về các mặt hoạt động của CTĐT và Nhà trường qua các năm, từ đó đưa ra các kế hoạch cải tiến, nâng cấp hơn trong các hoạt động. Công tác đối sánh được thực hiện trong các báo cáo khảo sát giai đoạn của Nhà trường và của ngành CTXH, cụ thể:

- Đối với cán bộ: Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của GV về CTĐT ngành CTXH giai đoạn từ 2018 – 2022 [H10.10.01.10]. Theo đó, GV đánh giá về CTĐT rất cao, có 88,03% GV đồng ý với chất lượng của CTĐT, mức độ hài lòng này có xu hướng giảm từ 92,80% năm 2021 xuống còn 84,72% năm 2023. Ngoài ra, Phòng KT&BĐCLGD của Trường cũng đã thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H01.01.02.06]. Kết quả cho thấy cán bộ ngành CTXH có mức độ hài lòng với công tác này đạt 67,60%, có xu hướng tăng từ 64,34% năm 2021 lên 70,85% năm 2023. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chính sách thi đua khen thưởng [H07.07.05.34], kết quả khảo sát cho thấy trên 90% CB Khoa XHH&CTXH phản hồi hài lòng 84,72% về nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và 73,61% hài lòng về công tác thi đua khen thưởng.

- Đối với NH: Hàng năm, Nhà trường đề ra kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H03.03.02.01]. Kết quả khảo sát cho thấy: giai đoạn 2019-2023, mức độ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV chiếm 85,33%, mức độ này có xu hướng ổn định qua các năm. Bên cạnh đó, Phòng KT&BĐCLGD cũng tiến hành khảo sát SV năm cuối về mức độ hài lòng đối với CTĐT [H01.01.02.04]. Kết quả khảo sát giai đoạn 2019-2023 cho thấy, NH hài lòng với chất lượng đào tạo của Nhà trường chiếm 90,52%, mức độ hài lòng có xu hướng ổn định qua

các năm. Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát ý kiến NH về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H01.01.02.06]. Theo đó, trong giai đoạn 2019-2023, mức độ hài lòng chung đạt 85,69%, mức độ hài lòng có xu hướng giảm từ 88,37% năm 2021 xuống còn 67,60% năm 2023. Ngoài ra, Phòng KT&BDCLGD còn tiến hành khảo sát ý kiến của bạn đọc ngành CTXH về mức độ đáp ứng nhu cầu tại Trung tâm TT&TV [H09.09.02.18]. Thống kê giai đoạn 2019-2023 cho thấy: mức độ hài lòng đạt 88,80%, đối sánh qua các năm có xu hướng tăng từ 87,27% lên 90,33%.

- Đối với cựu SV: Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SVTN ngành CTXH về CTĐT [H01.01.02.05]. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% SVTN có khả năng đáp ứng hoặc đáp ứng 1 phần yêu cầu công việc. Có 88,46% SVTN hài lòng về chất lượng CTĐT. Để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và tăng tỉ lệ SVTN có việc làm trong những năm tiếp theo Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đã tiếp thu ý kiến của SVTN như một kênh thông tin hữu ích để đổi mới CTĐT phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động hiện nay. Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SVTN [H11.11.03.05]. Đối sánh tỉ lệ SVTN ngành CTXH có việc làm qua các năm cho thấy, tỉ lệ này có xu hướng giảm từ 2018-2020 và tăng từ 2020-2022. Tỉ lệ SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo có xu hướng biến động tăng trong 5 năm, từ 20,00% năm 2018 lên 31,43% năm 2022. Tỉ lệ SVTN ra trường có việc làm trái ngành có xu hướng giảm từ 43,33% xuống còn 14,29% năm 2022. Đối sánh tỉ lệ SVTN ra trường có việc làm và việc làm đúng ngành của năm 2018 và 2022 cho thấy, cùng một tỉ lệ có việc làm (77%) thì tỉ lệ SVTN ngành CTXH ra trường có việc làm đúng ngành và liên quan đến ngành có sự gia tăng đáng kể (từ 28,33% □ 62,86%).

- Đối với nhà tuyển dụng: Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng của SVTN giai đoạn 2018-2023 [H10.10.01.08] cho thấy: 95,83% nhà sử dụng lao động hài lòng về chất lượng của SVTN ngành CTXH, mức độ này có xu hướng tăng qua các năm.

5.3. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ rất cần thiết để Khoa có những thay đổi phù hợp trong công tác đào tạo [H11.11.05.03], [H01.01.03.07]. Mỗi 2 năm

một lần, Khoa căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hài lòng, các ý kiến đóng góp của các BLQ để tổ chức họp bàn xây dựng, điều chỉnh lại CTĐT theo hướng chọn NH làm trung tâm [H01.01.03.03].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa XHH&CTXH thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ nhằm có cơ sở xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ phản hồi từ nhà sử dụng lao động còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường kết nối với các đơn vị đối tác là nhà tuyển dụng để tăng tỉ lệ phản hồi trong các lần khảo sát.	Khoa XHH&CTXH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với các phòng ban của Trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các BLQ của Khoa.	Khoa XHH&CTXH	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Khoa XHH&CTXH luôn tích cực và chủ động phối hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường để theo dõi, giám sát và hỗ trợ SV một cách kịp thời nhằm tạo điều kiện để SV có thể tốt nghiệp đúng hạn. Trong quá trình SV theo học, CVHT luôn phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc hỗ trợ NH để kịp thời tư vấn. Tuy nhiên, một trong những khó khăn và hạn chế còn tồn tại liên quan đến tỉ lệ SV thôi học và SVTN là Nhà trường chưa có quy trình hay biện pháp hỗ trợ cụ thể để có thể khuyến khích SV quay trở lại học tập hoặc gia tăng tỉ lệ SVTN đúng hạn.

Với hoạt động khảo sát trực tuyến tình hình việc làm của SVTN hằng năm, Nhà trường đã thực hiện tốt hoạt động theo dõi và giám sát tỉ lệ SVTN ngành CTXH một

cách thường xuyên. Qua đó, nắm bắt kịp thời ý kiến phản hồi từ cựu SV để cập nhật CTĐT ngành CTXH ngày một cải tiến và phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn.

Đối với hoạt động NCKH của SV, Khoa XHH&CTXH luôn thúc đẩy và động viên SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH hằng năm. Bên cạnh đó, Khoa chuyên môn cũng đã tiến hành cử cố vấn khoa học để hỗ trợ trong quá trình SV thực hiện đề tài. Tuy nhiên, nhiều SV vẫn chưa thật sự đam mê với các hoạt động NCKH và xem đây là một nhiệm vụ học tập quan trọng.

Khi thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đánh giá khả quan và tích cực.

Nhìn chung, SV ngành CTXH khi học tập tại Khoa XHH&CTXH không những có cơ hội được tham gia các chương trình, dự án trong nước mà còn được tham gia các dự án, hội thảo quốc tế. Qua đó, SV được cung cấp và trang bị kiến thức và kỹ năng đầy đủ để có thể thích ứng trong những môi trường làm việc đa dạng. Trong những năm qua, SVTN ngành CTXH không những tìm được việc làm trong nước, mà còn được làm việc trong môi trường quốc tế. Cụ thể, SVTN có cơ hội được tuyển dụng tại các Tập đoàn Phúc lợi xã hội ở Nhật Bản với mức thu nhập cao. Điều này cho thấy cơ hội việc làm của SVTN ngành CTXH là rất lớn. Tuy nhiên, với những hạn chế còn tồn tại liên quan đến tỉ lệ SV thôi học, SVTN không đúng hạn hay SV chưa hứng thú với hoạt động NCKH, trong thời gian tới, Khoa chuyên môn cần đề xuất thêm một số biện pháp cụ thể. Qua đó, có thể thúc đẩy tinh thần học tập của SV, cũng như khơi gợi niềm đam mê của SV trong hoạt động NCKH. Đồng thời, khắc phục được những hạn chế còn tồn tại và hướng tới việc cải tiến nội dung CTĐT, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo ngày một tốt hơn.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.1					x			4.20	5	100.00
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:* Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ tiếp cận.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo:* Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành CTXH có đầy đủ các thông tin theo quy định; được rà soát, bổ sung và cập nhật các thông tin mới liên quan đến đặc thù của ngành đào tạo theo kế hoạch chung của Nhà trường; được công bố công khai bằng nhiều hình thức, các BLQ có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách thuận lợi.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:* CTDH được sắp xếp theo từng khối kiến thức, có cấu trúc và nội dung đảm bảo tính logic và khoa học; được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các học phần có nội dung, phương pháp dạy học, phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, có sự đóng góp cụ thể đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học:* Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH; của Khoa XHH&CTXH được tuyên bố rõ ràng và phổ biến công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Các hoạt động dạy và học đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc thù của ngành CTXH, giúp SV đạt được CĐR. Các hoạt động NCKH, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, trao đổi SV quốc tế giúp SV nâng cao kiến thức, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết, kỹ năng tự học và tinh thần học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng lao động và của xã hội.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học:* Các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của NH được xây dựng rõ ràng, khoa học, phù hợp với mức độ đạt được CĐR, được công bố công khai đến GV và SV. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của SV đa dạng, phù hợp với nội dung học phần, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng. Kết quả học tập của SV được phản hồi kịp thời, đúng quy định; SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT và được giải quyết đúng quy định, qua đó SV có thể tự điều chỉnh việc học tập của mình để đạt được kết quả tốt hơn.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:* Công tác qui hoạch, tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV được xây dựng, thực hiện có kế hoạch, tiêu chuẩn rõ ràng, công khai và đúng quy trình, thủ tục. Khoa XHH&CTXH đã xây dựng và phát triển đội ngũ GV, NCV đảm bảo chất lượng, có trình độ, có năng lực và đủ về số lượng, đảm bảo tỷ lệ SV/GV đáp ứng nhu cầu về hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Cán bộ, GV của Khoa đã chủ động tham gia đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của cá nhân và của Nhà trường. Thực hiện quản trị và đánh giá năng lực GV, NCV theo kết quả công việc một cách chính xác, khoa học, phù hợp với quy định hiện hành.

- *Đội ngũ nhân viên:* Đội ngũ NV của Khoa XHH&CTXH nói riêng và Trường ĐHKH, ĐHH nói chung đảm bảo về số lượng và chất lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Đội ngũ NV đã được Nhà trường tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo các tiêu chí được xác định rõ ràng về đạo đức, năng lực chuyên môn, độ tuổi và chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; được công bố rộng rãi, công khai bằng nhiều hình thức. Nhà trường và Khoa XHH&CTXH luôn tạo mọi điều kiện để khuyến khích đội ngũ NV thực hiện việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc quản trị và đánh giá năng lực của đội ngũ NV theo kết quả công việc được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, điều đó đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học:* Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng, được rà soát, cập nhật kịp thời, thực hiện theo đúng quy định của ĐHH và Bộ GD&ĐT; được công bố công khai bằng nhiều hình thức; đối tượng tuyển sinh tiếp cận thông tin một cách thuận lợi. Nhà trường và Khoa XHH&CTXH có hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập và rèn luyện; có nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt các CLB, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp SV cải thiện KQHT, rèn luyện kỹ năng và tăng khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. NH được học tập, rèn luyện và NCKH trong môi trường thuận lợi về địa điểm, cảnh quan, tâm lý thoải mái, được chăm sóc y tế và đảm bảo an toàn, an ninh.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị:* Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng được bố trí đầy đủ, các trang thiết bị phù hợp, khá hiện đại đã hỗ trợ tốt cho

hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV. Trung tâm TT&TV đáp ứng tốt nguồn học liệu và môi trường học tập cho SV. Hệ thống CNTT và hạ tầng kỹ thuật đi kèm được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về dạy và học; hệ thống phần mềm phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng, tương tác của cán bộ, GV và NH trong hoạt động đào tạo và NCKH. Cán bộ, GV và NH được quan tâm, chăm sóc về sức khoẻ.

- *Nâng cao chất lượng*: CTDH của ngành CTXH được thiết kế, đánh giá và cải tiến định kỳ theo hướng cập nhật với các chương trình quốc tế và chương trình của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín ở Việt Nam. CTDH được phát triển, cập nhật và cải tiến có tính đến nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực CTXH ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Ý kiến phản hồi của các BLQ được sử dụng để điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện CTDH. Quá trình dạy học, quy trình kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế, tổ chức hoạt động có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và định kỳ được rà soát, đánh giá. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ, đảm bảo đạt CDR của học phần và của CTĐT. Các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và thực hành CTXH đã góp phần vào việc tạo cơ hội học tập, nâng cao trình độ cho GV, cơ hội thực hành, thực tập cho SV, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo.

- *Kết quả đầu ra*: Khoa XHH&CTXH luôn tích cực và chủ động phối hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường để theo dõi, giám sát và hỗ trợ SV một cách kịp thời trong quá trình học tập. Vai trò của Trợ lý CVHT được phát huy hiệu quả trong việc cập nhật tình hình học tập của NH và kịp thời có các biện pháp tư vấn phù hợp. Những thông tin về cảnh báo học vụ, quyết định buộc thôi học luôn được cập nhật đầy đủ trên trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. Khoa XHH&CTXH đã tiến hành cử các cố vấn khoa học là các GV có nhiều kinh nghiệm và nhiệt huyết để hỗ trợ hoạt động NCKH của SV. Công tác khảo sát sự hài lòng các BLQ về chất lượng đào tạo, chất lượng SV tốt nghiệp, hoạt động giảng dạy của GV, sự đáp ứng của Trung tâm TT&TV, CSVC, thái độ của NV các phòng ban,... được triển khai định kỳ theo kế hoạch. Thông tin phản hồi được ghi nhận, đánh giá và làm căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*: Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về mục tiêu và CDR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, rộng rãi và tỷ lệ phản hồi còn thấp.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo:* Đối tượng và phạm vi nhà tuyển dụng lao động được khảo sát ý kiến về CTĐT chưa đa dạng và rộng rãi, chủ yếu là các cơ quan và đơn vị hành chính sự nghiệp tại khu vực miền Trung. Một số học phần trong CTĐT ngành CTXH chỉ có bài giảng của GV, chưa có giáo trình và thiếu các tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:* Việc lấy ý kiến đóng góp và phản hồi về nội dung và tính phù hợp của các học phần đối với CĐR của CTĐT mới chỉ được thực hiện đối với SV và GV, chưa mở rộng đối tượng khảo sát là các nhà sử dụng lao động.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học:* Một bộ phận SV chưa thật sự chủ động và tự giác khi tham gia hoạt động thực hành, thực tập thực tế tại các cơ sở thực hành, cơ quan, doanh nghiệp. Một số GV chưa quan tâm đúng mức khâu kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả tự học, tự nghiên cứu của SV.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học:* Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT chưa rà soát và cập nhật thường xuyên. Một số học phần đặc thù chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án; việc rà soát, cập nhật, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án chưa được tiến hành thường xuyên. Việc chấm bài thi kết thúc học phần đôi khi còn chậm so với quy định của Nhà trường.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:* Đội ngũ GV có học hàm PGS, GS chưa có lớp kế cận. Chỉ tiêu tuyển dụng GV của Khoa XHH&CTXH hàng năm còn hạn chế. Công tác NCKH chưa đồng đều giữa các GV trong Khoa. Một số GV chưa chủ động lập và thực hiện kế hoạch NCKH trong năm. Số lượng công bố và xuất bản trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế. Các chỉ tiêu khen thưởng các cấp hàng năm bị khống chế tỷ lệ theo số lượng cán bộ của đơn vị, điều này dẫn đến chưa phát huy và công nhận đầy đủ nỗ lực phấn đấu của tất cả cán bộ, GV.

- *Đội ngũ nhân viên:* Hiện tại, Khoa XHH&CTXH chỉ có 01 NV phụ trách công tác văn thư, tất cả các công tác trợ lý khác đều do GV trẻ kiêm nhiệm, điều này phần nào ảnh hưởng đến thời gian và chất lượng công tác của các GV trẻ. Nhà trường chưa có chính sách hỗ trợ học phí cho NV học cao học hoặc nghiên cứu sinh tại Trường.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học:* Thông tin về nhu cầu nhân lực của xã hội phục vụ cho việc xây dựng đề án tuyển sinh chỉ dựa trên nguồn thứ cấp từ các

kênh như báo chí và các đơn vị ban ngành. Vì vậy những thông tin này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ cho việc phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Trường chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện việc tư vấn tâm lý cho NH.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị:* Hệ thống máy móc, trang thiết bị tại các phòng học khá phong phú nhưng số lượng còn hạn chế, nhiều lúc còn gặp khó khăn khi giảng dạy đối với những lớp học phần có đông SV tham gia. Nguồn tài liệu chất lượng cao đến từ các nhà xuất bản lớn phục vụ cho hoạt động NCKH chưa phong phú. Tốc độ truy cập internet còn chậm. Các tài liệu phục vụ cho chuyên ngành CTXH còn hạn chế. Nhà trường chưa bố trí lối đi và các dịch vụ tiện ích dành riêng cho người khuyết tật.

- *Nâng cao chất lượng:* Tỷ lệ phản hồi trong quá trình khảo sát ý kiến của SV sau khi ra trường về tình hình việc làm và thu nhập còn thấp. Công tác kiểm tra việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu để đảm bảo tính khách quan, khoa học và độ tin cậy của các trích dẫn trong các bài tiểu luận của SV chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng. Số lượng SV tham gia NCKH của Khoa XHH&CTXH còn hạn chế. Danh mục tài liệu tham khảo ngành CTXH tại Trung tâm TT&TV còn ít, chưa phong phú và đa dạng. Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ có tỷ lệ không cao.

- *Kết quả đầu ra:* Nhà trường chưa xác định được lý do chính xác dẫn đến việc thôi học của SV. Nhiều SV do chủ quan nên chưa hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ, tin học, giáo dục an ninh - quốc phòng, giáo dục thể chất do đó không tốt nghiệp đúng hạn. Chưa tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp của SV với các trường đại học trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo. Kinh phí dành cho mỗi đề tài NCKH của SV còn ít nên đã ảnh hưởng đến việc lựa chọn phạm vi và nội dung nghiên cứu của các nhóm SV.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:* Thường xuyên thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ để điều chỉnh mục tiêu và CĐR của CTĐT. Chú trọng mở rộng đối tượng, địa bàn khảo sát và đa dạng hóa các hình thức khảo sát nhằm tăng tỷ lệ phản hồi.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo:* Mở rộng đối tượng và phạm vi nhà tuyển dụng lao động được khảo sát ý kiến về CTĐT trên phạm vi toàn quốc. Lập và triển khai kế hoạch biên soạn giáo trình đối với các học phần trong CTĐT chỉ có bài giảng của GV.

Kiến nghị Trung tâm TT&TV bổ sung các tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài đối với CTĐT ngành Công tác xã hội.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:* Định kỳ triển khai công tác khảo sát ý kiến nhà sử dụng lao động và chuyên gia về nội dung và tính phù hợp của các học phần đối với CDR của CTĐT.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học:* Khoa cần phân công GV hướng dẫn, giám sát và kiểm tra NH chủ động và tự giác khi tham gia hoạt động thực hành, thực tập thực tế tại các cơ sở thực hành, cơ quan, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kết quả tự học, tự nghiên cứu của SV.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học:* Định kỳ rà soát, cập nhật các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT và tổ chức tập huấn cho GV. Thực hiện kế hoạch xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường. Tiếp tục việc rà soát, cập nhật, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án một cách thường xuyên. Có chế tài phù hợp đối với những trường hợp chấm bài thi kết thúc học phần chậm so với quy định của Nhà trường.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:* Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện và có những chế độ hỗ trợ GV đăng ký hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS, GS. Kiến nghị Nhà trường cấp chỉ tiêu và tuyển dụng bổ sung GV cho Khoa XHH&CTXH. Lập và giám sát kế hoạch NCKH của tất cả cán bộ, GV trong Khoa ngay từ đầu năm học. Phân bổ chỉ tiêu và tạo điều kiện để GV có học vị TS trở lên viết bài báo quốc tế. Kiến nghị Nhà trường không khống chế tỷ lệ chỉ tiêu khen thưởng các cấp hàng năm theo số lượng cán bộ của đơn vị.

- *Đội ngũ nhân viên:* Kiến nghị Nhà trường bổ sung NV cho Khoa XHH&CTXH, hạn chế tối đa việc phân công công tác kiêm nhiệm đối với GV trẻ. Nhà trường cần nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ học phí cho NV học cao học hoặc nghiên cứu sinh.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học:* Nhà trường và Khoa XHH&CTXH cần thực hiện khảo sát và đồng thời thu thập dữ liệu thứ cấp về nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội thường xuyên, làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh, đặc biệt là đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm một cách chính xác. Thành lập bộ phận chuyên trách thực hiện việc tư vấn tâm lý cho NH.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*: Bổ sung hệ thống máy móc, trang thiết bị tại các phòng học đông SV, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học. Trung tâm TT&TV nghiên cứu hợp tác, liên kết với các nhà xuất bản lớn nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin phục vụ hoạt động NCKH cho cán bộ, GV và SV. Tiếp tục nâng cấp hệ thống wifi và tốc độ truy cập internet trong toàn Trường. Bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho chuyên ngành CTXH. Đầu tư CSVC và các dịch vụ tiện ích dành riêng cho người khuyết tật.

- *Nâng cao chất lượng*: Huy động các nguồn lực, đa dạng hoá phương thức khảo sát nhằm tăng tỷ lệ phản hồi khi thực hiện các đợt khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT, đặc biệt là khảo sát ý kiến của SV sau khi ra trường về tình hình việc làm và thu nhập. Kiến nghị Nhà trường cung cấp phần mềm chuyên dụng để kiểm tra việc trích dẫn tài liệu của SV khi làm tiểu luận. Đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV bằng nhiều hình thức khác nhau, như thành lập các nhóm NCKH của SV, phân công GV hướng dẫn, ưu tiên những SV có tham gia NCKH được chọn cơ sở thực tập thực tế, giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp, cộng điểm rèn luyện, ưu tiên khi xét học bổng,... Kiến nghị Nhà trường bổ sung chức năng trả lời khảo sát trước khi xem kết quả điểm thi kết thúc học phần để tăng tỷ lệ phản hồi khảo sát của SV về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ.

- *Kết quả đầu ra*: Từng học kỳ, tiến hành tìm hiểu, phân tích để xác định chính xác lý do những trường hợp SV thôi học, từ đó có giải pháp kịp thời giảm tỷ lệ thôi học trong SV. Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp và tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng của SV ngành CTXH với các cơ sở giáo dục đại học trong nước cùng ngành đào tạo. Trợ lý CVHT các nhóm lớp tăng cường nhắc nhở SV kiểm tra các điều kiện về ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất và giáo dục an ninh - quốc phòng để đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4.67	3	100.00
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100.00
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4.67	3	100.00
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.67	3	100.00
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4.80	5	100.00
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4.29	7	100.00
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						

Tiêu chí 6.3				4								
Tiêu chí 6.4				4								
Tiêu chí 6.5				4								
Tiêu chí 6.6					5							
Tiêu chí 6.7					5							
Tiêu chuẩn 7												
Tiêu chí 7.1				4								
Tiêu chí 7.2				4								
Tiêu chí 7.3				4								
Tiêu chí 7.4				4								
Tiêu chí 7.5				4								
Tiêu chuẩn 8												
Tiêu chí 8.1				4								
Tiêu chí 8.2				4								
Tiêu chí 8.3					5							
Tiêu chí 8.4					5							
Tiêu chí 8.5				4								
Tiêu chuẩn 9												
Tiêu chí 9.1					5							
Tiêu chí 9.2					5							
Tiêu chí 9.3					5							
Tiêu chí 9.4				4								
Tiêu chí 9.5				4								
Tiêu chuẩn 10												
Tiêu chí 10.1					5							
Tiêu chí 10.2					5							
Tiêu chí 10.3					5							
Tiêu chí 10.4					5							
Tiêu chí 10.5					5							
								4.00	5		100.00	
								4.40	5		100.00	
								4.60	5		100.00	
								5.00	6		100.00	

Tiêu chí 10.6				5						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				5						
Tiêu chí 11.2			4					4.20	5	
Tiêu chí 11.3			4						100.00	
Tiêu chí 11.4			4							
Tiêu chí 11.5			4							
Đánh giá chung CTĐT								4.54	50	100.00

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tiếng Anh: Hue University of Sciences

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: Trường ĐHKH Huế

Tiếng Anh: HUSC

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Tổng hợp Huế

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Huế/Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 77 Nguyễn Huệ, Thành phố Huế

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0234.3823290 Số fax: 0234.3824901

Email: khcndhkh@hueuni.edu.vn Website: <http://www.husc.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

+ Sau khi thống nhất đất nước, ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426/CP thành lập Trường Đại học Tổng hợp Huế trên cơ sở hợp nhất Đại học Khoa học và Đại học Văn khoa của Viện Đại học Huế.

+ Ngày 04/4/1994 theo Quyết định số 30/CP của Thủ tướng Chính phủ, Đại học Huế được thành lập, Trường Đại học Tổng hợp Huế trở thành một thành viên của Đại học Huế và đổi tên thành Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 9 năm 1977.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Tháng 6 năm 1981

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Hệ THPT Chuyên

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Xã hội học và Công tác xã hội

Tiếng Anh: Faculty of Sociology and Social work

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Công tác xã hội

Tiếng Anh: Social work

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7760101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Tầng 3, Nhà A, 77 Nguyễn Huệ, TP. Huế

18. Số điện thoại liên hệ: 0942.616.388; Email: sw.husc@gmail.com Website: <https://husc.edu.vn/social/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): năm 2020 theo Quyết định thành lập số 170/QĐ-ĐHKH ngày 09 tháng 03 năm 2023.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT.

Thực hiện Quyết định số 424/QĐ-ĐHH ngày 04/03/2020 của Giám đốc ĐHH phê duyệt Đề án tái cấu trúc Trường ĐHKH, ĐHH, Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-ĐHKH ngày 09/03/2020 về việc thành lập Khoa XHH&CTXH, Trường ĐHKH, ĐHH trên cơ sở sáp nhập Khoa XHH và Khoa CTXH.

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu, phương pháp lý luận vững chắc; sáng tạo, truyền bá tri thức và kỹ năng về XHH và CTXH, góp phần phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. SV tốt nghiệp ngành XHH và CTXH có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc thuộc nhiều lĩnh vực. Cụ thể, có thể làm Chuyên viên, nghiên cứu viên ở các viện, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, các tổ chức dân sự; Chuyên viên nghiên cứu và phân tích thị trường, chuyên điều tra, khảo sát, phân tích số liệu, đánh giá, hoạch định chiến lược; Chuyên viên tư vấn, cung ứng dịch vụ xã hội, chuyên chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, các nạn nhân của bạo lực gia đình/thiên tai hiểm họa; Công chức, viên chức tại các cơ

quan hành chính nhà nước, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan sự nghiệp công lập; Chuyên viên tại các cơ quan Nhà nước, trung tâm và tổ chức tư nhân trong lĩnh vực lao động, việc làm, tiền lương, tổ chức nhân sự, thương binh - xã hội, bà mẹ - trẻ em, hoạt động xã hội - phong trào, tổ chức sự kiện xã hội; Chuyên viên các chương trình dự án, tổ chức phi chính phủ (NGO) quốc tế và địa phương, tham gia nghiên cứu và phát triển chính sách hỗ trợ xã hội ở các cấp; Cán bộ hoạch định chính sách, nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, chuyên gia tâm lý hay nhà nghiên cứu; Giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

Khoa XHH&CTXH đang triển khai đào tạo 02 ngành bậc đại học hệ chính quy gồm ngành Xã hội học và ngành Công tác xã hội; 01 ngành đào tạo cao học Công tác xã hội. Khoa hướng tới đào tạo học viên, SV toàn diện, đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

Về tổ chức bộ máy Khoa XHH&CTXH có Chi bộ, Ban Chủ nhiệm Khoa, các tổ chức đoàn thể và 03 bộ môn: Xã hội học, Quản lý xã hội và Công tác xã hội. Đội ngũ cán bộ hiện nay của Khoa XHH&CTXH có 19 cán bộ, gồm 02 PGS, 03 TS, 08 ThS, 02 NCS nước ngoài, 03 NCS trong nước, 01 CN phụ trách công tác văn thư.

Về hoạt động đào tạo: Trong 5 năm gần đây (2019 - 2023), trung bình mỗi năm Khoa XHH&CTXH đào tạo trên dưới 100 cử nhân ngành XHH và ngành CTXH; cũng như phối hợp với một số cơ quan tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn bổ sung kiến thức về Xã hội học và Công tác xã hội. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa XHH&CTXH đang triển khai đào tạo bậc đại học hệ VLVH với các cơ sở liên kết tại các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam và Bình Định.

Về nghiên cứu khoa học: 100% đội ngũ cán bộ của Khoa có kinh nghiệm chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp và các dự án hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước. Tính đến nay, cán bộ của Khoa đã công bố 10 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus (03 bài SCOPUS, 01 bài ESCI, 01 bài ACI, 01 bài SSCI và 04 bài SCIE) và nhiều bài báo trên các hội thảo khoa học quốc tế, các tạp chí có uy tín trong nước.

Về hợp tác quốc tế: Khoa XHH&CTXH đã có nhiều nỗ lực trong việc kết nối và mở rộng hoạt động hợp tác với các trường đại học và các cơ sở/trung tâm xã hội, các địa phương trong nước và các trường đại học và tổ chức nước ngoài. Cụ thể:

Năm 2012 tham gia Chương trình thăng tiến giáo dục Công tác xã hội (gọi tắt là SWEEP) là một Dự án do trường ĐH Bang San José (San José State University - SJSU)

điều hành với sự tài trợ của cơ quan Hỗ trợ Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và công ty phần mềm Cisco. Dự án được thực hiện trong thời gian 3 năm (10/2012 đến 9/2015) và được triển khai ở 8 trường đại học Việt Nam đang đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội, trong đó có Trường ĐHKH, ĐHH.

Năm 2015 tham gia Chương trình Erasmus+KA107 International Mobility Programme do Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Diak, Phần Lan (Diaconia University of Applied Sciences) tài trợ với kinh phí của EU-granted Erasmus+ International Credit Mobility Programme. Mục đích của dự án này là nhằm nâng cao năng lực cho GV và SV thông qua việc tham gia các hội thảo quốc tế và các chương trình trao đổi học tập ngắn hạn tại Phần Lan.

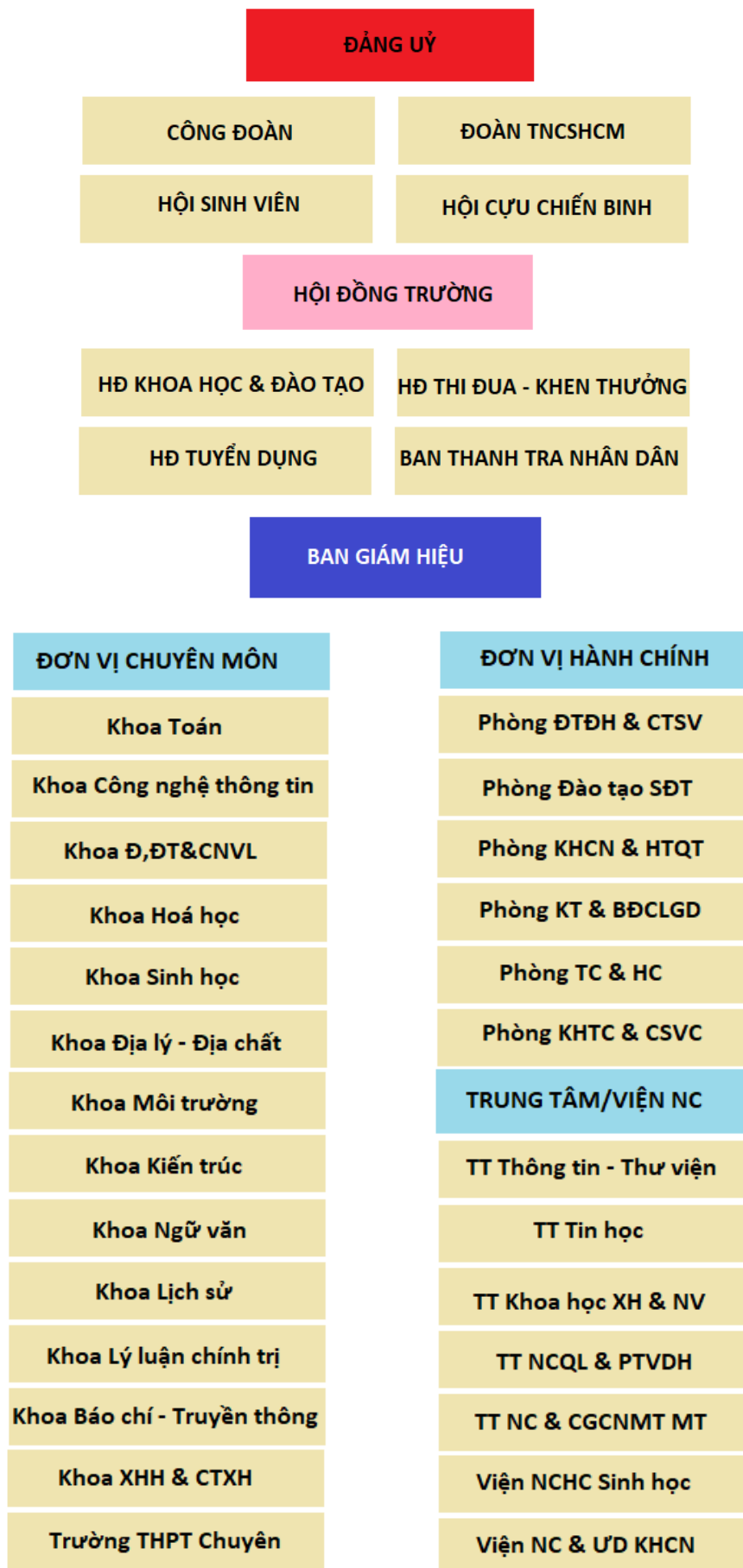
Năm 2019, trao đổi và liên kết hợp tác với các tập đoàn Phúc lợi xã hội (Yutaka Social Welfare Corporation) tại Nagoya, Nhật Bản nhằm tạo điều kiện cho SV ngành Công tác xã hội tham gia các lớp kỹ năng hỗ trợ các đối tượng người khuyết tật, người cao tuổi; hợp tác đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo gắn với các đối tượng cụ thể. Đồng thời, thông qua chương trình hợp tác này, sinh viên ngành Công tác xã hội sẽ có thêm cơ hội mới để được tuyển dụng và làm việc tại các tập đoàn Phúc lợi xã hội tại Nhật Bản trong thời gian tới.

Năm 2019 Bộ môn CTXH là thành viên trong mạng lưới dự án “Đổi mới toàn diện chương trình đào tạo dựa trên năng lực nhằm nâng cao giá trị cuộc sống ở Việt Nam và Nepal”. Mục tiêu của dự án là xây dựng phòng thực hành và thư viện nhằm tạo điều kiện cho SV có cơ hội được thực tập và trải nghiệm học tập trong không gian hiện đại, đổi mới; Tổ chức các hội thảo trao đổi, đánh giá hoạt động của dự án và triển khai các khóa học chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho GV và SV; Tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận giữa các đối tác trong khuôn khổ dự án nhằm xây dựng CTĐT tiên tiến và hướng tới việc hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực.

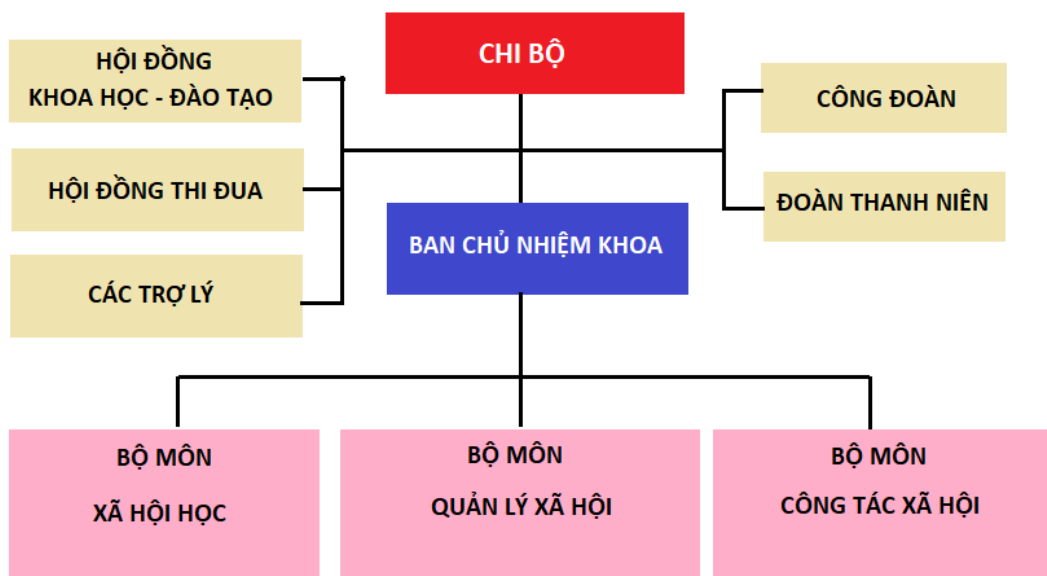
Sự hợp tác đó đã tạo cơ hội quý giá cho SV thâm nhập, nắm bắt thực tế; giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu. Hàng năm, nhiều SV và cán bộ của Khoa được cử đi học tập, tập huấn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các đối tác trong và ngoài nước. Những hoạt động đối nội, đối ngoại thành công đó góp phần quan trọng giúp Khoa XHH&CTXH dù mới được thành lập những đã khẳng định được vị thế, thương hiệu của mình trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

- Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường:



- Cơ cấu tổ chức của Khoa Xã hội học và Công tác xã hội:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban Giám hiệu					
1		Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Hiệu trưởng	0935961369	vttung@hueuni.edu.vn
2		Trần Ngọc Tuyền	1967	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0976557727	trntuyen@hueuni.edu.vn
3		Phan Tuấn Anh	1985	TS, Phó Hiệu trưởng	0989230009	ptuananh@hueuni.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Tổ chức Đảng	Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy	0935961369	vttung@hueuni.edu.vn

		Bùi Quang Vũ	1980	TS, Phó Bí thư Đảng ủy	0914145085	buiquangvu@hu sc.edu.vn
		Trần Ngọc Tuyền	1967	PGS.TS, Phó Bí thư Đảng ủy	0976557727	trntuyen@hueuni .edu.vn
2	Hội đồng Trường	Bùi Quang Vũ	1980	TS, Chủ tịch Hội đồng Trường	0914145085	buiquangvu@hu sc.edu.vn
3	Công đoàn Trường	Nguyễn Mạnh Hà	1974	TS, Phó chủ tịch phụ trách Công đoàn Trường	0946254455	<u>manhhakls@hus c.edu.vn</u>
4	Đoàn Thanh niên	Nguyễn Phong Cảnh	1986	ThS, Bí thư Đoàn trường	0978714486	ktsphongcanh@g mail.com
5	Hội Sinh viên	Nguyễn Tường Du	1987	CN, Chủ tịch Hội Sinh viên	0702756868	ntdu@husc.edu.v n
6	Hội Cựu chiến binh	Nguyễn Minh Cần	1963	ThS, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0905239299	nguyenminhcan.t chcdhkh@gmail. com
III	Các phòng, ban, Trung tâm					

1	Phòng TC&HC	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1980	TS, Trưởng Phòng	0915665531	nguyenthithanhh uyen@hueuni.ed u.vn
2	Phòng KHTC &CSVC	Nguyễn Thanh Bình	1981	ThS, Trưởng Phòng	0905382345	ntbinh.tt@gmail. com
3	Phòng KT&BD CLGD	Đỗ Diên	1963	ThS, Trưởng Phòng	0914418905	<u>dodien@hueuni.</u> <u>edu.vn</u>
4	Phòng ĐTĐH& CTSV	Trần Thanh Lương	1979	TS, Trưởng Phòng	0914145414	tluong@husc.ed u.vn
5	Phòng ĐTSDH	Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Phụ trách Phòng	0935961369	vttung@hueuni.e du.vn
6	Phòng KHCN &HTQT	Nguyễn Trường Thọ	1976	PGS.TS, Trưởng Phòng	0915805405	ntthokh@hueuni. edu.vn
7	Trung tâm TT&TV	Nguyễn Thanh Sỹ	1985	ThS, Giám đốc	0974604522	thansytv@gmai l.com
IV	Đơn vị thực hiện CTĐT					
1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
		Võ Thanh Tùng	1979	PGS. TS, Phụ trách Khoa	0935961369	vothanhtungdhk h@gmail.com
		Phạm Tiến Sỹ	1986	TS, Phó Trưởng Khoa	0919734666	pts1806@gmail. com

		Nguyễn Thị Anh Đào	1982	TS, Phó Trưởng Khoa	0905955588	anhdao14111983 @gmail.com
2	Các bộ môn					
1	Bộ môn Công tác xã hội	Huỳnh Thị Ánh Phương	1979	PGS. TS, Trưởng Bộ môn	0942616388	phuonghuynh@h usc.edu.vn
2	Bộ môn Quản lý xã hội	Lê Đăng Bảo Châu	1974	TS, Trưởng Bộ môn	0912252003 6	chau.lebao@gma il.com
3	Bộ môn Xã hội học	Nguyễn Hữu An	1988	TS, Trưởng Bộ môn	0903556220	annguyenxhh200 1@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Công tác xã hội, Xã hội học.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực

hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	6	15	21
I.1	Đội ngũ trong biên chế	6	15	21
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	2	2
	Tổng số	6	17	23

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	3	2	0	0	1	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		
4	Tiến sĩ	4	3	0	0	1	
5	Thạc sĩ	15	15	0	0	0	
6	Đại học	0	0	0	0	0	
7	Cao đẳng	0	0	0	0		
8	Trình độ khác	0	0	0	0		
	Tổng số	22	20	0	0	2	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 20 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 95,24%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Áp dụng Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
2	Phó Giáo sư	3,0	3	2	0	0	1	0	7,8
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0,0
4	Tiến sĩ	2,0	4	3	0	0	1	0	6,8
5	Thạc sĩ	1,0	15	15	0	0	0	0	15
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng		22	20	0	0	2	0	29,6

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	10	1	1	0	0	1	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	3	15	2	1	0	2	1	0	0
5	Thạc sĩ	15	75	3	12	2	12	1	0	0
6	Đại học	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	20	100	6	14	2	14	3	0	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37,4 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 25,0% (5/20)

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 75,0% (15/20)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	30%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40%	0%

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30%	0%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	0%
Tổng		100,00	100,00

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	315	273	1,97	65	13/30	15,57	0
2019-2020	145	125	2,07	33	13,25/30	17,51	0
2020-2021	129	106	1,84	26	16/30	21,54	0
2021-2022	180	84	3,00	12	15/30	20,83	0
2022-2023	164	45	5,13	16	15,5/30	21,98	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học	8	18	19	19	15
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	351	241	174	100	74
Hệ không chính quy	86	77	56	27	21
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	04	04	03	03	5
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	2	2	2	03	04
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,70	4,70	4,70	4,70	4,70

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	7	4	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	1,99	1,66	0,00	0,00	0,00

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	14	4
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	83	98	71	73	42
Hệ không chính quy	0	7	41	29	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	83	98	71	73	42
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	62,41	65,77	73,2	52,52	79,97
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	100,00	57,14	27,27
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	0	42,86	72,73
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Trước khi tốt nghiệp - Dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	5,00 15,00 0,00 0,00	0,00 22,78 0,00 0,00	0,00 10,34 0,00 3,45	2,86 1,44 5,80 0,00	14,29 11,43 5,71 0,00
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	43,33	30,38	15,52	37,14	14,29
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6-7	6-7	6-7	6-7	8-9
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0,00	0,00	0,00	-	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	100,00	75,00	100,00	-	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0,00	25,00	0,00	-	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	1	1	1	1	5
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	2	2	1	0	2,5
	Tổng		1	3	3	2	1	7,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 7,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,36 (7,5/21)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0,9	0,0000	0,08
2	2020	3,945	0,0001	0,33
3	2021	80	0,0014	6,67
4	2022	120	0,0019	10,00
5	2023	247,312	0,0038	20,61

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	16	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	16	3	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0							
2	Sách giáo trình	1,5				1		1	3,0
3	Sách tham khảo	1,0							
4	Sách hướng dẫn	0,5							
	Tổng		0	0	0	1		1	3,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 3,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,14 (3,0/21)

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		6		
Từ 4 đến 6 cuốn sách		6		
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		12		

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	0	4	1	1	12
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	7	4	8	24	3	46

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	0	2	21	3	14
	Tổng		11	4	14	46	7	72

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 72

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,43 (72/21)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	16	18
Từ 6 đến 10 bài báo	0	3	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	7	19	18

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	1	2	4	7
2	Hội thảo trong nước	0,5	9	2	5	5	3	12

3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	2	0	0	0,5
	Tổng		9	2	8	7	7	19,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 19,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,93 (19,5/21)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	6	16	2
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	16	2

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	(không có)
2019-2020	(không có)
2020-2021	(không có)
2021-2022	(không có)
2022-2023	(không có)

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	15	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	15	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 35.500

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 269

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 166

PTH chuyên ngành CTXH: 103

Nơi học (dùng chung): Phòng học: 10.748 Thư viện: 1.660 Thí nghiệm/thực hành: 6.010

Nơi vui chơi giải trí (dùng chung): 3.940

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 10.748

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,23 (10.748/4.814)

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 414

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 05

- Dùng cho người học học tập: 760

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,16 (760/4.814)

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 20

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95,24

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 25,00

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 75,00

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 74

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 2,5 (74/29,6)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 66,77

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 61,47

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 38,53

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 18,54

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 29,80

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8-9

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 0,00

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 91,67

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,36

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (Triệu đồng/người trong 5 năm chu kỳ đánh giá): 21,53 (452,16/21)

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,14

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,43

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,93

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,16 (760/4.814)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,23 (10.748/4.814)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4,70

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Số: 446/QĐ-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Công tác xã hội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế và Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết 15/NQ-HĐT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Phụ trách Khoa Xã hội học và Công tác xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn về tự đánh giá chương trình đào tạo số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:


- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Phòng KTBĐCLGD, HTKY.



Võ Thanh Tùng

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**
(Kèm theo Quyết định số 1116/QĐ- ĐHKH ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)


TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Võ Thanh Tùng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Ngọc Tuyền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Huỳnh Thị Ánh Phương	TS, Trưởng Bộ môn CTXH Khoa XHH&CTXH	Phó Chủ tịch
4	Đỗ Diên	ThS, Trưởng Phòng KT&BĐCLGD	Thư ký
5	Bùi Quang Vũ	TS, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Phó Trưởng Khoa XHH&CTXH	Thành viên
7	Trương Thị Yến	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
8	Nguyễn Hữu An	TS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
9	Phạm Tiến Sỹ	TS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS, Trưởng Phòng TC&HC	Thành viên
11	Trần Thanh Lương	TS, Trưởng Phòng ĐTDH&CTSV	Thành viên
12	Nguyễn Thanh Bình	ThS, Trưởng Phòng KHTC&CSVC	Thành viên
13	Nguyễn Trường Thọ	TS, Trưởng Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
14	Nguyễn Thanh Sỹ	ThS, Giám đốc Trung tâm TT&TV	Thành viên
15	Hồ Thị Thanh Hòa	Sinh viên năm 3 Ngành Công tác xã hội	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người) 

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 4446/QĐ-ĐHKH ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đỗ Diên	ThS, Trưởng Phòng KT&BĐCLGD	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Phó Trưởng Khoa XHH&CTXH	Thành viên
3	Trương Thị Xuân Nhi	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Nguyễn Tư Hậu	ThS, Trợ lý CTSV&BĐCLGD Khoa XHH&CTXH	Thành viên
5	Nguyễn Thiệu Tuấn Long	ThS, Trợ lý ĐTDH Khoa XHH&CTXH	Thành viên
6	Võ Nữ Hải Yến	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hoài Phương	ThS, Trợ lý ĐTSDH Khoa XHH&CTXH	Thành viên
8	Nguyễn Mạnh Hà	TS, Phó Trưởng Phòng KT&BĐCLGD	Thành viên
9	Huỳnh Thị Kim Yến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BĐCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 09 người) 

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

((Kèm theo Quyết định số 416./QĐ-ĐHKH ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế))

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT			
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
1	Huỳnh Thị Ánh Phương	TS, Trưởng Bộ môn CTXH Khoa XHH&CTXH	Trưởng nhóm
2	Trương Thị Xuân Nhi	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thư ký
3	Bùi Quang Dũng	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thanh Liên	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTĐH&CTSV	Thành viên
5	Đặng Thị Mỹ Ý	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTĐH&CTSV	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
1	Trương Thị Yến	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Tư Hậu	ThS, Trợ lý CTSV&BDCLGD Khoa XHH&CTXH	Thư ký
3	Lê Thị Phương Vỹ	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Trương Thị Ty	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTĐH&CTSV	Thành viên
5	Huỳnh Thị Kim Yến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCLGD	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
1	Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, Phó Trưởng Khoa XHH&CTXH	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thiệu Tuấn Long	ThS, Trợ lý ĐTĐH Khoa XHH&CTXH	Thư ký
3	Lê Duy Mai Phương	ThS, Trợ lý TC&NCKH Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Phạm Thị Hồng Oanh	ThS, Chuyên viên Phòng TC&HC	Thành viên
5	Đinh Thị Thanh Huyền	CN, Chuyên viên Phòng TC&HC	Thành viên

Nhóm 4. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	Nguyễn Hữu An	TS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Trưởng nhóm
2	Võ Nữ Hải Yến	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thư ký
3	Nguyễn Cẩm Bình	CN, Chuyên viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Thái Nhật Trường	ThS, Phó Trưởng Phòng ĐTĐH&CTSV	Thành viên
5	Nguyễn Lê Phú Hải	ThS, Phó Trưởng Phòng KHTC&CSVC	Thành viên
6	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	CN, Chuyên viên Trung tâm TT&TV	Thành viên
Nhóm 5. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			
1	Phạm Tiến Sỹ	TS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Hoài Phương	ThS, Trợ lý ĐTSĐH Khoa XHH&CTXH	Thư ký
3	Nguyễn Thị Nha Trang	ThS, Giảng viên Khoa XHH&CTXH	Thành viên
4	Trương Thị Ty	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTĐH&CTSV	Thành viên
5	Nguyễn Lý Hữu Huân	ThS, Chuyên viên Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
6	Hoàng Thị Thuý Phượng	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BĐCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 26 người)



3. Kế hoạch TĐG

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4190 /KH-ĐHKH

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

I. Mục đích tự đánh giá

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT).
- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội.
- Đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và tiến tới kiểm định chất lượng theo AUN-QA.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội của Khoa Xã hội học và Công tác xã hội theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

III. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.
- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học.
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ-ĐHKH ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng.

- Hội đồng gồm có 15 thành viên.
- Ban thư ký gồm có 09 thành viên.
- 05 nhóm công tác chuyên trách gồm 26 thành viên.

2. Quy định về nhiệm vụ và phân công thực hiện

2.1. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá

Chủ tịch Hội đồng: Chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Phó Chủ tịch Hội đồng: Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý công việc theo sự phân công hoặc ủy quyền. Khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.

Các thành viên khác của Hội đồng: Chịu trách nhiệm chung về viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Cung cấp, hỗ trợ xử lý các thông tin minh chứng cho nhóm chuyên trách. Phối hợp và thực hiện các yêu cầu của các nhóm chuyên trách và Ban thư ký. Đảm bảo công tác tự đánh giá đúng tiến độ và đạt hiệu quả. Góp ý, phản biện cho báo cáo tự đánh giá.

Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, triển khai chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của Nhà trường đến toàn thể viên chức, người lao động và người học thuộc đơn vị mình quản lý.

2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký

Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo sơ thảo, báo cáo cuối cùng, tổng hợp danh mục minh chứng cuối cùng và trình Hội đồng.

Các thành viên thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và danh mục minh chứng nhóm mình phụ trách. Góp ý cho các bản thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

2.3. Nhiệm vụ của các Nhóm công tác chuyên trách

Nhóm công tác chuyên trách: Chịu trách nhiệm hoàn thành tập hồ sơ các phụ lục theo công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, gồm : Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3), Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phản biện các nhóm khác theo phân công.

- Trưởng nhóm: Điều hành chung, phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo tự đánh giá, tiến độ thực hiện kế hoạch, báo cáo cuối cùng và minh chứng; và chịu trách nhiệm giải trình với Đoàn đánh giá ngoài về nội dung và minh chứng đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí của nhóm mình phụ trách.

- Thư ký: Giúp trưởng nhóm quản lý các công việc của nhóm, góp ý cho các bản báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung, rà soát tính hợp lý, tính chính xác của minh chứng

do nhóm mình thu thập.

- Các thành viên: Các thành viên tại Khoa thực hiện phân tích tiêu chí; tìm, xử lý thông tin, minh chứng tại Khoa; đánh giá, viết báo cáo tiêu chí theo sự phân công của Trưởng nhóm. Các thành viên tại các phòng chức năng chịu trách nhiệm tìm, xử lý minh chứng (có ở phòng). Nhập thông tin, minh chứng lên phần mềm tự đánh giá và góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1	06/11/2023- 19/01/2024
2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 2	06/11/2023- 19/01/2024
3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	06/11/2023- 19/01/2024
4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4	06/11/2023- 19/01/2024
5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5	06/11/2023- 19/01/2024

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. *Thời gian:* Tháng 11/2023.

2. *Thành phần:* Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

3. *Nội dung tập huấn:*

- Phân tích tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng.
- Kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực

1. Nguồn nhân lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3	- Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý	Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BĐCLGD - Văn phòng đoàn thể	06/11/2023- 19/01/2024

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		<p>nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 1, 2 và 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác chuyên trách số 1 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 1 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	
2	Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 4 và 5. - Nhóm công tác chuyên trách số 2 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 2 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5. 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BĐCLGD - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	06/11/2023- 19/01/2024
3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 6 và 7. - Nhóm công tác chuyên trách số 3 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 3 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 6 và 7. 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BĐCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Phòng KHTC&CSVC - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	06/11/2023- 19/01/2024
4	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p>	06/11/2023- 19/01/2024

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 8 và 9. - Nhóm công tác chuyên trách số 4 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 4 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9.	- Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng KT&BDCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Trung tâm TT&TV - Đoàn TN và Hội SV - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên	
5	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	- Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 10 và 11. - Nhóm công tác chuyên trách số 5 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 5 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11.	Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BDCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Phòng KHTC&CSVC - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên	06/11/2023- 19/01/2024

2. Cơ sở vật chất

Sử dụng cơ sở vật chất hiện có, trang bị thêm các thiết bị, ứng dụng cần thiết khi có yêu cầu cần cải thiện, nâng cấp để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, hỗ trợ người học, tự đánh giá và đánh giá ngoài.

3. Tài chính

Dự trù kinh phí cơ bản cho công tác tự đánh giá bao gồm các chi phí:

- Công tác chuẩn bị tự đánh giá.
- Tập huấn, học tập kinh nghiệm, thuê chuyên gia tư vấn.
- Phân tích minh chứng cụ thể.
- Thu thập hồ sơ minh chứng, số hóa, nhập phần mềm, viết báo cáo tự đánh giá.

- Rà soát báo cáo tự đánh giá, danh mục minh chứng tổng thể, đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định hiện hành.

- Thu thập dữ liệu phản hồi các bên liên quan cho CTĐT.

- Phản biện/Góp ý báo cáo tự đánh giá cấp Trường và chuyên gia.

- Thẩm định báo cáo tự đánh giá nội bộ cấp Đại học Huế và Đoàn đánh giá ngoài.

- Thực hiện khảo sát sơ bộ và chính thức của Đoàn đánh giá ngoài.

- Văn phòng phẩm.

4. Các loại thông tin cần thu thập

STT	Nội dung thông tin	Hình thức thu thập thông tin	Sản phẩm
1	Đánh giá của sinh viên năm cuối về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
2	Đánh giá của cựu sinh viên trong 5 năm gần nhất về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
5	Đánh giá của người học về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
6	Đánh giá của người học thuộc CTĐT về mức độ đáp ứng của Trung tâm TT&TV	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
7	Đánh giá của cán bộ thuộc CTĐT về đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
8	Đánh giá của cán bộ và người học thuộc CTĐT về cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ của chuyên viên phòng ban chức năng	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
9	Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp thuộc CTĐT sau 1 năm ra trường trong 5 năm gần nhất	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD

Các nhóm chuyên trách đề xuất chi tiết kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài; mục đích, loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện, dự trù kinh phí cho hoạt động thu thập trình Hội đồng xem xét.

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Hội đồng tự đánh giá đề xuất chi tiết kế hoạch thuê chuyên gia ngoài, xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

IX. Lập bảng danh mục minh chứng

Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của từng tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách xác định nội hàm, phân tích những minh chứng cụ thể, phân loại và nhập vào phần mềm tự đánh giá theo đúng vị trí tiêu chí được sử dụng. Những minh chứng đã xuất hiện ở tiêu chí trên, được tham chiếu ở các tiêu chí dưới.

Phần mềm tự đánh giá sẽ căn cứ vị trí xuất hiện của minh chứng trên báo cáo tự đánh giá để mã hóa minh chứng theo quy luật do Hội đồng tự đánh giá quy định.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (Từ ngày 2-13/10/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Họp Ban giám hiệu và Ban chủ nhiệm Khoa Xã hội học và Công tác xã hội để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 5 (Từ ngày 16/10-05/11/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.
Tuần 6 - 9 (Từ ngày 06-28/11/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Nhập lên phần mềm tự đánh giá, mô tả thông tin và minh chứng thu thập được.
Tuần 10 - 17 (Từ ngày 29/11/2023-19/01/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn, giám sát tính thống nhất, liền mạch của tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Phòng KT&BDCLGD viết phần mở đầu, kết luận và phụ lục cơ sở dữ liệu.
Tuần 18 (Từ ngày 19-26/01/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Phòng KT&BDCLGD: <ul style="list-style-type: none"> Rà soát báo cáo, bổ sung điều chỉnh (nếu cần). Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;

Thời gian	Các hoạt động
	2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 19-20 (Từ ngày 19/02-04/3/2024)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 21-23 (Từ ngày 05-22/3/2024)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá. 3. Gửi bản báo cáo tự đánh giá cho chuyên gia phản biện.
Tuần 24-25 (Từ ngày 25/3-08/4/2024)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 26 (Từ ngày 09-15/4/2024)	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- ĐHH (để b/c);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, KTBĐCLGD.HTKY

**HIỆU TRƯỞNG****Võ Thanh Tùng**